

DUNG QUẤT

anh hùng

bước vào

thế kỷ

21



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

DUNG QUẤT ANH HÙNG
BƯỚC VÀO THẾ KỶ 21

TRUNG TÂM KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Phân viện Vật lý tại Tp. Hồ Chí Minh

Phòng Thủy hải văn công trình

Kính biểu:

Đ/c Nguyễn Văn Khanh

*Giám đốc Trung tâm thông tin Khoa học -
công nghệ Quốc gia NACESTID*

CAO MINH - NGUYỄN TRƯỞNG ĐÀN

(Biên soạn và tuyển chọn)

DUNG QUẤT ANH HÙNG BƯỚC VÀO THẾ KỶ 21

**NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
HÀ NỘI 1999**

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH **CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

"Về việc phê duyệt Quy hoạch chung Khu công nghiệp Dung Quất"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30-9-1992:

- Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chung Khu công nghiệp Dung Quất do Bộ trưởng Bộ Xây dựng trình (Tờ trình số 16/BXD-KTQH ngày 7-3-1996) với những nội dung chính như sau:

1. Về tính chất Khu công nghiệp:

Khu công nghiệp Dung Quất là khu lọc và hóa dầu đầu tiên của cả nước; là khu tập trung nhiều ngành công nghiệp có quy mô lớn, gần với cảng biển nước sâu Dung Quất và sân bay quốc tế Chu Lai; là trung tâm kinh tế của tỉnh Quảng Ngãi trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng.

2. Về quy mô:

Căn cứ vào quỹ đất của toàn khu vực, kết hợp với việc khai thác cảng biển nước sâu Dung Quất (Từ mũi Kỳ Hà thuộc Quảng Nam - Đà Nẵng đến mũi Co Co thuộc Quảng Ngãi) và sân bay Chu Lai. Khu công nghiệp Dung Quất được xây dựng chủ yếu trên địa bàn Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi và một số khu vực thuộc phía Nam huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng với quy mô khoảng 14.000 ha.

3. Về quản lý môi trường, cảnh quan:

Bố cục không gian chung của toàn khu vực phải phù hợp với việc khai thác địa hình và có các biện pháp bảo đảm môi trường trong sạch.

4. Về quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật:

Cần bảo đảm phát triển các công trình giao thông như cảng biển, ga cấp tàu, công trình kho bãi phục vụ cho Nhà máy lọc dầu, cảng nước sâu và cảng chuyên dùng khác, bảo đảm yêu cầu cấp nước, cấp điện, thoát nước, thông tin liên lạc phục vụ sản xuất của Khu công nghiệp và sinh hoạt của thành phố Vạn Tường.

5. Về chủ trương đầu tư giai đoạn đầu:

Từ nay đến năm 2000 xây dựng Nhà máy lọc dầu 6,5 triệu tấn năm và có một số công trình khác, các công trình hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ, khu dân cư để phục vụ cho giai đoạn xây dựng này.

6. Về tổ chức quản lý Khu công nghiệp Dung Quất:

Giao cho Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chủ trì làm việc với các Bộ và địa phương có liên quan để thống nhất phương án trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 2: Giao cho Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Điều lệ quản lý quy hoạch xây dựng Khu

công nghiệp Dung Quất làm cơ sở cho việc quản lý xây dựng, bảo đảm xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt và các quy định của Nhà nước.

Điều 3: Các Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng; các Bộ trưởng: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Bộ trưởng – Trưởng Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ; Thủ trưởng các Bộ ngành khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
VÕ VĂN KIỆT

QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Khóa X kỳ họp thứ 2
(Từ ngày 21 - 11 - 1997 đến ngày 12-12-1997)

NGHỊ QUYẾT
VỀ DỰ ÁN NHÀ MÁY LỌC DẦU SỐ 1 DUNG QUẤT

QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992:

Căn cứ Nghị quyết số 05/1997/QH10 của Quốc hội khóa X tại kỳ họp thứ 2 về Tiêu chuẩn các công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư:

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 399 KTN ngày 17-11-1997 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số

44/KHCNMT ngày 20-11-1997 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội và ý kiến của các đại biểu Quốc hội về Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1

Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất là công trình quan trọng quốc gia.

Đồng ý chủ trương đầu tư xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất với công suất thiết kế 6,5 triệu tấn dầu thô/năm.

Điều 2

Giao Chính phủ tổ chức thực hiện Dự án và lưu ý một số điểm sau:

- Đảm bảo việc xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất phù hợp với quy hoạch phát triển ngành dầu khí, trong đó có kế hoạch nâng cao công suất lọc dầu để phát triển công nghiệp hóa dầu; phù hợp với quy hoạch phát triển tổng thể của khu công nghiệp Dung Quất và quy hoạch phát triển kinh tế miền Trung.

- Trong tính toán báo cáo nghiên cứu khả thi, cần đặc biệt chú ý hiệu quả kinh tế - xã hội của Dự án, trình độ công nghệ, bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường.

- Có kế hoạch thích hợp huy động các nguồn vốn để bảo đảm thực hiện Dự án đúng tiến độ và giảm bớt ảnh hưởng đến sự cân đối ngân sách và các dự án đầu tư quan trọng khác:

- Thực hiện tốt việc giải phóng mặt bằng và tái định cư.

- Hàng năm Chính phủ báo cáo Quốc hội tình hình thực hiện Dự án.

Điều 3

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày Quốc hội thông qua.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 5 tháng 12 năm 1997.

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
NGÔ ĐỨC MẠNH**

LỜI GIỚI THIỆU

Dung Quất - mảnh đất anh hùng trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, nơi đây đã từng ghi lại những trận đánh và những chiến công oanh liệt của quân và dân ta như trận Mũi Thành, trận Vạn Tường... làm cho bọn xâm lược kinh hồn bạt vía.

Giờ đây năm tháng đã qua đi, chiến tranh đã lùi về quá khứ, Dung Quất đang từng ngày đổi mới. Dưới ánh sáng đường lối đổi mới của Đảng nhân dân Dung Quất đang bước vào thời kỳ cách mạng mới: Đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Dung Quất được Chính phủ quy hoạch thành khu công nghiệp, khu trọng điểm kinh tế của khu vực miền Trung. Nơi đây đã và đang mọc lên những công trình thế kỷ: Nhà máy lọc dầu số 1; Cảng biển nước sâu Dung Quất; Sân bay Chu Lai, khu đô thị mới Vạn Tường...

Những công trình đó sẽ tạo động lực mạnh mẽ cho kinh tế miền Trung cất cánh vào những năm đầu của thế kỷ 21. Chúng giúp bạn đọc hiểu rõ hơn về mảnh đất 'Dung Quất anh hùng' và những tiến trình xây dựng khu công nghiệp này. Nhà xuất bản Thanh Niên trân trọng giới thiệu cuốn sách: "Dung Quất anh hùng bước vào thế kỷ 21" của hai tác giả: Cao Minh và Nguyễn Trường Dân.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Phần Một

DUNG QUẤT ANH HÙNG

VỊ TRÍ, HOÀN CẢNH

ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN KHU VỰC DUNG QUẤT

Thiên nhiên đã ban tặng cho nhân dân các xã ven biển ở phía Đông Bắc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi và một số xã phía Nam huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam một vịnh biển sâu và đẹp, bốn mùa nước biển trong xanh, trời yên, biển lặng, nhân dân có thể đánh bắt hải sản quanh năm kể cả lúc biển động, gió mạnh, vì đã được thiên nhiên bao bọc và chở che. Nhân dân địa phương thường gọi đó là Vũng Quýt. Vì đứng ở núi Nam Trâm (phía huyện Bình Sơn) hoặc ở mũi Thành Long, Kỳ Hà (phía huyện Núi Thành - Quảng Nam) thì nhìn toàn vịnh vừa tròn, vừa bầu giống như quả quýt. Trên các bản đồ được lưu hành qua các thời kỳ, Vũng Quýt còn được ghi là vịnh Dung Quất. Cái tên vịnh Dung Quất trở nên

được nhiều người biết đến kể từ khi các nhà khoa học của Phòng thủy hải văn công trình thuộc Phân viện khoa học Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh (nay là Trung tâm khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia) nghiên cứu và lập dự án chọn địa điểm xây dựng cảng biển nước sâu và khu công nghiệp ở khu vực này.

Toàn bộ vịnh Dung Quất được xem là vịnh lớn. Cửa vịnh lớn được giới hạn từ mũi Thành Long (huyện Núi Thành - Quảng Nam) đến mũi Co Co (huyện Bình Sơn - Quảng Ngãi) với chiều rộng cửa là 11km. Chiều dài trung bình của vịnh là 12km, nơi dài nhất là 13km. Chiều rộng trung bình của vịnh là 4km, nơi rộng nhất là 5km. Tổng diện tích toàn vịnh là 48km^2 , trong đó phần diện tích có độ sâu từ 6-20m chiếm khoảng 34km^2 . Phần diện tích có độ sâu từ 10-20m chiếm khoảng 25km^2 (bằng 52% diện tích toàn vịnh). Các đường đẳng sâu phân bố gần như song song với vạch bờ. Đáy vịnh hầu hết là cát trắng và rất mịn. Phần phía Tây vịnh lớn, đoạn từ cửa sông Trà Bồng đến mũi Thành Long chịu tác động mạnh mẽ của trường gió mùa Đông Bắc. Phần

phía Đông từ cửa sông Trà Bồng đến mũi Co Co là khu vực được mũi Co Co chắn tạo thành khu vực kín gió.

Vịnh nhỏ: khu vực vịnh nhỏ nằm trong phần phía Đông vịnh lớn. Vịnh nhỏ có cửa là đường nối liền cửa Sơn Trà (cửa sông Trà Bồng) với tọa độ $108^{\circ} 47'E$ và $15^{\circ} 23'N$ và mũi CoCo (mũi đất Vi An Ka) với tọa độ $108^{\circ} 47'E$ và $15^{\circ} 26'N$. Cửa vịnh có chiều rộng 4km và hướng về Tây Tây Bắc. Vì vậy cửa vịnh được che chắn bởi phần đất liền phía Chu Lai và mũi Thành Long của tỉnh Quảng Nam.

Diện tích của vịnh nhỏ khoảng $7km^2$. Phần diện tích có độ sâu từ 6-20m chiếm khoảng $3km^2$. Khu vực có độ sâu lớn là phần phía Đông vịnh sát với mũi Co Co. Đáy vịnh nhỏ là cát trắng mịn.

Phần phía Đông Bắc vịnh được che chắn bởi dãy núi đá thấp có chiều dài khoảng 2,3km và chiều rộng trung bình khoảng 0,5km, độ cao trung bình khoảng 20m, chỗ cao nhất là mũi Co Co (hơn 40m). Dãy núi này chạy theo hướng Đông Nam - Tây Bắc tạo thành mũi dài thọc sâu ra biển. Phía

Đông vịnh có núi Nam Trâm cao 141m và dài 1km chạy theo hướng Tây Nam - Đông Bắc.

Về khoảng cách từ khu vực vịnh nhỏ nơi dự định xây cảng biển nước sâu đến các khu vực quan trọng tính theo đường thẳng như sau:

Cách Hà Nội: 860km

Cách thành phố Hồ Chí Minh: 860km

Dung Quất nằm đúng vào điểm giữa của hai trung tâm lớn nhất của đất nước là Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Cách cảng Đà Nẵng: 95km

Cách cảng Quy Nhơn: 190km

Cách căn cứ Chu Lai: 7km

Cách đường hàng hải nội địa: 30km

Cách đường hàng hải Quốc tế: 190km

Từ khu vực xây dựng cảng đến quốc lộ 1A, đường sắt và đường điện quốc gia tại ngã ba Bình Đông là 12km và về đến thị xã Quảng Ngãi là 38km.

Với những điều kiện trên vịnh nhỏ Dung Quất là một vịnh sâu, kín gió, nằm ở vùng giữa của đất nước, tiếp cận với đường hàng hải Đông Tây, có hậu phương lớn, có khả năng trở thành cửa ngõ thông thương với các nước Lào, Thái Lan, Campuchia và Myanma, có mặt bằng rộng lớn và nguồn nước phong phú, tiếp cận với đường giao thông xuyên Việt của đất nước, có nhiều thuận lợi để xây dựng một cảng biển nước sâu, một khu công nghiệp tập trung của miền Trung và đất nước trong giai đoạn phát triển sắp đến.

Về khu vực trên đất liền:

Dải cát ven vịnh kéo dài từ cửa sông Cầu (xã Bình Thuận) đến cửa sông Trà Bồng (xã Bình Đông) có chiều rộng khoảng 100-200m. Tiếp theo dải cát hẹp là bãi cát và đất pha cát bằng phẳng có chiều dài 5km và rộng 2km với diện tích khoảng 10km². Phần đất rộng lớn nằm về phía bên trái sông Trà Bồng khoảng 25km² và phần đất bên phải sông Trà Bồng khoảng 46km². Nhìn chung phần đất có thể xây dựng khu công nghiệp và khu dân cư đô thị kéo dài từ Chu Lai

đến Vạn Tường trên khu vực rộng lớn hàng trăm km² nằm trên địa bàn huyện Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi (Bình Đông, Bình Thuận, Bình Thạnh, Bình Trị, Bình Phước, Bình Chánh, Bình Hòa, Bình Dương, Bình Hải, Bình Nguyên,...) và huyện Núi Thành - tỉnh Quảng Nam. Trong khu vực dự định xây dựng khu công nghiệp có sông Trà Bồng chảy ra vịnh Dung Quất. Sông Trà Bồng có lưu vực nhỏ, chảy qua vùng đồi núi có rừng phòng hộ đầu nguồn tốt nên lượng phù sa do xói mòn rất ít.

Nhìn chung khu vực rộng lớn nói trên do sự phân bố của các bãi cát rộng lớn cùng với tập hợp rải rác các đồi núi thấp chen giữa các vùng đất khô cằn đã trở thành khu vực thuận lợi cho việc phát triển xây dựng các khu công nghiệp và khu dân cư đô thị với cảnh quan hùng tráng như khu vực ven biển vịnh Dung Quất kéo dài đến vịnh Việt Thanh vùng Nho Na - Vạn Tường.

Với những điều kiện thuận lợi của vịnh Dung Quất (vịnh nhỏ) và khu vực đất liền Dung Quất, ta có thể xây dựng một cảng biển nước sâu gắn liền với xây dựng một khu công nghiệp - đô

thị tập trung bảo đảm cho miền Trung có thể cất cánh vào thế kỷ 21 và sự phát triển chung của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

VÙNG ĐẤT DUNG QUẤT - CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG

Dung Quất cũng như bất kỳ một vùng đất nào trên đất nước Việt Nam, đều chung một cội nguồn, cùng một tổ, như Bác Hồ đã viết:

*"Hồng Bàng là tổ nước ta
Nước ta lúc ấy gọi là Văn Lang".*

Đất nước Việt Nam, từ thời Hùng Vương - Văn Lang, đến thời đại Hồ Chí Minh, với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã trải qua hơn bốn nghìn năm lịch sử. Qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, tổ tiên ta vừa chinh phục thiên nhiên, vừa đấu tranh xã hội, để dựng nước và giữ nước, vừa phát triển kinh tế vừa phát triển văn hóa. Đất nước luôn được phát triển và xây dựng ngày càng giàu đẹp.

Vùng đất tự nhiên của kinh tế văn hóa Văn Lang - Âu Lạc - Vạn Xuân là vùng Bắc Bộ ngày nay, xung quanh hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.

Đến thời Đại Cồ Việt, cuối thế kỷ thứ X mới mở rộng đến đèo Ngang với Cửu Chân, Giao Chỉ (tức Thanh, Nghệ, Tĩnh).

Dưới thời An Nam đô hộ phủ của Nhà Đường (679) gọi là Ái Châu, Diên Châu, Hoan Châu, cũng chỉ từ đèo Ngang trở ra.

Chỉ từ sau năm 980, Lý Thái Tông và Lý Thánh Tông trong các năm 1044, 1069 và 1252 mới lần lượt lập thêm các Châu Địa Lý, Bố Chánh, Ma Linh (Quảng Bình và Quảng Trị).

Năm 1306, Chế Mân lại cắt hai châu: Châu Ô và Châu Rí làm lễ cưới Huyền Trân Công chúa. Vua Trần Anh Tông đổi thành Thuận Châu và Hóa Châu (Thuận Hóa - Thừa Thiên).

Từ 1361 - 1383 Hồ Quý Ly chia Chiêm Đông (Quảng Nam) và Cổ Lũy (Quảng Nghĩa) thành 4 châu: Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa.

Thời Hậu Lê vào các năm 1430, 1446, 1471, các vua Lê lập các đơn vị hành chính đến tận đèo

Cù Mông, lập thành đạo Quảng Nam (bao gồm Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định ngày nay).

Từ 1661 đến đầu thế kỷ XVIII, các chúa Nguyễn lại lần lượt lập các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, Nha Trang, Phan Rang, Phan Thiết ngày nay.

Đặc biệt, công cuộc khai khẩn đất đai của dân lưu tán người Việt từ đầu thế kỷ XVI vào đất Mô Xoài - Đồng Nai - Bến Nghé - Mỹ Tho - Cửu Long - Hà Tiên... kéo dài trên 250 năm (từ đầu thế kỷ 16 đến năm 1765) đã kết thúc trọn vẹn vào cuối đời Vũ Vương (Nguyễn Phúc Khoát). Tất cả đất đai của miền Tây Nam Bộ trở thành lãnh thổ của Việt Nam và biên giới này giữ nguyên từ đó cho đến ngày nay với địa danh mới Nam Bộ có cảnh quan sinh thái độc đáo hoàn toàn khác vùng Bắc, Trung. Vùng địa lý kinh tế văn hóa mới này là vùng đất giàu có nhất, phong phú nhất về nhiều mặt để tạo nên những thành tựu văn hóa vật chất độc đáo của nền văn minh Nam Bộ, văn minh lúa nước đồng bằng sông Cửu Long.

Quá trình hình thành và phát triển dân cư - dân tộc Việt Nam đã diễn ra trong hoàn cảnh lịch

sử và địa lý cụ thể như trên, đã làm cho kinh tế và văn hóa Việt Nam trở thành một sức mạnh to lớn chiến thắng thiên tai, địch họa để xây dựng nên một đất nước Việt Nam phát triển rực rỡ qua nhiều thời kỳ. Từ một bọc trứng "100 quả nở 100 con" mà ngày nay đã có một dân số lên đến trên 70 triệu người. Dân tộc Việt Nam đã biết khai thác tốt nền kinh tế nông nghiệp, nền văn hóa nông nghiệp lúa nước và các nguồn kinh tế, tài nguyên giàu có khác. Điều đó nói lên chủ nhân của lịch sử nền kinh tế Việt Nam là một cộng đồng hòa hợp đa dân tộc (gồm 54 dân tộc anh em) trong đó người Kinh chiếm đa số. Mỗi dân tộc có một sắc thái kinh tế văn hóa riêng, hết sức phong phú, đa dạng, nhưng thống nhất trong nền kinh tế - văn hóa chung của nước Việt Nam. Tất cả đều chung sức, chung lòng đổ mồ hôi, nước mắt, xương máu của mình lao động sản xuất, cùng nhau dựng nước, giữ nước, xây đắp nền kinh tế, nền văn hóa Việt Nam ngày càng phát triển phong phú đa dạng và tốt đẹp hơn.

Quá trình hình thành vùng đất Dung Quất:

Dung Quất được hình thành cùng với việc hình thành tỉnh Quảng Ngãi... "Với nhiều dấu tích

của nền văn hóa cổ xưa như: di chỉ Gò Trá (Tịnh Thọ, Sơn Tịnh), di chỉ Gò Vàng (Sơn Kỳ, huyện Sơn Trà) thuộc thời đại đồ đá cũ, di chỉ Long Thạch (xã Phổ Thạnh - huyện Đức Phổ) thuộc sơ kỳ đồng thau, di chỉ Bình Châu (huyện Bình Sơn) thuộc trung kỳ đồng thau, văn hóa Sa Huỳnh thuộc thời kỳ đồ sắt sớm. Qua các dấu tích trên cho thấy Quảng Ngãi là địa bàn cư trú lâu đời của dân ven biển miền Trung. Theo sử sách, vùng đất Quảng Ngãi đã có từ thời nhà Hán xâm lược và thống trị nước Âu Lạc (năm Nguyên Đình thứ 6 - 111 trước Công nguyên). Lúc ấy, Quảng Ngãi thuộc huyện Lư Dung (huyện Lư Dung bao gồm đất phủ Thăng Bình (Quảng Nam và Quảng Ngãi ngày nay). Vào cuối thế kỷ thứ II, nhân dân huyện Tượng Lâm đã nổi dậy giành quyền tự chủ thành lập Lâm Ấp (huyện Tượng Lâm bao gồm đất Bình Định, Phú Yên ngày nay).

Sang thế kỷ VI, nhà Lương thống trị nước ta và tiến vào phía Nam đánh chiếm cả Lâm Ấp và thành lập quận Đức Châu, bấy giờ vùng đất Quảng Ngãi thuộc huyện Đức Châu. Từ năm 602 (nhà Tùy xâm lược nước ta) đến cuối thế kỷ XIV, vùng đất Quảng Ngãi do Nhà nước Chăm Pa cai

quản. Phần đất Quảng là Cổ Lũy Động (còn gọi là Chiến Lũy). Năm 1400 nhà Hồ thay triều Trần, tháng 7-1402 đánh lấy đất Chiêm Động thuộc tỉnh Quảng Nam (bao gồm vùng đất từ huyện Duy Xuyên đến huyện Núi Thành ngày nay) và Cổ Lũy Động. Họ Hồ chia vùng đất Cổ Lũy (Quảng Ngãi), thành Châu Tư (huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh ngày nay) và Châu Nghĩa, trực thuộc lộ Thăng Hoa của nước Đại Ngu (Quốc hiệu nước ta thời Hồ).

Năm 1407, nhà Minh (Trung Quốc), qua xâm lược và thống trị nước ta. Nhân cơ hội này, Chiêm Thành đem quân chiếm đất Chiêm Động và Cổ Lũy.

Để củng cố vùng đất phía Nam, xây dựng đất nước thống nhất, năm Hồng Đức thứ hai (1471) vua Lê Thánh Tông cùng các tướng lĩnh đem quân thu phục Thăng Hoa, (thuộc Quảng Nam) và Tư Nghĩa (thuộc Quảng Ngãi) và Thành Đồ Bàn (thuộc tỉnh Bình Định ngày nay) sau đó thành lập đạo Thừa Tuyên Quảng Nam là đơn vị hành chính (như cấp tỉnh ngày nay) thứ 13 của cả nước. Thừa Tuyên Quảng Nam thống lĩnh 3 phủ: Thăng Hoa (thuộc Quảng Nam) Tư Nghĩa (tỉnh Quảng

Ngãi), Hoài Nhơn (Bình Định). Từ đó, vùng đất này vĩnh viễn trở thành một bộ phận không thể chia cắt của Tổ quốc Việt Nam.

Đồng thời với việc xác lập bộ máy cai trị, để mở mang vùng đất mới, nhà Hồ và sau là nhà Lê đã cho mộ dân Bắc Bộ và Trung Bộ vào sinh cơ, lập nghiệp. Triều đình cũng để số quân lính đã tham gia chiến đấu ở lại khai khẩn và thành lập các đồn điền. Từ đầu thế kỷ XV, người Việt cùng các tộc người bản địa chung sức khai thác, xây dựng vùng đất Quảng Ngãi, Quảng Nam, trong đó có vùng đất Dung Quất ngày nay..."⁽¹⁾

Đặc điểm vùng đất Dung Quất:

Vùng đất Dung Quất ở đây, chỉ giới hạn trong phạm vi quy hoạch chung khu công nghiệp Dung Quất, bao gồm một số xã vùng Đông Bắc huyện Bình Sơn (thuộc tỉnh Quảng Ngãi) như: Bình Thạnh, Bình Đông, Bình Thuận, Bình Trị, Bình

⁽¹⁾ Theo sách: Quảng Ngãi: Đất nước - Con người - Văn hóa, do Sở Văn hóa thông tin Quảng Ngãi xuất bản năm 1977

Hải, Bình Hoà, Bình Phước, Bình Chánh, Bình Phú và một số xã thuộc phía Nam huyện Núi Thành (thuộc tỉnh Quảng Nam) như: Tam Quang (mũi Kỳ Hà) Tam Nghĩa (căn cứ Chu Lai) và thị trấn Núi Thành, tổng diện tích khoảng 14.000 ha, trong đó huyện Núi Thành có khoảng 3700 ha, huyện Bình Sơn có khoảng 10.300 ha.

Đây là những vùng do cát biển bồi tụ lên thành những bãi cát rộng ven biển, xen lẫn có những động cát cao ở về phía Đông huyện Bình Sơn, những bãi cát này thích hợp với các loại cây lương thực như: khoai lang, khoai mì, cây dừa và rừng phi lao có tác dụng làm vành đai phòng hộ chống cát biển bồi lấn. Phía trong đất liền, xen lẫn những đồi núi thấp, có những cánh đồng nhỏ, trồng được lúa từ 1 đến 2 vụ, chủ yếu là dựa vào thiên nhiên nên thường bị hạn hán, năng suất thấp.

Tuy là vùng đất nghèo, nhưng có địa thế đẹp và khí mạch tốt: phần lớn các xã trong khu Dung Quất đều có bãi biển đẹp và sạch kéo dài từ Bình Châu (thuộc huyện Bình Sơn) đến Kỳ Hà (thuộc Núi Thành), đặc biệt có vịnh Dung

Quất, là một vịnh lớn, có độ nước sâu, kín gió và vị trí rất đẹp.

Trong khu vực này có sông Trà Bồng, dài 55km phát nguyên từ Đông Trường Sơn (Thanh Bồng - Trà Bồng) chảy xuyên qua huyện Trà Bồng và huyện Bình Sơn, đổ ra cửa Sa Cần, chảy ra vịnh Dung Quất.

- Các xã ven biển của Dung Quất nằm trong vùng biển của tỉnh Quảng Ngãi - Quảng Nam, là nơi tiếp giáp hai dòng hải lưu nóng và lạnh, có lượng phù du thức ăn của cá tương đối phong phú nên có nhiều loại cá và hải sản tương đối phong phú và quý như: cá ngừ, cá thu, cá chuồn, cá nục, cá cơm, cá trích, tôm hùm, mực, cua, hải sâm, rau câu... Nhân dân ven biển có thể khai thác quanh năm. Vùng ven biển một số xã có điều kiện nuôi trồng hải sản, trồng rừng nước mặn (sú, vẹt, đước) để bảo vệ bờ biển, bảo vệ môi trường, có một số đầm có thể nuôi tôm và cá nước lợ...

Vùng đất Dung Quất thuộc những vùng đất nghèo của ven biển miền Trung, đất đai xấu, thời tiết làm nông không thuận lợi nhưng với bản chất cần cù lao động, tần tảo, tận dụng mọi điều kiện

để khai phá và canh tác nên nhân dân ở đây bảo đảm được cuộc sống đạm bạc trong nhiều thế kỷ.

Vùng biển có nhiều hải sản phong phú, có vịnh lớn Dung Quất hạn chế được sóng to, gió dữ, thuận lợi cho việc khai thác quanh năm, nhưng vì đánh bắt bằng phương tiện thủ công nên năng suất thấp. Do đó, đây là vùng đất chỉ có thể xây dựng các cơ sở công nghiệp và chỉ có làm công nghiệp mới mong đổi đời cho nhân dân vùng Dung Quất nghèo khó, cần cỗi vĩnh viễn thoát khỏi đói nghèo, trở nên giàu có và tươi đẹp.

Con người và truyền thống:

Con người ở vùng Dung Quất là một bộ phận của người Việt ở Quảng Ngãi, có gốc tích chủ yếu từ các vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh vào định cư, khai khẩn xây dựng quê hương từ thế kỷ XV, XVI. Kế thừa và phát huy truyền thống của dân tộc Việt Nam, cũng như truyền thống nơi phát tích, người Việt đã đoàn kết với cộng đồng dân cư ở bản địa trong quá trình sản xuất và chiến đấu khá gian nan. Trải qua gần 6 thế kỷ khai mở, xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, nhân dân

vùng Dung Quất cũng như nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam đã ra sức lao động chinh phục thiên nhiên, đoàn kết cùng nhau chống áp bức bóc lột, chống bất công và mọi kẻ thù xâm lược để xây dựng quê hương, xóm làng ngày càng tươi đẹp và giành quyền sống cho con người.

- Từ vùng đất do cát biển bồi tụ và hoang vu, nhân dân lao động ở đây, từ thế hệ này đến thế hệ khác đã đem mồ hôi, sức lao động bên bờ biển cải tạo đồ sản xuất lương thực, thực phẩm nuôi sống con người và xây dựng thành những xóm làng tươi đẹp. Sách Đại Nam nhất thống chí đã nhận xét về đất đai và con người vùng này: "Đất bạc, dân chăm, tích tẩn tiện, không xa hoa"... "thích việc nghĩa, giữ khí tiết"...

Ngoài một bộ phận làm nông, còn một bộ phận làm nghề đánh bắt cá và khai thác hải sản, lao động cực nhọc, thường xuyên phải đương đầu với sóng gió trên biển, nên họ chú trọng sức khỏe và sự mưu trí để nhận biết những luồng cá và cả thời tiết như gió, bão v.v... chủ động đối phó. Do đó người dân làm nghề biển rất khỏe mạnh và có tính phóng khoáng, cương trực.

Đi đôi với chinh phục thiên nhiên, khai khẩn đất đai, phát triển ngành nghề lao động sản xuất, làm ra của cải để nuôi sống gia đình và xã hội, người dân vùng Dung Quất đã kể vai sát cánh cùng đồng bào của huyện Bình Sơn (tỉnh Quảng Ngãi) và huyện Núi Thành (tỉnh Quảng Nam) đoàn kết chiến đấu chống áp bức, bất công và các kẻ thù xâm lược để bảo vệ quê hương, bảo vệ Tổ quốc... đã từng tham gia vào chiến công của vua Lê Thánh Tông (1471) tham gia khởi nghĩa Tây Sơn mà Quảng Ngãi là Tây Sơn tả đạo...

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, triều đình Huế thừa nhận sự đô hộ của thực dân Pháp đối với nước ta. Nhân dân Dung Quất đã cùng với nhân dân các địa phương trong huyện, trong tỉnh và cả nước, liên tục tham gia các phong trào kháng Pháp và những cuộc khởi nghĩa do các cụ Lê Trung Đình, Nguyễn Tự Tân lãnh đạo (tháng 7-1895) các cuộc vận động Duy Tân, hưởng ứng Chiếu Cần Vương và phong trào chống sưu thuế vào những năm đầu thế kỷ XX. Nhưng tất cả các cuộc vận động, các cuộc khởi nghĩa ấy, dù có thừa nhưng đều không thành công.

Đến khi Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại mà đỉnh cao của chủ nghĩa Mác-Lênin, dẫn đến việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam với ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã nắm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Từ khi có Đảng, vùng Dung Quất cũng như nhiều nơi khác trong huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi và ở Quảng Nam, đã có cơ sở và tổ chức Đảng, đã lãnh đạo nhân dân, chủ yếu là nông dân hưởng ứng tham gia các phong trào cách mạng như: Xô-viết Nghệ-Tĩnh (1930-1931) phong trào dân chủ (1936-1939) và cuộc vận động Cứu quốc (1941-1945), cùng với cả nước nổi dậy lật đổ ách thống trị của thực dân phong kiến trong cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 và lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tiếp đó là ra sức xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng mới. Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Dung Quất đã hăng hái tiến công vào 3 mặt trận: chống giặc đói, chống giặc dốt và chống giặc ngoại xâm, đồng thời ra sức xây dựng cuộc sống mới, đạt nhiều kết quả. Để chống ngoại xâm đồng bào Dung Quất đã kiên quyết ủng hộ

cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam Bộ, thanh niên hăng hái xung phong vào bộ đội để giết giặc, và ủng hộ tiền tuyến về mọi mặt, đồng thời ra sức xây dựng hậu phương, sẵn sàng cùng đồng bào cả nước, tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân toàn diện và trường kỳ để đánh bại thực dân Pháp xâm lược. Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) vùng Dung Quất nằm trong 4 tỉnh vùng tự do liên khu 5 (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên) là căn cứ địa của liên khu 5 và là hậu phương trực tiếp của các chiến trường: Đà Nẵng, Tây Nguyên và Cục Nam Trung Bộ. Đồng bào Dung Quất đã làm tốt nhiệm vụ của hậu phương, đẩy mạnh sản xuất phát triển kinh tế và văn hóa, cung cấp nhân tài vật lực cho các vùng tạm bị chiếm, xây dựng hậu phương vững mạnh về mọi mặt, phát triển chiến tranh du kích, chống địch càn quét, đánh phá, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân và bảo vệ vững chắc vùng tự do. Nhờ đó nhân dân vùng Dung Quất đã bẻ gãy các cuộc càn quét, đánh phá của địch vào các xã ven biển trong các năm 1950 - 1954, du kích của các xã Bình Hải, Bình Trị, Bình Đông, Bình Chánh, đã

làm tiêu hao và tiêu diệt nhiều sinh lực địch khi chúng tới càn quét, hạn chế sự thiệt hại của đồng bào, tổ chức canh gác phát hiện tàu địch, bảo đảm cho đồng bào đánh cá trên biển được an toàn... đặc biệt đã đoàn kết tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau vượt qua nạn đói khủng khiếp trong những năm 1951-1952 do địch càn quét, đánh phá, phá hoại sản xuất và do thiên tai gây ra.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhân dân Dung Quất với truyền thống yêu nước và cách mạng đã vượt qua nhiều gian khổ, hy sinh, kiên trì và liên tục đấu tranh góp phần làm thất bại các chiến lược "Tố cộng diệt cộng", "chiến tranh đặc biệt", "chiến tranh cục bộ" và "Việt Nam hóa chiến tranh" tiến lên thực hiện cuộc "Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975", kịp thời tranh thủ thời cơ, các xã đã tiến công và nổi dậy giải phóng vùng Dung Quất trong những ngày tháng 3 năm 1975.

Trong hai cuộc kháng chiến thống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, vùng Dung Quất đã nổi lên một số xã tiêu biểu như xã Bình Đông đã bề gây nhiều cuộc càn quét, tiêu hao, tiêu diệt

nhiều địch trong kháng chiến chống Pháp nên được nêu danh là "Bình Đông có tiếng đánh Tây"; các xã Bình Chánh, Bình Hải, Bình Trị cũng nhiều lần bề gây các cuộc càn quét của địch vào các thôn ven biển. Xóm Cổ Ngựa, thôn Tuyết Diêm, thuộc xã Bình Đông đã ghi sâu cảm thù tội ác của giặc Pháp đã tàn sát trên 30 đồng bào trong cuộc càn quét năm 1951-1952.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhân dân và du kích thôn Thượng Hòa, thôn Tân Hy thuộc xã Bình Đông đã mưu trí, dũng cảm đánh phủ đầu giặc Mỹ từ căn cứ Chu Lai đến càn quét đánh phá, đã tiêu diệt nhiều lính Mỹ. Bình Đông là xã đi đầu trong phong trào diệt Mỹ của huyện Bình Sơn và Quảng Ngãi, từ đây xuất hiện câu ca dao:

*"Bình Đông có tiếng đánh Tây
Có gan diệt Mỹ bao vây mấy lần".*

Học tập và thi đua đánh Mỹ với Bình Đông, du kích và nhân dân các xã Bình Thanh, Bình Chánh, Bình Trung, Bình Mỹ, Bình Nguyên... đều có những trận đánh Mỹ táo bạo và thông minh,

hình thành vành đai bao vây, diệt Mỹ làm cho quân xâm lược Mỹ phải luôn luôn bị động đối phó.

Trận đánh Núi Thành đầu tiên diệt gọn một đơn vị Mỹ khi những tiểu đoàn quân Mỹ đầu tiên đổ bộ vào Đà Nẵng - Chu Lai. Quân Mỹ bố trí một chốt ở điểm cao Núi Thành nhằm bảo vệ và khống chế phía Tây căn cứ Chu Lai thuộc xã Kỳ Liên, huyện Tam Kỳ (nay là thôn Tịnh Tây, xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành tỉnh Quảng Nam).

Thực hiện mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh quân khu 5 "Đánh tiêu diệt một đơn vị Mỹ để hạ ưu thế của chúng ngay từ đầu, rút kinh nghiệm cho toàn khu..." Đúng 0 giờ 30 phút ngày 26.5.1965 đại đội 2 của tiểu đoàn 70 bộ đội tỉnh Quảng Nam cùng tổ đặc công nổ súng tiến công một đại đội lính thủy đánh bộ Mỹ tại Núi Thành, trận đánh chỉ diễn ra trong vòng 30 phút. Bị đánh bất ngờ, lính thủy đánh bộ Mỹ bị hoảng loạn, chống trả yếu ớt, quân ta diệt gọn một đại đội Mỹ, diệt và làm bị thương 140 tên, thu toàn bộ vũ khí. Đại đội 2 được Ủy Ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng cờ lập công đầu diệt gọn đơn vị chiến đấu Mỹ. Trận đánh Núi Thành có ý nghĩa

là trận phát động tinh thần dám đánh và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược trên toàn miền Nam, cổ vũ quân và dân ta vững lòng tin, anh dũng bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ. Trận Núi Thành còn xuất hiện khẩu hiệu hành động tìm Mỹ mà diệt, gặp Mỹ là đánh. Đó là bài học kinh nghiệm đánh Mỹ đầu tiên của quân và dân ta ở miền Nam làm nức lòng quân dân cả nước.

Tiếp sau trận đánh Núi Thành là chiến thắng Vạn Tường vang dội.

Đêm 17 rạng ngày 18.8.1965, quân Mỹ đã mở cuộc hành quân càn quét lớn lấy tên là "Ánh sáng sao" đánh vào thôn Vạn Tường, thuộc ven biển xã Bình Hải, huyện Bình Sơn, nhằm tiêu diệt trung đoàn chủ lực của ta về đóng tại đây (19.7.1965) và thực hiện âm mưu lấn chiếm vùng giải phóng để mở rộng khu vực an toàn cho căn cứ Chu Lai. Đây là trận càn với qui mô lớn của sư đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ với lực lượng gồm 4 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ, một tiểu đoàn xe tăng - thiết giáp, hai tiểu đoàn bộ binh ngụy. Có 6 tàu đổ bộ, 5 tàu chiến đấu, 100 máy bay lên thẳng và nhiều pháo, cối... tham gia cuộc càn quét qui mô này.

Về phía ta, chỉ có một trung đoàn chủ lực, trung đoàn 1, sư đoàn 2, quân khu 5 đóng ở Vạn Tường trong tư thế sẵn sàng chiến đấu cao, cùng với bộ đội địa phương và dân quân du kích đã kiên quyết phản công đánh bại cuộc hành quân "Ánh sáng sao" của lính thủy đánh bộ Mỹ. Suốt một ngày chiến đấu quyết liệt, ta đã đánh bại các đợt và các mũi tấn công của địch, quân Mỹ không thực hiện được kế hoạch họp điểm tại Vạn Tường. Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 900 tên Mỹ, bắn hỏng và phá hủy 22 xe tăng - xe bọc thép, 13 máy bay lên thẳng và lực lượng ta rút khỏi Vạn Tường an toàn. Đây là đòn đánh phủ đầu oanh liệt giáng vào lính thủy đánh bộ Mỹ - một binh chủng vốn được xem là ưu tú nhất của quân đội Mỹ.

Trong bài phát biểu ở Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 12 (27.12.1965) đồng chí Lê Duẩn đánh giá: "Nếu trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của Liên Xô, trận Xtalingrát là một bước ngoặt chứng tỏ rằng quân phát xít Hitle không phải không đánh được, thì chúng ta cũng có thể coi trận Vạn Tường là một bước ngoặt chứng minh một cách hùng hồn rằng quân giải

phóng miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại được quân đội Mỹ trong điều kiện chúng có một ưu thế tuyệt đối về binh khí hỏa lực so với quân giải phóng. Thật vậy, trận Vạn Tường ngày 18.8.1965 chẳng khác nào trận Ấp Bắc đối với quân nguy đầu năm 1963 và rõ ràng sau trận Vạn Tường đã có một loạt trận quân giải phóng miền Nam chiến thắng quân đội Mỹ một cách hết sức oanh liệt.⁽¹⁾

Vui mừng với những chiến thắng vang dội ở Núi Thành, Vạn Tường, nhân dân vùng Dung Quất còn khắc sâu mối thù mà lính Nam Triều Tiên, dưới sự chỉ huy của Mỹ đã gây ra vụ thảm sát cực kỳ dã man ở xã Bình Hòa. Trong các ngày 3, 5 và 6 tháng 12 năm 1966, tại 5 điểm ở xã Bình Hòa, quân Nam Triều Tiên đã sát hại 307 đồng bào ta (ở vùng đất nhà ông Trấp có 15 người, hố bom Truong Đình có 36 người, Dốc rừng có 59 người, Đồng Chồi giữa có 66 người, đám ruộng giếng xóm Cầu có 131 người. Sau đó, chúng còn liên tiếp càn quét, đốt phá, chém giết, hủy diệt

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng Bộ huyện Bình Sơn 1930-1975 - Nhà xuất bản Tổng hợp Nghĩa Bình xuất bản năm 1988 - trang 140, 141.

màu xanh làm cho vùng Đông huyện Bình Sơn thành một vùng trắng, chìm đắm trong cảnh máu lửa.

Trong buổi lễ phát động căm thù vụ thảm sát của địch ở Bình Hòa, đồng chí Trịnh Thị Huyền, "hủ tịch Hội phụ nữ xã đã chích máu viết trên khăn tang kêu gọi du kích, bộ đội thể chiến đấu trả thù cho bà con Bình Hòa với khẩu hiệu "Xé xác rồng xanh, phanh thây giặc Mỹ".⁽¹⁾

Tại đây, nhân dân địa phương đã xây dựng một tấm bia căm thù để ghi tội ác tày trời của đế quốc Mỹ và quân chư hầu.

Qua quá trình chinh phục thiên nhiên, lao động sản xuất, xây dựng quê hương và chiến đấu chống các thế lực xâm lược từ bên ngoài và bọn bán nước bên trong, nhân dân Dung Quất một bộ phận của nhân dân Quảng Ngãi, Quảng Nam đã kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp từ xa xưa và trong những thập kỷ gần đây để dựng nước và giữ nước, đã tô đậm thêm những truyền thống quý báu:

⁽¹⁾ Rồng Xanh là tên gọi quân Nam Triều Tiên

- Đó là truyền thống yêu nước nồng nàn, yêu CNXH tha thiết, nêu cao tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì Tổ quốc và CNXH. Truyền thống này đã xuất hiện khá sớm, đặc biệt từ khi có Đảng Cộng sản ra đời và lãnh đạo Cách mạng, nhân dân Dung Quất luôn kề vai sát cánh cùng đồng bào trong tỉnh và cả nước kiên cường vượt qua mọi gian khổ hy sinh, lần lượt đánh bại mọi kẻ thù xâm lược cùng bè lũ tay sai của chúng như: phát xít Nhật, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, để giành độc lập, tự do cho dân tộc. Trong các cuộc chiến đấu ấy trên vùng Dung Quất ở mỗi cánh đồng, khúc sông, ngọn núi, bãi cát... đều ghi sâu tội ác dã man của kẻ thù và cũng ghi đậm những chiến công hiển hách, những sự kiện anh hùng của đồng bào, chiến sĩ. Với gần mười ngàn dân của 12 xã, thị trấn, chủ yếu nằm trong khu qui hoạch, khu công nghiệp Dung Quất đã có 2.399 liệt sĩ, 652 thương binh, 237 gia đình có công, và 127 bà mẹ Việt Nam anh hùng và 3 xã được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân...⁽¹⁾

⁽¹⁾ Số liệu này do Phòng Lao Động Thương Binh Xã hội huyện Bình Sơn và huyện Núi Thành cung cấp.

Biết bao mồ hôi, nước mắt, xương máu của các thế hệ đồng bào, cán bộ, chiến sĩ thấm sâu xuống vùng đất Dung Quất khô cằn đã làm giàu và rạng rỡ thêm truyền thống anh hùng, bất khuất của dân tộc, và để cho chân lý *"Không có gì quý hơn độc lập tự do"*, lẽ sống của dân tộc mãi mãi ngời sáng trên đất nước độc lập và bầu trời tự do.

- Đó là truyền thống cần cù lao động, cần kiệm, trí thông minh, sáng tạo, kiên cường bám ruộng vườn, biển khơi, thôn xóm để sản xuất và chiến đấu, xây dựng và bảo vệ quê hương, bất chấp sự khủng bố, tàn sát dã man và sự hủy diệt môi trường sống của kẻ thù. Truyền thống này sẽ được lưu truyền từ đời này qua đời khác, và được phát huy trong những hoàn cảnh vừa sản xuất, vừa chiến đấu trong điều kiện chiến tranh ác liệt.

- Đó là truyền thống nhân ái, đoàn kết thương yêu đùm bọc nhau trong tình làng nghĩa xóm, lá lành đùm lá rách, giúp nhau bảo vệ cuộc sống lành mạnh, yên vui cho mọi gia đình, cho mọi người, xây dựng cộng đồng đoàn kết và phát triển. Nhờ

truyền thống tốt đẹp ấy mà nhân dân Dung Quất đã vượt qua nhiều thiên tai, địch họa, vượt qua nạn đói khủng khiếp và những cuộc tàn sát dã man của quân thù, nêu cao ý chí dũng cảm trong lao động sản xuất và kiên cường trong chiến đấu để chiến thắng quân thù.

- Đó là truyền thống trung thành và tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đoàn kết chiến đấu dưới ngọn cờ độc lập và chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn. Đồng bào ở Dung Quất cũng như đồng bào ở trong tỉnh và cả nước đã bao đời bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, đã nhiều lần nổi dậy đấu tranh dưới ngọn cờ của các sĩ phu yêu nước nhưng không thành công. Từ ngày có Đảng, nhân dân lao động ở Dung Quất cũng như nhiều nơi khác đã đi theo Đảng, trung thành với Đảng, đã sẵn sàng chiến đấu hy sinh và vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và CNXH, một lòng một dạ tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, kiên trì chiến đấu, vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm, tiến lên giành

hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, cả nước đi lên CNXH, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã ra sức khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng lại quê hương. Đặc biệt qua hơn 10 năm đổi mới, sản xuất ngày càng phát triển, đời sống của nhân dân được nâng cao. Chính vì thế đã củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, và hăng hái thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Trước mắt đã có gần 3.500 đồng bào trong khu qui hoạch, khu công nghiệp Dung Quất đã vượt qua những khó khăn tạm thời, đã đi dời nhà cửa, mồ mả ông bà tổ tiên đến nơi định cư mới để sinh cơ lập nghiệp, nhường đất đai, ruộng vườn cho những công trình xây dựng như cảng biển nước sâu, nhà máy lọc dầu và các hệ thống đường sá. Qua đó, chứng minh đồng bào Dung Quất chẳng những trung thành, tin tưởng vào Đảng trong chiến đấu, mà còn tin tưởng trung thành với Đảng trong thời kỳ xây dựng kinh tế, thực hiện đổi mới và tiến hành công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Đó là những truyền thống hết sức quý báu của đồng bào Dung Quất anh hùng, có thể phát huy mạnh mẽ, xây đắp thêm những đức tính mới, truyền thống mới trong sự nghiệp cách mạng mới.

Năm tháng đã qua đi, chiến tranh đã lùi về quá khứ. Ngày nay, trên mảnh đất mang tên Dung Quất trong những năm tháng đánh Mỹ không còn những vết tích của bom đạn chiến tranh, không còn những cảnh xóm làng bị thiêu trụi, hoang tàn đổ nát. Giờ đây, lịch sử đã sang trang. Dưới ánh sáng đường lối đổi mới của Đảng, nhân dân Dung Quất cũng như đồng bào cả nước bước vào thời kỳ cách mạng mới: Đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Dung Quất được Chính phủ qui hoạch thành khu công nghiệp, khu trọng điểm kinh tế của khu vực miền Trung. Rồi đây những công trình, công nghiệp hiện đại sẽ được lần lượt xây dựng trên mảnh đất nghèo khó từ bao đời, nhưng rất giàu truyền thống cách mạng và ý chí đấu tranh. Có những công trình sẽ được xây dựng ngay

trên những mảnh đất đầy đau thương và rất anh hùng như: Cảng biển nước sâu được xây dựng ngay ở xóm Cổ Ngựa (xã Bình Thuận) một xóm nhỏ đã liên tục chiến đấu kiên cường hết đánh Pháp rồi đánh Mỹ và chính ở xóm nhỏ này, thực dân Pháp đã sát hại một lúc hơn 30 đồng bào ta trong cuộc càn. Nhà máy lọc dầu được xây dựng ở xã Bình Trị, trong đó có thôn Lệ Thủy nơi sinh ra cụ Trần Kỳ Phong (1872-1941) là một chiến sĩ yêu nước chống Pháp trong phong trào Cần Vương, Duy Tân, và sau là nhà cách mạng vô sản. Cụ là một trong những nhà cách mạng kỳ cựu nổi tiếng ở Quảng Ngãi trong những năm đầu của thế kỷ 20. Nhà máy luyện cán thép, nhà máy điện ở xã Bình Đông, một xã anh hùng nổi tiếng đánh Tây và đánh Mỹ. Khu công nghiệp Kỳ Hà, sân bay Chu Lai có trận đánh nổi tiếng, đầu tiên diệt gọn một đơn vị Mỹ ở Núi Thành. Thành phố Vạn Tường được xây dựng ở xã Bình Hải có trận đánh Vạn Tường vang dội và ở xã Bình Hòa - xã anh hùng, có vụ thảm sát tàn bạo hơn 300 đồng bào ta trong năm 1966 của quân Nam Triều Tiên, các công trình khác cũng được xây dựng trên vùng đất Dung Quất anh hùng, trở thành một khu công

nghiệp đô thị lớn của miền Trung, cùng cả nước đi vào thế kỷ 21 thực hiện đúng Di chúc của Bác Hồ:

*"Còn non, còn nước, còn người
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười
ngày nay!"*

Nhưng "Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay", nhân dân Dung Quất không bao giờ quên những năm tháng chiến đấu đầy gian khổ, ác liệt, hy sinh song cũng rất hào hùng ấy, lại càng không quên công ơn của đồng bào, chiến sĩ thân yêu ở Dung Quất cũng như đồng bào, chiến sĩ trên mọi miền đất nước đã chiến đấu trên mảnh đất này; trong đó có nhiều người ngã xuống, hiến dâng cả cuộc đời mình cho độc lập tự do và cho chủ nghĩa xã hội.

Nước sông Trà Bồng từ Trường Sơn đổ ra vịnh Dung Quất, hòa vào biển cả mênh mông, hòa vào những con sóng, như những hoa biển trắng xóa ngày đêm vỗ bờ không bao giờ ngừng nghỉ để chào mừng những công trình của thế kỷ 21 ở Dung Quất. Đó cũng là quy luật của đất trời nhưng cũng là để nhắc nhở những thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau, luôn luôn ghi lòng tạc dạ đạo lý "Uống

nước nhớ nguồn", "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" - đạo lý Việt Nam - văn hóa Việt Nam - muôn đời bất diệt như sông không đổi dòng, sóng biển không vỗ ngược, thì lòng người cũng không thay đổi khi cuộc sống giàu có, văn minh, và hạnh phúc, làm sáng ngời thêm đạo lý Việt Nam.

**SỐ LIỆU VỀ THÀNH TÍCH ANH HÙNG CỦA
NHỮNG XÃ CHỦ YẾU TRONG KHU CÔNG NGHIỆP DUNG QUẤT**

Xã	Tổng số dân	Bà mẹ VN anh hùng	Liệt sĩ	Thương binh	Người có công	Ghi chú
Các xã thuộc huyện Bình Sơn (Quảng Ngãi)						
Bình Thạnh	9.316	10	199	43	12	Số liệu
Bình Đông	8.229	9	169	85	47	do phỏng
Bình Thuận	6.279	26	343	65	49	Lao Động
Bình Trị	4.433	19	292	39	11	thương binh
Bình Hải	9.972	7	148	58		xã hội
Bình Chánh	10.986	11	132	51	20	huyện
Bình Hoà	5.522	18	290	50	31	Bình Sơn
Bình Phước	5.959	17	233	31	22	cung cấp
Bình Phú	2.309	25	121	80	19	
Các xã thuộc huyện Núi Thành (Quảng Nam)						
Tam Quan	12.186	5	42	30	7	Số liệu
Tam Nghĩa	10.492	4	80	42	2	do phỏng
Thị trấn Núi Thành (Gồm xã Tam Hợp)	9.669	6	350	80	17	LĐTBXH huyện Núi Thành cung cấp

Các xã được tuyên dương anh hùng lực lượng
vũ trang nhân dân:

- Xã Bình Đông
- Xã Bình Thuận
- Xã Bình Hòa
- Xã Bình Phú

Phần Hai

DUNG QUẤT BƯỚC VÀO THẾ KỶ 21

NHỮNG DỰ ÁN CHỦ YẾU SẼ ĐƯỢC TRIỂN KHAI XÂY DỰNG Ở KHU CÔNG NGHIỆP DUNG QUẤT TỪ NAY ĐẾN NĂM 2000

1. Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất:

- Chủ đầu tư: Tổng công ty dầu khí Việt Nam
(PetroVietNam)

- Hình thức đầu tư: Việt Nam tự đầu tư

- Vốn đầu tư: 1,5 tỷ đôla Mỹ.

- Địa điểm xây dựng: Tại khu Công nghiệp Dung Quất. Nhà máy được bố trí tại hai xã Bình Trị và Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Tổng diện tích: 220 ha, trong đó:

Nhà máy chính: 110 ha

Khu bể chứa dầu thô: 42 ha

Khu bể chứa sản phẩm: 28 ha

Tuyến ống lấy nước biển và xả nước thải: 4 ha

Cảng xuất sản phẩm (đất và mặt biển) khoảng: 135 ha. Hệ thống cảng rót dầu không bến (SPM), đường ống ngầm dưới biển và khu vực vòng quay tàu khoảng 336 ha.

- Công suất nhà máy: 6,5 tấn dầu thô/năm (tương đương 130 thùng/ngày).

- Nguồn cung cấp dầu thô: dầu thô Việt Nam (dầu ngọt) hoặc dầu thô có tính chất tương đương.

- Sản phẩm của nhà máy: Propylene khí lỏng (LPG), xăng không chì, dầu hỏa dân dụng, nhiên liệu phản lực, nhiên liệu diesel, nhiên liệu FO.

- Công nghệ và thiết bị: áp dụng công nghệ chế biến sâu, hiện đại. Các phân xưởng chính của nhà máy bao gồm:

Phân xưởng chưng cất dầu thô

Phân xưởng xử lý Naphtha bằng hydro.

Phân xưởng Reforming xúc tác liên tục.

Phân xưởng Cracking xúc tác cặn dầu.

Phân xưởng thu hồi Propylene.

Ngoài ra còn các hạng mục phụ trợ, công trình biển, các công trình cơ sở hạ tầng chính

ngoài hàng rào... Việc xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 sẽ mang lại nhiều lợi ích kinh tế xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng. Nhà máy lọc dầu số 1 - trái tim của công nghiệp Dung Quất và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - sẽ có những ảnh hưởng tích cực trong việc giải quyết hai nhiệm vụ chiến lược "Xây dựng đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam".

2. Cảng biển nước sâu Dung Quất:

Vịnh Dung Quất nằm ở phía Đông Bắc huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi, vịnh này kín gió mùa, có độ sâu lý tưởng 10-20m, với diện tích lớn, đủ khả năng xây dựng một cảng lớn với công suất 100 triệu tấn/năm, và có thể đón tàu có trọng tải lớn 200.000 tấn. Cảng biển nước sâu Dung Quất có nhiệm vụ:

Phục vụ cho công nghiệp lọc dầu, hóa dầu và dịch vụ khai thác dầu khí; Phục vụ công nghiệp luyện cán thép, đóng và sửa chữa tàu biển; Phục vụ cho cảng tổng hợp thương mại; Phục vụ trung chuyển Container. Trước mắt đã và đang triển khai xây dựng một cầu cảng đầu tiên đi vào hoạt động với:

- Đê chắn sóng dài 1,5km được xây dựng cơ bản.
- 4 cầu cảng xuất dầu thành phẩm.
- 1 cầu cảng hàng hóa cho tàu 10.000 DWT.
- Cảng rót dầu không bến (SPM) ở vịnh Việt Thanh, nhằm phục vụ xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 và khu công nghiệp Dung Quất.

Cảng biển nước sâu Dung Quất có vị trí chiến lược hết sức quan trọng trong việc góp phần phát triển kinh tế xã hội ở khu vực miền Trung, cũng như của cả nước và các nước trong tiểu vùng sông Mê Kông, có khả năng trở thành cửa ngõ lớn đi về phía Đông và phía Tây của Việt Nam và các nước trong khu vực.

3. Cụm công nghiệp - cảng:

*** Dự án khu liên hợp đóng và sửa chữa tàu biển:**

Vị trí: Tại cảng Dung Quất, diện tích: 120 ha

Tổng vốn đầu tư: dự kiến 800 triệu USA

Chủ đầu tư: Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam.

Dự kiến khởi công xây dựng: trước năm 2000

*** Dự án khu liên hợp luyện cán thép.**

Vị trí: tại cảng Dung Quất (về phía Tây)

Diện tích: 500 ha

Công suất: 2,5 triệu tấn

Thời gian xây dựng: 2001 - 2005

4. Sân bay Chu Lai:

Hiện trạng: có đường băng chính dài 3020m rộng 45m.

- Đường băng phụ dài 2800m, rộng 30m

- Diện tích 2100 ha (rộng 3km, dài 7km) sẽ được cải tạo, nâng cấp thành sân bay quốc tế và đã được Chính phủ phê duyệt là một trong sáu sân bay được ưu tiên đầu tư từ nay đến năm 2000 (sân bay Nội Bài, sân bay Tân Sơn Nhất, sân bay Đà Nẵng, sân bay Chu Lai, sân bay Long Thành, sân bay Cát Bi) nhằm sớm đưa sân bay Chu Lai vào hoạt động phục vụ cho phát triển khu công nghiệp Dung Quất và đi lại của hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi.

5. Đô thị mới Vạn Tường:

Thành phố Vạn Tường được quy hoạch 2400ha. Nằm về phía Đông Dung Quất, sát bờ

biển, cách quốc lộ 1A, cảng Dung Quất 15km, cách sân bay Chu Lai và thị xã Quảng Ngãi 30km. Dân số hiện tại là 16.000 người, đến năm 2000 là 28.000 người, đến năm 2010 là 120.000 người (nội thị). Là đô thị mới xây dựng theo các tiêu chuẩn của một thành phố hiện đại, với tính chất là: đô thị, công nghiệp, du lịch, là trung tâm kinh tế tài chính, khoa học kỹ thuật. Trước mắt sẽ hình thành khu dân cư đầu tiên và khu chuyên gia.

Khu dân cư đầu tiên với tính chất: đáp ứng nhu cầu ở, làm việc, sinh hoạt, vui chơi giải trí cho các đối tượng phục vụ xây dựng khu công nghiệp Dung Quất trong giai đoạn trước năm 2000(cho 18.000 người), được quy hoạch với diện tích 108 ha, trong đó có 3 phân khu là: khu dịch vụ công cộng (8,5 ha), các khu ở (72 ha), các khu cây xanh (2,5 ha).

Khu chuyên gia với tính chất là khu dân cư tập trung đầu tiên của thành phố Vạn Tường, đáp ứng nhu cầu ở, làm việc, sinh hoạt, vui chơi giải trí... cho các chuyên gia nước ngoài trong quá trình tham gia xây dựng khu công nghiệp Dung Quất, được quy hoạch với diện tích 60 ha, trong đó có

khu làm việc (5 ha) các khu cây xanh (6 ha), các khu ở (31 ha) và khu dịch vụ công cộng.

6. Khu công nghiệp hóa dầu:

Vị trí: Nằm về phía Bắc Nhà máy lọc dầu số 1, cách cảng 5km. Diện tích: 233 ha, gồm 2 khu, khu Trúc Trà 50 ha, và Đầm Dài 173 ha.

Định hướng phát triển: phát triển song song với nhà máy lọc dầu số 1 để có thể cho sản phẩm đầu tiên (polypropylen) vào năm 2001. Sản xuất đa sản phẩm, có thể tiếp nhận cùng lúc nhiều dự án sản xuất sản phẩm hóa dầu khác nhau. Ưu tiên cho dự án sản xuất các mặt hàng thay thế nhập khẩu và để xuất khẩu.

7. Khu công nghiệp Bình Chánh:

Vị trí: Nằm sát quốc lộ 1A, đường sắt xuyên Việt và đường Dốc Sỏi Dung Quất, tuyến tải điện 220kw Đà Nẵng - Quảng Ngãi, bưu điện Dung Quất, nhà máy nước; cách sân bay Chu Lai 5km, cách cảng Dung Quất 8,5km, cách thành phố Vạn Tường 20km, cách thị xã Quảng Ngãi 29,5km.

Diện tích: 500 ha, giai đoạn 1: 200 ha.

Lĩnh vực đầu tư: đa ngành, ưu tiên cho các ngành công nghiệp kỹ thuật cao, công nghệ sạch.

8. Cụm công nghiệp Kỳ Hà:

- Vị trí: Nằm sát cảng Kỳ Hà (tàu 6000 DWT), cách sân bay Chu Lai khoảng 4km về phía Đông Bắc, cách quốc lộ 1A và đường sắt xuyên Việt, đường điện 220Kv khoảng 5km; cách cảng Dung Quất khoảng 20km, cách thị trấn Núi Thành 7km.

- Diện tích: 350 ha.

- Lĩnh vực đầu tư: Đa ngành, ưu tiên cho các ngành công nghiệp kỹ thuật cao.

9. Dự án cấp nước:

- Nguồn: Sông Trà Khúc (theo kênh B7), sông Trà Bồng, sẽ xây dựng hồ Nước Trong (Trà Bồng), hồ Hải Giá (Trà Khúc), hồ Trà Cô và đập ngăn trên sông Trà Bồng.

- Giai đoạn 1998 (đã khởi công): xây dựng hồ chứa (rộng 18 ha chứa 45.000m³/ngày và nhà máy nước giai đoạn 1 công suất 15.000 m³/ngày lấy từ nước kênh B7, cung cấp chủ yếu cho thi công nhà

máy lọc dầu số 1. Sau đó nâng lên 115.000m³/ngày vào năm 2000.

- Giai đoạn 2001 - 2005: nâng công suất lên 200.000m³/ngày, trong đó xây dựng nhà máy nước Nam Chu Lai để cung cấp cho cụm công nghiệp Kỳ Hà, cụm công nghiệp Bình Chánh, sân bay Chu Lai và bổ sung cho cụm công nghiệp cảng Dung Quất.

- Giai đoạn 2006-2010: Nâng công suất lên 300.000m³/ngày.

10. Dự án cấp điện:

- Nguồn: Thủy điện sông Đà (đường dây 500Kv) thủy điện YALY (công suất 720MW), nhà máy nhiệt điện Dung Quất.

- Giai đoạn 1 (1997-1999): xây dựng đường dây 220Kv Đà Nẵng - Dung Quất (1 lộ chính thức, 2 lộ dự phòng). Trạm biến áp 220KV - 63 MVA ở Đốc Sỏi và phía 110Kv với 4 lộ chính thức và 5 lộ dự phòng.

- Giai đoạn 2 (1999-2000): Treo tiếp mạch thứ hai 220Kv từ Đà Nẵng - Dung Quất.

Lắp 1 máy biến áp 250 MVA 220/110/22Kv thay máy biến áp 63MV.

- Giai đoạn 3 (2000 trở đi) lắp thêm 2 máy biến áp 250 MVA 220/110/22Kv.

11. Dự án Bưu chính viễn thông:

Xây dựng tổng đài 45.000 số với công nghệ hiện đại nhất, được ứng dụng cho mạng truyền dẫn, mạng chuyển mạch, thông tin di động, nhắn tin, truyền dẫn tín hiệu, truyền hình.

Hướng triển khai: phát triển theo 3 giai đoạn.

- Giai đoạn 1997-1998: xây dựng 4 trạm vệ tinh bao gồm 3 trạm 512 số, 1 trạm 256 số và hệ thống điện thoại di động.

- Giai đoạn 1998 - 2000: xây dựng 1 trạm Host và các trạm vệ tinh với tổng dung lượng 8608 số, nâng cấp 4 trạm cũ lên 3584 số, phát triển các bưu cục phục vụ báo chí - viễn thông trong nước và quốc tế.

- Giai đoạn 2000-2005: Nâng cấp các trạm cũ, xây dựng các trạm mới với tổng dung lượng 45.000 số. Xây dựng mạng ngoại vi và tuyến cáp quang đến các khu thuê bao, phát triển các loại

hình dịch vụ bưu chính hiện đại cho khu công nghiệp.

12. Hệ thống giao thông đường bộ và đường sắt:

Có 3 tuyến chính:

- Đường cao tốc phía Bắc nối quốc lộ 1A tại Dốc Sỏi đến cảng Dung Quất dài 13,3km, đi qua các cụm công nghiệp chủ yếu, được nối với sân bay Chu Lai và đô thị mới Vạn Tường. Đường thiết kế cho 8 làn xe, giai đoạn 1 rải bê tông nhựa 2 làn xe, cùng với 2 cầu Trà Bồng và Cửa Đầm đang khẩn trương thi công, dự kiến giữa năm 1999 sẽ hoàn thành cùng với bến số 1 cảng Dung Quất đưa vào sử dụng.

- Đường phía Nam nối quốc lộ 1A tại Bình Long đến thành phố Vạn Tường và từ Vạn Tường đi nhà máy lọc dầu - đến cảng dài 17km. Đường thiết kế cho 6 làn xe, giai đoạn 1 rải bê tông nhựa 2 làn xe. Đường này đi qua cụm công nghiệp phía Đông và đi vào khu dân cư đầu tiên của thành phố Vạn Tường, sẽ hoàn thành cuối năm 1999.

- Đoạn 3,5km từ nhà máy lọc dầu số 1 đến khu

dân cư đầu tiên sẽ hoàn thành vào quý 1/1999.

- Đường nối quốc lộ 1A tại Bình Hiệp đến nhà máy lọc dầu số 1 dài 1km, mặt đường rộng 4,5km đã được rải nhựa đưa vào sử dụng.

- Tuyến phía Đông: Nhà máy lọc dầu - cảng Dung Quất sẽ được thi công trước năm 2000 để phục vụ việc lắp đặt đường ống dẫn dầu từ nhà máy lọc dầu ra cảng Dung Quất và ngược lại. Bên cạnh tuyến đường bộ sẽ xây dựng tuyến đường sắt dài 12km chạy song song với tuyến đường Dốc Sỏi - cảng Dung Quất, nối cảng với đường sắt Bắc-Nam.

13. Về bảo đảm môi trường:

Hệ thống xử lý nước thải của từng nhà máy, khu dân cư... và hệ thống xử lý chung sẽ xây dựng, bảo đảm công nghiệp Dung Quất là một khu công nghiệp Xanh - Sạch - Đẹp - Hiện đại.

(Theo tài liệu ở sách: "Dung Quất hành trình vào thế kỷ 21" của Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - sách xuất bản 1998 và sách "Khu công nghiệp Dung Quất" của ban quản lý khu công nghiệp Dung Quất do Sở Văn hóa thông tin cấp giấy phép xuất bản - xuất bản năm 1998).

MỘT QUYẾT ĐỊNH SÁNG SUỐT, ĐẨY TÍNH KHOA HỌC VÀ CÁCH MẠNG ĐỂ MIỀN TRUNG CẤT CÁNH VÀO THẾ KỶ 21

Để thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

Vấn đề xác định chiến lược kinh tế chung cho đất nước cũng như xác định và bố trí chiến lược phát triển kinh tế cho vùng kinh tế trọng điểm là rất quan trọng và có ý nghĩa quyết định.

Xuất phát từ đặc điểm kinh tế - văn hóa - xã hội chung và chiến lược phát triển kinh tế của đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã xác định các trọng điểm kinh tế chiến lược cho mỗi vùng với cơ cấu

kinh tế, cơ cấu đầu tư với quy mô, tốc độ thích hợp nhằm tạo ra sự phát triển cân đối, hài hòa, đồng đều giữa các khu vực, nhằm tạo ra thế phát triển ổn định và vững chắc cho cả nước. Đối với phía Bắc và Nam Bộ, việc xác định các vùng trọng điểm đã rõ ràng, tương đối thuận lợi đã và đang đi vào triển khai xây dựng và phát triển theo quy hoạch đã định.

Riêng miền Trung là vùng kinh tế - văn hóa có những đặc điểm: về phương diện địa lý là một dải đất dài, ngăn cách nhau bằng những đèo cao từ Trường Sơn ra tận biển Đông, là vùng đồng bằng dài hẹp, bờ biển dọc miền Trung có nhiều đảo, quần đảo, vịnh, hải cảng, cửa sông quan trọng cả về kinh tế và quốc phòng, đó là nơi thuận lợi cho việc giao lưu, trao đổi phát triển kinh tế với nước ngoài nếu ta mạnh dạn mở cửa thông thương với Quốc tế. Ven biển có nhiều động cát dài xen vào đó có những vũng, vịnh, nhiều bãi cát đẹp làm nơi nghỉ mát du lịch. Nhân dân ở đây có truyền thống cách mạng kiên cường, lao động cần cù và sáng tạo trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước.

Miền Trung đồng ruộng không màu mỡ, ít phù sa, nông nghiệp không phát triển, kém xa hai vùng châu thổ đồng bằng sông Hồng và châu thổ đồng bằng sông Cửu Long. Song rất thuận tiện cho việc xây dựng các khu công nghiệp lớn, các cảng biển nước sâu nối với các trục giao thông thương mại chiến lược của đất nước và khu vực.

Tuy nhiên dưới chế độ phong kiến, thực dân với chính sách "Bế quan tỏa cảng" của triều Nguyễn, và chính sách thực dân cũ và mới đều nhằm kìm hãm nền kinh tế miền Trung trong vòng tiểu nông, tự túc, tự cấp lạc hậu, đẩy nhân dân vào cảnh thường xuyên bị đói nghèo nhằm duy trì sự thống trị bóc lột của chúng. Vì vậy nếu không có cách mạng, không đổi mới và không có khoa học kỹ thuật thì miền Trung vẫn mãi mãi trong đói nghèo, lạc hậu và tụt hậu ngày càng xa.

Yêu cầu phát triển kinh tế xã hội ở miền Trung, một đòi hỏi cấp bách là phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu về kinh tế ở miền Trung so với cả nước. Từ lâu Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã có nhiều lần bàn để xác định khu kinh tế trọng

điểm miền Trung, nhưng đột phá vào chỗ nào và điểm then chốt ở đâu thì chưa thật rõ.

Đường lối đổi mới phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước đã tạo nên thời cơ cho các nhà khoa học nhập cuộc và tích cực hưởng ứng cuộc cách mạng công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Sau một thời gian nghiên cứu, tháng 9.1992 PTS. Trương Đình Hiến và kỹ sư Bùi Quốc Nghĩa thuộc Phòng Thủy hải văn Công trình phân viện Khoa học Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, bằng công trình nghiên cứu khoa học của mình đã đưa ra dự án cảng biển nước sâu và khu công nghiệp Dung Quất. Họ đã trình bày các luận cứ khoa học kỹ thuật khẳng định Dung Quất hội đủ các điều kiện quan trọng để xây dựng nơi đây thành tổ hợp cảng biển nước sâu và khu công nghiệp thương mại phức hợp, làm điểm tựa cho sự phát triển kinh tế xã hội của miền Trung, hội nhập vào sự phát triển kinh tế khu vực tiểu vùng sông Mê Kông, châu Á Thái Bình Dương và thế giới.

Tháng 10 năm 1992 dự án cảng biển nước sâu và khu công nghiệp Dung Quất lần lượt được trình lên các nhà chức trách địa phương và Chính phủ.



Đồng chí Đỗ Mười thị sát Dung Quất



Đồng chí Lê Đức Anh đến thị sát Dung Quất và thăm đồng bào, cán bộ, chiến sĩ huyện Ba Tư (Quảng Ngãi) và thăm Bảo tàng Ba Tư



Đồng chí Võ Văn Kiệt thị sát vịnh Dung Quất



Đồng chí Trần Đức Lương đến thị sát nơi xây dựng
bến số 1 cảng Dung Quất



*Đồng chí Phan Văn Khải và đồng chí Ngô Xuân Lộc
thị sát Dung Quất*



*Đồng chí Phan Văn Khải và đồng chí Ngô Xuân Lộc
đến thăm mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Đây*



Đồng chí Nông Đức Mạnh đến thị sát Dung Quất



*Đồng chí Phạm Thế Duyệt đến thị sát Dung Quất
và nơi xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1*



Khu công nghiệp Dung Quất



Lễ động thổ khởi công xây dựng nhà máy lọc dầu Dung Quất



Phó tiến sĩ Trương Đình Hiến (bên trái), kỹ sư Bùi Quốc Nghĩa.

Hai tác giả của công trình

"Cảng biển nước sâu và khu công nghiệp Dung Quất"



Lễ khởi công xây dựng đường vào khu công nghiệp Dung Quất



Lễ khởi công xây dựng bến số 1 cảng Dung Quất



Đường vào khu dân cư mới Vạn Tường



Bưu điện Dung Quất trong ngày khai trương



*Trạm biến áp phục vụ khởi công
xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất*

Dự án đã được sự nhận xét đánh giá cao của các nhà lãnh đạo Việt Nam cũng như các chuyên gia quốc tế. Sự ra đời của dự án cảng biển nước sâu và khu công nghiệp Dung Quất đã mở ra một điểm đột phá quan trọng và có thể xem đó là một bước đi thích hợp góp phần đưa sự phát triển kinh tế xã hội của miền Trung tiến kịp cùng cả nước và khu vực.

Với đường lối đổi mới đầy sức sống của Đảng, với quan điểm chiến lược lâu dài xuất phát từ lợi ích của nhân dân và đất nước, trên cơ sở các luận cứ khoa học vững chắc: Đảng và Nhà nước đã đưa ra Quyết định lịch sử, sáng suốt, đầy tính khoa học và cách mạng để đưa miền Trung cất cánh vào thế kỷ 21.

- Ngày 19/9/1994 Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã thị sát khu vực dự án xây dựng cảng biển nước sâu và khu công nghiệp Dung Quất.

- Ngày 11/4/1996 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định phê duyệt quy hoạch chung khu công nghiệp Dung Quất và xác định rõ: tính chất, quy mô, quản lý môi trường cảnh quan, quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, chủ trương đầu tư

giai đoạn đầu đặc biệt là nhà máy lọc dầu số 1 và cầu cảng đầu tiên.

- Ngày 5/12/1997 tại kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa X nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã ra Nghị quyết (Nghị quyết: 07.1997.QH10) đồng ý chủ trương đầu tư xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất là công trình trọng điểm quốc gia.

Với quyết định sáng suốt hợp lòng dân, hợp quy luật nói trên, được các tầng lớp đồng bào ở Dung Quất, ở miền Trung và cả nước nhiệt liệt hoan nghênh, nhất trí tán thành, tích cực hưởng ứng bằng những chuyển động mạnh mẽ ngay trên hiện trường. Sau hơn một năm động thổ (8.1.1998), khu công nghiệp Dung Quất đã và đang chuyển động tích cực, với những kết quả đáng phấn khởi. Hoàn thành giải phóng mặt bằng, đền bù và di chuyển dân đến nơi định cư mới, bảo đảm cho các đơn vị thi công triển khai xây dựng các công trình theo quy hoạch. Về giao thông đã hoàn thành tuyến đường công vụ từ Bình Hiệp đến nhà máy lọc dầu, tuyến đường Dốc Sỏi đến cảng biển nước sâu và nối nhà máy

lọc dầu với khu dân cư tại Vạn Tường; đang thi công cầu cảng số 1 Dung Quất; đang san lấp mặt bằng nhà máy lọc dầu số 1. Về cấp điện đã hoàn thành giai đoạn một phục vụ thi công nhà máy lọc dầu và chuẩn bị cấp điện giai đoạn hai phục vụ vận hành nhà máy. Hệ thống thông tin liên lạc giai đoạn một đã thông suốt; đã khởi công xây dựng nhà máy nước v.v...

Với sự khởi động của liên doanh dầu khí Petro Việt Nam và Zambzhneft, hợp tác liên doanh xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất đã mở ra triển vọng mới, thu hút đầu tư, nhất là đầu tư nước ngoài. Đến nay, một số dự án đã được cấp phát đầu tư và đang triển khai xây dựng như: liên doanh sản xuất nhựa đường; liên doanh phá dỡ tàu biển ở Kỳ Hà; liên doanh sản xuất vật liệu xây dựng, dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu hóa dầu, liên doanh xây lắp Việt-Nga, liên hiệp đóng tàu Dung Quất v.v... Cùng với những công trình trên, tỉnh Quảng Ngãi và Quảng Nam tích cực đóng góp công sức cho việc xây dựng nhà máy lọc dầu và khu công nghiệp Dung Quất, đã và đang tranh thủ cơ hội thuận lợi, đẩy mạnh việc phát triển kinh tế.

nhất là công nghiệp địa phương có bước chuyển biến đáng kể.

Một khu công nghiệp đô thị lớn Dung Quất, từng bước sẽ được hình thành theo đúng Nghị quyết của Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Tương lai rực rỡ đang được thể hiện ngay trước mắt, bằng những công trình cụ thể để miền Trung có thể cất cánh vào những năm đầu của thế kỷ 21.

Tuy việc xây dựng hoàn chỉnh khu công nghiệp đô thị Dung Quất còn nhiều vấn đề đang ở phía trước. Nhưng việc hình thành khu công nghiệp - đô thị Dung Quất có ý nghĩa sâu sắc, nó đã thể hiện một cách sinh động chân lý của thời đại là Độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội bằng những công trình công nghiệp hiện đại ngay trên vùng đất Dung Quất anh hùng và có những bài học thực tiễn bước đầu như:

- Trước hết đó là bài học về quyết tâm lớn của Đảng và Nhà nước ta, trên cơ sở kết hợp chặt chẽ khoa học và cách mạng; cách mạng và khoa học, đã có quyết định sáng suốt, dũng cảm và táo bạo, chọn Dung Quất một vùng đất nghèo, cơ

sở hạ tầng hầu như chưa có để xây dựng khu công nghiệp lớn gắn liền với cảng biển nước sâu, nhà máy lọc dầu và thành phố Vạn Tường, để làm điểm đột phá cho kinh tế Quảng Ngãi và miền Trung phát triển. Đó còn thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào miền Trung rất kiên cường, trung dũng, có nhiều hy sinh to lớn trong hai cuộc kháng chiến, nhưng bao đời nay còn bị đói nghèo, kinh tế - văn hóa phát triển chậm so với cả nước và nó còn phù hợp với sự mong muốn từ lâu đời của nhân dân miền Trung muốn vĩnh viễn thoát khỏi đói nghèo, tiến lên giàu có, văn minh và hạnh phúc.

- Đó là quyết tâm phát huy nội lực Việt Nam, bởi ngay sau khi các nhà đầu tư nước ngoài vì không thỏa mãn lợi nhuận, rút không đầu tư vào Dung Quất, Đảng và Nhà nước ta đã quyết định tự đầu tư để xây dựng nhà máy lọc dầu và khu công nghiệp Dung Quất. Đó là quyết định sáng suốt và kịp thời. Qua thực tế khi ta thực sự bắt tay vào xây dựng và có chuyển động bước đầu, thì các nhà đầu tư nước ngoài lần lượt đầu tư vào

đây, chúng mình chủ trương phát huy nội lực kết hợp với tranh thủ hợp tác và đầu tư nước ngoài là đúng đắn.

- Nó còn là sự đoàn kết, phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp của Trung ương và địa phương, trên cơ sở quy hoạch chung, mỗi ngành, mỗi cấp và mỗi địa phương, phát huy đến mức cao nhất nội lực của mình, vì trách nhiệm chung xây dựng đất nước mà hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình trong việc xây dựng khu công nghiệp Dung Quất.

- Dựa vào dân, động viên sự đóng góp của nhân dân vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần vào việc xây dựng khu công nghiệp Dung Quất. Cân nhắc kỹ lưỡng và thận trọng trong việc đi dòi dân, tổ chức những nơi định cư mới, đi đôi với việc ổn định chỗ ăn ở, phải chú trọng giải quyết điều kiện và phương tiện cho đồng bào sản xuất và những điều kiện thuận lợi khác, giúp đồng bào sớm an cư lạc nghiệp.

Với những kinh nghiệm và bài học đầu tiên trong việc khởi động ở khu công nghiệp Dung

Quất, giữ vững quyết tâm lớn, thực hiện Đảng - Nhà nước và nhân dân thành một ý chí, phát huy nội lực mạnh mẽ và tranh thủ sự hợp tác và đầu tư quốc tế, khu công nghiệp Dung Quất sẽ được xây dựng và sớm được hoàn thành đúng theo quy hoạch và thời gian đã định, tạo động lực mạnh mẽ cho kinh tế miền Trung cất cánh vào những năm đầu của thế kỷ 21.

VAI TRÒ CHIẾN LƯỢC CỦA CẢNG BIỂN NƯỚC SÂU VÀ KHU CÔNG NGHIỆP DUNG QUẤT TRONG MỐI LIÊN HỆ VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG VÀ KHU VỰC

Xu thế phát triển và sự thích ứng chiến lược

Từ sau thế chiến lần thứ 2, sự phát triển kinh tế của các quốc gia ngày càng có mối quan hệ mật thiết. Sự hợp tác ngày càng rộng rãi với xu thế mở ra trên quy mô toàn cầu có tầm quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của mỗi nước, cũng như của các tiểu khu vực và khu vực. Sự ra đời của các khối kinh tế trên các châu lục hoặc liên châu lục phát triển hết sức mạnh mẽ trong những thập kỷ cuối cùng của thế kỷ XX.

Các sự kiện trên đã thúc đẩy tiến trình khu vực hóa và quốc tế hóa đối với sự phát triển kinh

tế - xã hội của từng quốc gia, dẫn đến đòi hỏi giữa các quốc gia cần có sự hội nhập, giao lưu ngày càng cao trên các lĩnh vực trao đổi công nghệ, thông tin, nguyên vật liệu, sản xuất và tiêu thụ hàng hóa của nhau. Để có khả năng hội nhập, giao lưu và phát triển tốt, một trong những huyết mạch có tiềm năng to lớn và mang ý nghĩa quyết định, đó là đường hàng hải và hệ thống cảng của nó, đặc biệt là các cảng biển nước sâu có khả năng đón nhận các tàu có trọng tải cỡ lớn, với sức chứa khổng lồ của các kho bãi dịch vụ, công suất bốc dỡ lớn, đảm bảo cho nhiệm vụ trung chuyển quốc tế và khu vực, bảo đảm cho việc xuất nhập khẩu các sản phẩm, nguyên liệu của hệ thống các khu công nghiệp, cũng như các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp của các vùng rộng lớn trong nước và khu vực. Các nước phát triển đã và đang phát huy hết khả năng hệ thống cảng biển và kinh tế vùng duyên hải như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Hà Lan, Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan... Đặc biệt, các nước mới phát triển hầu hết ở châu Á đều có chiến lược bố trí các khu vực đại công nghiệp gắn liền với sự phát triển kinh tế vùng duyên hải và sự ủng hộ hùng hậu của hệ thống cảng biển của

mình. Sự phát triển hệ thống cảng biển ngày nay đã được đặc biệt chú ý hơn bao giờ hết đối với các nước có biển, tạo ra thế chiến lược cho phát triển kinh tế - xã hội trong các giai đoạn của thập kỷ tiếp theo trong thế kỷ XXI.

Trên cơ sở phân tích vị trí chiến lược của Việt Nam trong sự bùng nổ và phát triển kinh tế khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời chú ý vai trò đặc biệt quan trọng của sự phát triển kinh tế vùng duyên hải cùng hệ thống cảng biển nước sâu của các quốc gia trong việc hội nhập với thế giới bên ngoài, tháng 2 năm 1992, PTS. Trương Đình Hiến và KS. Bùi Quốc Nghĩa đã quyết định vạch ra và thực hiện một chương trình nghiên cứu các điều kiện tự nhiên cũng như các luận cứ khoa học để phát hiện và lựa chọn các vị trí có thể xây dựng cảng biển nước sâu và khu công nghiệp dọc bờ biển miền Trung - vì đây là khu vực có vị trí chiến lược hết sức quan trọng và tiềm năng to lớn trong việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và khu vực Đông - Nam Á trong các thập kỷ đầu của thế kỷ XXI. Việc nghiên cứu được thực hiện suốt dải ven biển 4 tỉnh với 12 cửa

biển và vũng, vịnh: các cửa Qui Nhơn, Đề Gi, An Dũ, Tam Quan (tỉnh Bình Định); Sa Huỳnh, Trà Câu, Cửa Đại, Sa Kỳ và vũng Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi); cửa Kỳ Hà, vịnh Đà Nẵng (tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng cũ); vũng Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên - Huế). Tháng 9-1992, sau khi phân tích các kết quả nghiên cứu, chúng tôi đã phát hiện khu vực vũng Dung Quất và vũng Chân Mây có đủ các điều kiện ưu việt để xây dựng thành cảng biển nước sâu và khu công nghiệp lớn. Các kết quả phát hiện này được lần lượt trình bày lên các nhà chức trách địa phương và Chính phủ. Đồng thời thông qua đó cũng nhận được sự nhận xét và đánh giá cao của các nhà lãnh đạo Việt Nam, cũng như các tập đoàn tư vấn quốc tế.

Vai trò chiến lược của Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất.

Với vị trí chiến lược đặc biệt và vùng bờ biển dài trên 3.200km, có vùng thềm lục địa rộng lớn chứa đựng nhiều tiềm năng, cùng với tài nguyên phong phú, đa dạng trên đất liền, Việt Nam có đầy đủ điều kiện để thực hiện sự bố trí chiến lược phát

triển kinh tế - xã hội của mình trong bối cảnh phát triển chung của thế giới.

Vấn đề nói trên đã được nhiều nhà lãnh đạo và tư vấn trong và ngoài nước nhận định: trong các thập kỷ tới của thế kỷ XXI, miền Trung có vai trò then chốt trong quá trình đưa đất nước Việt Nam vào thế ổn định và phát triển. Đồng thời nó cũng có tầm quan trọng đặc biệt trong việc giao lưu đưa nền kinh tế Việt Nam hội nhập với nền kinh tế ASEAN, châu Á - Thái Bình Dương và thế giới.

Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp phức hợp Dung Quất cùng sân bay Chu Lai đã tạo nên một tổ hợp phát triển, có tầm chiến lược ở miền Trung - Việt Nam và khu vực. Nơi đây có vịnh Dung Quất kín gió mùa, có độ sâu lý tưởng 10-20m, đủ khả năng xây dựng một cảng lớn với công suất 100 triệu tấn/năm và có thể đón tàu có trọng tải lớn đến 200.000 tấn. Có 14.000 ha mặt bằng để xây dựng và phát triển khu công nghiệp phức hợp, khu đô thị, sân bay Chu Lai (rộng 21km²), có các vị trí có thể xây dựng các hồ chứa nước hàng tỷ m³.

Cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất nằm ở trung điểm của miền Trung - Việt Nam. Từ Dung Quất đến Hà Nội 860km, và thành phố Hồ Chí Minh 860km. Ấn ngữ đường hàng hải nội địa và đường hàng hải quốc tế, giao lưu với Hồng Kông, Đài Loan, Viễn Đông, Nhật Bản, Singapore, Philipin, Indonesia... Đồng thời nó chế ngự trên các đường hàng hải giữa phương Đông và phương Tây. Từ Dung Quất đến trục Quốc lộ 1A và đường sắt xuyên Việt là 12,5km. Với khoảng cách tối ưu, dễ dàng tạo cho Dung Quất trở thành một cửa ngõ lớn để vận chuyển hàng hóa đến các miền trong nước.

Sự ra đời cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất đã mở ra một cửa ngõ lớn cho sự giao lưu giữa Việt Nam với thế giới bên ngoài, với các nước tiểu khu vực sông Mê Kông như Lào, Thái Lan, Campuchia và Mianma. Từ Dung Quất đến các nước trên có hai trục đường:

a) Dung Quất - Mộ Đức - Kon Tum - Đắc Lắc - Đắc Tô - Bonhet - Toixen - Bản Phôn - Xalavan - Pacxé - Kbonzatahathahni (trung tâm Đông Bắc Thái Lan).

b) Dung Quất - Mộ Đức - Kon Tum - Pleiku - Chưprong - Đắc Cơ - Bung Lung - Stung tren (Đông Bắc Campuchia). Quốc lộ 24 nối miền duyên hải với Tây Nguyên; sau khi đến Kon Tum thì nhập vào quốc lộ 14 và đi về phía Bắc, đến Tân Cảnh tiếp tục đi theo đường 18 qua Aptơơ - Pacxé (Lào) và qua Thái Lan; theo quốc lộ 14 về phía Nam đến Pleiku nhập vào đường 19 qua Đông Bắc Campuchia.

Rõ ràng cảng biển nước sâu Dung Quất có vị trí chiến lược hết sức quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và các nước trong tiểu vùng sông Mê Kông, nó thực sự có khả năng trở thành cửa ngõ lớn đi về phía Đông và phía Tây của Việt Nam và các nước trong khu vực này.

Dung Quất trong sự liên kết chiến lược Vùng trọng điểm kinh tế miền Trung và khu vực.

Thông qua sự phát triển Khu công nghiệp Dung Quất để khuyến khích và thúc đẩy các ngành sản xuất của nước ngoài liên kết chặt chẽ và hỗ trợ thích hợp các trung tâm công nghiệp ở miền Trung, dẫn đến sự hình thành Khu công

nghiệp tổng hợp dọc theo vùng duyên hải từ Đà Nẵng đến Dung Quất theo hướng bố trí các ngành sản xuất xuất nhập khẩu thực sự có khả năng cạnh tranh quốc tế. Trong các giai đoạn tiếp theo, cùng với sự phát triển của đường 24 và 14, có thể hình thành trục thương mại Đông - Tây. Rõ ràng trong giai đoạn đầu, Dung Quất phát triển theo hướng đại công nghiệp và sau đó vai trò thương mại của nó tăng lên. Việc nối liền Đà Nẵng với Dung Quất đã tạo nên xương sống về công nghiệp và đô thị hóa. Trục đô thị và công nghiệp này sẽ được nối với đường 9 và thành phố Huế thông qua sự phát triển của cảng biển nước sâu, Khu công nghiệp - thương mại - dịch vụ Chân Mây phía Bắc đèo Hải Vân.

Sự phát triển kinh tế - xã hội của miền Trung đang hướng tới phía trước để hội nhập với hai đầu của đất nước và khu vực Đông - Nam Á. Bởi vậy nó rất cần được tăng thêm tiềm lực cả chiều sâu lẫn bề dày và tầm với của nó ra bên ngoài. Gần 18 tháng sau khi thị sát khu vực xây dựng cảng nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất, ngày 24-3-1996 Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã thị sát khu vực

cảng biển nước sâu và khu công nghiệp Chân Mây. Sau khi phân tích vai trò của việc xây dựng cảng biển nước sâu và khu công nghiệp Chân Mây đối với khu vực miền Trung, Tây Nguyên và tiểu vùng sông Mê Kông, Thủ tướng đã xác định khu vực Chân Mây nằm trong vùng trọng điểm của miền Trung, xếp cảng biển nước sâu Chân Mây vào danh mục quy hoạch hệ thống cảng biển Việt Nam giai đoạn 1996-2000 và cho phép tiến hành lập quy hoạch nghiên cứu tiền khả thi cảng biển nước sâu và khu công nghiệp - thương mại - du lịch Chân Mây để trình Chính phủ vào quý III năm 1996. Cảng biển nước sâu và khu công nghiệp - thương mại - dịch vụ Chân Mây vào cuộc tạo nên sự liên kết Huế - Đà Nẵng - Dung Quất, đem lại thế phát triển và nguồn sinh lực mới cho Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và tạo ra các tiền đề quan trọng cho sự phát triển ngày càng hoàn chỉnh của khu vực này. Nó thúc đẩy sự hội nhập giữa Huế, Đà Nẵng và Dung Quất, hình thành các trung tâm công nghiệp kỹ thuật cao và công nghiệp nặng, du lịch và thương mại quốc tế với chức năng đầu mối trung chuyển hàng tổng hợp

cho hành lang thương mại Đông - Tây, nối với tiểu vùng sông Mê Kông và theo từng bước phát triển, miền Trung sẽ trở thành trung tâm thương mại của khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Theo phân tích của các chuyên gia Nhật Bản (JICA) và nhiều nhà tư vấn quốc tế thì siêu dự án Dung Quất và Chân Mây cùng với siêu dự án đường cao tốc Huế - Đà Nẵng, sẽ thúc đẩy sự hình thành một trục công nghiệp - thương mại - du lịch - dịch vụ và đô thị hóa, dọc vùng duyên hải miền Trung. Khu vực này nối với hai đầu đất nước bằng trục quốc lộ 1 và đường sắt xuyên Việt, nối với hành lang Đông - Tây của các nước vùng sông Mê Kông bằng các đường 9, 49, 14B, 24 và nối với thế giới bên ngoài bằng cảng biển nước sâu. Có thể xem Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung bước đầu đã được định hình và từ đó sẽ phát triển về phía Bắc, phía Nam và lên Tây Nguyên, hòa nhập vào sự phát triển của cả nước. Từ Dung Quất đến Chân Mây cho thấy: sự hòa nhập và khai thác mọi tiềm năng để tiến kịp hai đầu đất nước và thế giới như là một trong những nguyên lý quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội miền Trung.

Sự xuất hiện của cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất không những đã tạo ra bước phát triển chiến lược quan trọng trong việc hình thành và phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung mà còn thúc đẩy sự phát triển của vùng trọng điểm kinh tế miền Trung và phía Bắc (về phía đường 9); nó cũng tạo nên bước phát triển quan trọng trong thời gian tới và tạo trực phát triển từ Dung Quất về phía Nam (đến Quy Nhơn, đường 19) và kéo theo sự hội nhập của Tây Nguyên giàu tiềm năng và có vai trò đặc biệt trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc.

Việc xây dựng cảng biển nước sâu và khu công nghiệp phức hợp Dung Quất có một tầm chiến lược hết sức quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của miền Trung, tạo nên một sự liên kết giữa Việt Nam và các nước trong khu vực, và có thể coi đó là bước đi thích hợp trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội miền Trung để đuổi kịp sự phát triển chung của đất nước, tạo nên xu thế phát triển ổn định trên toàn Việt Nam và thúc đẩy sự hội nhập có hiệu quả của nền kinh tế Việt Nam với thế giới bên ngoài:

*Dung Quất lung linh ánh hào quang
Vạn Tường hiển hách buổi huy hoàng
Rộn ràng bước tới thời hưng thịnh
Nhà máy, công trình, phố dọc ngang.*

Ánh hào quang của Dung Quất ngày càng tỏa sáng, đang đứng vững, đi lên và trở thành hiện thực.

**PTS. TRƯƠNG ĐÌNH HIỂN
KS. BÙI QUỐC, NGHĨA**

(tác giả Đề án cảng biển nước sâu
và khu công nghiệp Dung Quất)
- Phòng Thủy hải văn Công trình Phân
viện Vật lý, thành phố Hồ Chí Minh.

NHÀ MÁY LỌC DẦU DUNG QUẤT CHIẾN LƯỢC LỰA CHỌN ĐỊA ĐIỂM

Ngành lọc dầu là một lĩnh vực công nghiệp đòi hỏi đầu tư lớn nhưng khả năng sinh lợi không cao. Hiện nay các nhà kinh tế dầu khí đều thống nhất với nhau là chỉ có công trình lọc dầu công suất 4 triệu tấn trở lên và phải áp dụng công nghệ tiên tiến nhất thì mới hy vọng có lãi. Lãi từ nguồn lọc dầu này cũng phụ thuộc hết sức toàn cầu, cho nên lúc lên lúc xuống và khó mà dự báo chính xác. Từ giữa những năm 90 lợi nhuận lọc dầu xuống thấp. Tuy vậy các nhà dự báo chiến lược cho rằng thế kỷ XXI cán cân cung cầu nghiêng về cầu và lợi nhuận lọc dầu có thể lên. Một điểm nữa của công nghiệp lọc dầu là nó không thể đứng một mình mà nó phải gắn với công nghiệp hóa dầu và công nghiệp hóa chất, làm cơ sở cho hai ngành công nghiệp này ra đời. Đây là hai ngành có khả năng sinh lợi cao

hơn nhiều so với ngành lọc dầu, chính vì vậy trên thế giới không một quốc gia nào phát triển lọc dầu mà không phát triển hóa dầu. Mặc dầu vậy, lọc dầu vẫn phải đi trước một bước, bởi lọc dầu tạo nguyên liệu cho hóa dầu, nhưng còn lẽ thứ hai rất quan trọng cho các nhà đầu tư là cả hai lĩnh vực này đều đòi hỏi vốn đầu tư lớn.

Việt Nam là một trong số ít quốc gia trên thế giới không có công nghiệp lọc dầu, tất nhiên không thể kể đến những quốc gia quá nhỏ. Xung quanh ta: Thái Lan lọc 40 triệu tấn/năm, Malaysia lọc 20 triệu tấn/năm, Indonesia lọc 50 triệu tấn/năm... Nhiều nước hầu như không có dầu như Nhật Bản, Hàn Quốc có công suất lọc dầu xấp xỉ nhu cầu nội địa, phần sản phẩm không lớn, chủ yếu là dầu thô và khí hóa lỏng. Nhật Bản còn lập các kho chứa dầu thô và dự trữ quốc gia cho 90 ngày lọc dầu (khoảng 70 triệu tấn) và đang cố gắng đưa dự trữ dầu thô lên 150 ngày.

Lượn chứng khả thi Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất công trình xây dựng rất công phu, có kế thừa kết quả nghiên cứu chung giữa PetroVietNam với các đối tác nước ngoài và sự tư

vấn của các công ty hàng đầu thế giới. Các số liệu đưa vào so với các công ty nước ngoài. Việc tính toán được thực hiện theo một mô hình và phương pháp luận nhất quán, kết quả tính toán là đáng tin cậy. Các tính toán của PetroVietNam, kể cả các công ty nước ngoài như Total trước đây, cho địa điểm Dung Quất và kể cả các địa điểm khác như Long Sơn, Vũng Tàu, chưa bao giờ cho ra con số tỷ suất thu hồi vốn nội tại IRR đạt tới 10%. Đây là nguyên nhân chủ yếu, nếu không nói là duy nhất, chứ không phải địa điểm xây dựng nhà máy, khiến các công ty nước ngoài không tiếp tục tham gia dự án. Họ yêu cầu có một số ưu đãi, mà trước hết là tham gia phân phối sản phẩm tại thị trường nội địa Việt Nam để nâng tỷ suất lợi nhuận lên, làm cho dự án có khả năng vay vốn từ các tổ chức tài chính và ngân hàng. Với điều kiện sản phẩm được bán với giá CIF Dung Quất thì trong Luận chứng khả thi do PetroVietNam lập, tỷ suất lợi nhuận IRR cũng chỉ đạt 11,4 nhờ điều chỉnh lại một số hạng mục công trình, chủ yếu là cắt giảm phần đầu tư để chế biến dầu chưa của Trung Đông (khoảng 150 triệu USD). Con số đó tương đương

với sự khác biệt giữa giá trung bình các sản phẩm ở Singapore, tức giá FOB bằng 198 USD/tấn và giá thành sản phẩm tại Dung Quất là 186 USD/tấn. Như vậy dự án có lãi nhưng không đủ lớn để huy động vốn vay trên thị trường thế giới. Vì vậy, các công ty nước ngoài không muốn tham gia.

Sau khi các công ty nước ngoài không được đáp ứng các ưu đãi mà yêu cầu và họ rút khỏi dự án. Chính phủ đã giao cho PetroVietNam tự mình thực hiện dự án với điều kiện là PetroVietNam được lấy giá bán buôn cạnh tranh trên thị trường nội địa (cao hơn giá CIF Dung Quất) làm cơ sở để tính toán luận chứng kinh tế. Kết quả tính toán trên cơ sở các sắc thuế hiện hành cho phép PetroVietNam nhận được con số IRR là 19,7% kể cả trường hợp phải trả lãi suất 200 triệu USD, tức là đưa đầu tư lên 1,5 tỷ USD chứ không phải là 1,3 tỷ USD. Như vậy là dự án rất khả thi, lãi hàng năm đạt xấp xỉ 280 triệu USD. Sau này Nhà nước sẽ có những điều tiết lợi nhuận của PetroVietNam một cách thỏa đáng.

Việc thu xếp tài chính cho dự án là điều hết sức phức tạp và khó khăn. Vừa qua PetroVietNam

đã mời dự thầu tư vấn tài chính cho dự án. Có 9 tổ chức tài chính và ngân hàng quốc tế dự tuyển. Phương án tài chính theo chúng tôi là khả thi và có thể thực hiện được. Theo kinh nghiệm của PetroVietNam trong các công trình đang thực hiện, khả năng vay vốn tín dụng xuất khẩu do các nhà thầu quốc tế mua sắm và xây dựng (nhà thầu EPC) có thể đạt đến 85% tổng số vốn đầu tư, nghĩa là không phải 300 triệu như là trong dự án đã nêu, mà có thể nâng lên 350 triệu USD cho đến 400 triệu USD. (Số thiết bị dự kiến mua khoảng 500 triệu USD). PetroVietNam có khả năng vay thương mại thêm. Nhờ uy tín có dầu và bán dầu, PetroVietNam có thể vay theo phương pháp luân chuyển. Ngoài ra, theo những tính toán gần đây thì kế hoạch sản xuất dầu thô vào năm 2000 không phải là 16 triệu tấn như kế hoạch 5 năm mà Đại hội VIII đã thông qua, mà có thể tăng lên nhiều hơn. Như vậy con số cộng dồn của các tấn dầu mà chúng tôi thu được trong những năm từ đây đến 2001 có thể tăng lên 2,3 triệu tấn so với kế hoạch. Đó chính là dự trữ lớn của Nhà nước, bởi Nhà nước bỏ ra 600 triệu USD từ lợi nhuận sau

thuế của PetroVietNam thì có thể thu về thêm khoản tiền tương đương 50% do có thể khai thác số lượng dầu nhiều hơn kế hoạch.

Về hiệu quả kinh tế của đầu tư công trình, luận chứng kinh tế của PetroVietNam nâng con số IRR lên 19,7% so với 11,4% là nhờ được bán giá cạnh tranh, tức là nhà đầu tư được hưởng luôn thuế nhập khẩu. Có hai vấn đề được đặt ra cần cân nhắc. Thứ nhất là không xây dựng các nhà máy lọc dầu, tiếp tục nhập sản phẩm và thu thuế nhập khẩu (khoảng 8,2 tỷ USD tính theo tổng số sản phẩm tương đương với công suất của nhà máy lọc dầu số 1 trong thời gian 20 năm nếu các sắc thuế không thay đổi). Và thứ hai là xây dựng nhà máy lọc dầu, mở ra một nền sản xuất trọng yếu cho đất nước; tuy Nhà nước không thu được thuế nhập khẩu nữa, nhưng sẽ thu được các sắc thuế khác như trong luận chứng đã trình là 5,3 tỷ USD và chủ đầu tư trong nước thu lợi nhuận là 6,3 tỷ USD, tổng cộng là 11,6 tỷ USD, cao hơn con số 8,2 tỷ USD từ thuế nhập khẩu mà Nhà nước có thể thu được nếu như không có nhà máy lọc dầu. Chúng ta nên chọn giải pháp nào? Chúng tôi tin

rằng Chính phủ nghiêng về chủ trương xây dựng nhà máy lọc dầu số 1. Những tính toán trên đây dựa vào những sắc thuế hiện hành: nếu dựa vào sắc thuế sau khi Việt Nam gia nhập AFTA (giảm xuống còn 5%) thì suốt thời kỳ tương ứng với thời gian hoạt động của dự án mà chúng ta không xây dựng nhà máy lọc dầu thì Nhà nước chỉ thu thuế nhập khẩu được 1,7 tỷ USD. Trong lúc đó, nếu có nhà máy lọc dầu thì Nhà nước thu được 3 tỷ USD từ các sắc thuế và nhà đầu tư thu được 2,4 tỷ USD. Tỷ suất lợi nhuận trong trường hợp này sẽ là 14% chứ không còn là 19,7% như đã được tính toán trên cơ sở giá thành, giá bán cũng như các sắc thuế hiện nay. Như vậy là từ 2006 trở đi chúng ta phải chấp nhận thuế nhập khẩu 5% và giả sử rằng giá bán trong nước giảm đi, để tất cả các hộ tiêu thụ khác được hưởng và nhà máy lọc dầu bị giảm lợi nhuận của mình đi thì IRR vẫn còn 14%. Chúng tôi cho rằng đó là con số có thể chấp nhận được. Còn việc đưa một số công trình ngoài hàng rào như là cầu đường, điện, nước, thông tin liên lạc, khu dân cư... ra khỏi vốn đầu tư, chúng tôi cho rằng theo thông lệ quốc tế cũng là chuyện bình

thường. Nhưng phí sử dụng các hạng mục công trình đó chúng tôi vẫn tính vào giá thành sản phẩm, ví dụ như điện, nước chúng tôi vẫn trả tiền... cho nên không ảnh hưởng đến các công trình đó.

Về vấn đề định lượng hóa các rủi ro. So với phương án cơ sở IRR là 19,7%. Nhà nước thu được 5,3 tỷ USD còn chủ đầu tư thu về 6,3 tỷ USD. Luận chứng kinh tế cũng tính đến trường hợp tăng giảm vốn đầu tư 10%, tăng giá dầu thô 5%, tăng hoặc giảm giá sản phẩm 5%... Chúng tôi đưa ra nhiều trường hợp để tính toán. Tất cả các bài toán đều cho thấy rằng trường hợp xấu nhất là giảm giá sản phẩm 5% và lúc đó lợi nhuận còn lại là 17,5%. Nhà nước thu được 4,71 tỷ USD tiền thuế và chủ đầu tư được 5,24 tỷ USD lợi nhuận. Như vậy chúng tôi cho rằng luận chứng trong những trường hợp rủi ro có thể vẫn còn khả thi.

Về lựa chọn địa điểm, các địa điểm từ Dung Quất đến Văn Phong, Long Sơn, Hòn La và Nghi Sơn đều có những mặt mạnh, yếu khác nhau. Xét về cơ sở hạ tầng thì ở đâu cũng chưa có gì đáng kể. Sự hơn kém giữa các địa điểm, xuất phát từ quan

điểm kinh tế của dự án và chủ đầu tư, chủ yếu là liên quan đến giá vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm của nhà máy. Chẳng hạn, so sánh giữa Dung Quất và một địa điểm tại miền Nam, được hiểu là Long Sơn thì lời giải bài toán tổng thể là như sau: Phí vận chuyển dầu thô Bạch Hổ về Long Sơn là 3 USD, từ Bạch Hổ về Dung Quất là 3,5 USD; phí vận chuyển sản phẩm từ Singapore về Sài Gòn là 7 USD, phí vận chuyển sản phẩm từ Singapore về Dung Quất là 8 USD; phí vận chuyển sản phẩm từ Singapore về Hải Phòng là 9USD; phí vận chuyển sản phẩm từ Dung Quất vào thành phố Hồ Chí Minh là 5,6 USD và phí vận chuyển sản phẩm từ Dung Quất ra Hải Phòng 5,5 USD. Tất cả những con số này là những con số mà các nhà đầu tư nước ngoài chấp nhận và tính toán cùng với PetroVietNam. Kết quả tính toán trên cơ sở nhu cầu thị trường từng vùng (miền Nam 55%, miền Trung 12%, miền Bắc 33%) cho thấy 20 năm đầu của dự án, chênh lệch chi phí vận chuyển của nhà máy ở miền Trung (Dung Quất) và miền Nam (Long Sơn) trung bình hàng năm là 28,7 triệu USD, nghĩa là nếu đặt nhà máy lọc dầu ở Long

Sơn thì sẽ có lợi hơn ở Dung Quất khoảng 30 triệu USD/năm. Tuy nhiên bài toán chi phí vận chuyển cần phải xem xét một cách tổng thể cho toàn bộ nhu cầu sản phẩm của cả nước, chứ không phải chỉ riêng cho sản phẩm nhà máy lọc dầu số 1. Cụ thể là: nếu nhà máy lọc dầu số 1 đặt tại miền Nam thì sẽ đáp ứng hầu như toàn bộ nhu cầu của khu vực này; còn miền Bắc và miền Trung sẽ phải nhập với chi phí vận chuyển cao hơn, bằng hiệu số giá vận chuyển từ Singapore về miền Bắc và miền Trung trừ đi giá vận chuyển từ Singapore về miền Nam, tức là khoảng 10 triệu USD. Như vậy tính tổng thể sự ưu việt địa điểm miền Nam so với Dung Quất được biểu hiện bằng con số chênh lệch giá cước vận chuyển dầu thô và sản phẩm là bằng 20 triệu USD/năm. Chưa kể trong thực tế hiện nay, vận chuyển từ Singapore về Hải Phòng không phải là đi trực tiếp từ Singapore để chịu 9 USD, mà phải qua Sài Gòn, quá cảnh từ Sài Gòn và nâng lên khoảng chừng 16 USD. Như vậy, xét về góc độ tổng thể các yếu tố kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, việc chọn địa điểm Dung Quất là thỏa đáng.

Điểm thứ ba là về hiệu quả tổng hợp của công trình. Bộ công nghiệp và PetroVietNam đã lập quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hóa dầu ở Việt Nam, trong đó Dung Quất được coi là một trung tâm công nghiệp lọc hóa dầu của cả nước. Về nguyên tắc, công nghiệp hóa dầu phải gắn với công nghiệp lọc dầu và công nghiệp khí. Vì vậy ở khu vực miền Nam, trên cơ sở chế biến khí, một loạt các ngành sản xuất hóa dầu sẽ được xây dựng, trong đó lớn nhất sẽ là công nghiệp sản xuất Etylen và các sản phẩm từ Etylen. Ngược lại, công nghiệp hóa dầu ở Dung Quất sẽ được xây dựng trên cơ sở các sản phẩm của công nghiệp lọc dầu. Vì vậy việc mở rộng công suất lọc dầu của Khu công nghiệp Dung Quất được coi là đương nhiên, giá thành về chế biến sẽ thấp hơn nhiều so với nhà máy lọc dầu số 1. Và ngay trong nhà máy lọc dầu số 1 với công suất tối ưu là 6,5 triệu tấn/năm. PetroVietNam cũng đã dự trù một số thiết bị bổ sung làm cho nhà máy có khả năng lọc thêm một phần dầu "chua" Trung Đông để có nguyên liệu cho sản xuất hydrocarbon thơm cho hóa dầu và bitum cho nhựa đường.

Thứ tư là phương án thiết kế kỹ thuật và công nghệ của nhà máy. Khả năng chế biến dầu chua có ngay trong thiết kế nhà máy lọc dầu số 1 Dung quất. Việc chế biến dầu ngọt chỉ đơn giản là nhằm giảm chi phí dầu tư ở giai đoạn đầu; khi có khả năng về vốn, sẽ tính toán việc đặt thêm các công đoạn cần thiết cho việc chế biến một tỷ lệ dầu chua thích hợp. Về lâu dài, việc đó là cần thiết để cân đối các mục tiêu nguyên - nhiên liệu cho công nghiệp hóa dầu và công nghiệp hóa chất của cả nước.

Điểm thứ năm là về vấn đề bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường của nhà máy. Việc cung cấp dầu thô cho nhà máy lọc dầu đã được nghiên cứu hết sức nghiêm túc và kỹ lưỡng. Phương án cảng rót dầu không bến (SPM) đã được chấp thuận, phương án này đối với ta không phải là mới. Mỏ Bạch Hổ nhiều năm qua đã sử dụng một hệ thống tương tự. Tính toán khí tượng thủy văn cho thấy, tối đa mỗi năm có khoảng 50 ngày hệ thống SPM có thể phải ngừng hoạt động do thời tiết xấu, nhưng không phải là 50 ngày liên tục. Nói chung một đợt dừng hoạt động do thời tiết là không quá 7

ngày mà chúng tôi đã thiết kế hệ thống bể dự trữ là 10 ngày cho hoạt động của nhà máy. Về bảo đảm an toàn cho môi trường và khắc phục sự cố, trong luận chứng kinh tế kỹ thuật đã đề cập khá đầy đủ và chi tiết. Các biện pháp đã được thiết kế đến mức tối đa để ngăn chặn các sự cố tràn dầu, tràn hóa chất, tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ đất, bảo vệ nước, bảo vệ bầu khí quyển và bảo vệ hệ sinh thái tổng thể.

Trong số các tai nạn có hậu quả nghiêm trọng thì sự cố tràn dầu là tai nạn nguy hiểm nhất. Trên thế giới, tỷ lệ sự cố tràn dầu do vận chuyển chiếm 80-90%. Còn các sự cố do các nguyên nhân khác như khai thác dầu... thì chiếm tỷ lệ rất thấp. Về mặt này, địa điểm Dung Quất có khả năng hạn chế đến mức thấp hơn nhiều so với địa điểm miền Nam, nơi tàu bè qua lại nhiều hơn.

Dự án nhà máy lọc dầu là một dự án cần thiết, có hiệu quả kinh tế thỏa đáng. Tuy nhiên, sẽ có nhiều khó khăn, phức tạp xuất hiện trong quá trình xây dựng, vận hành - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam, với kinh nghiệm và bản lĩnh

hình thành nhiều năm qua trong quá trình phát triển ngành công nghiệp dầu khí, chắc chắn sẽ từng bước làm chủ lĩnh vực mới mẻ này, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

GS-TS. HỒ SĨ THOẢNG

Chủ tịch HĐQT Tổng công ty dầu khí Việt Nam

DỰ ÁN NHÀ MÁY LỌC DẦU SỐ 1 DUNG QUẤT

Khái quát về Nhà máy lọc dầu số 1

Mặc dù đã trở thành nước xuất khẩu dầu thô từ những năm cuối thập kỷ 80, nhưng cho đến nay, Việt Nam vẫn chưa có nhà máy lọc dầu nào. Nếu nhìn ra các nước trong khu vực, Thái Lan với 60 triệu dân có công suất chế biến 40 triệu tấn/năm; Malaysia 20 triệu dân có công suất chế biến 20 triệu tấn/năm; Indonesia 220 triệu dân có năng lực chế biến 50 triệu tấn/năm... có thể thấy Việt Nam đi sau các nước trong vùng 10 đến 20 năm về ngành công nghiệp chế biến dầu khí.

Trong những năm tới, để thực hiện chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, một trong những điều kiện cơ bản và quyết định là phải đảm bảo một nguồn năng lượng ổn định cho phát triển. Với các nước đang phát triển như Việt Nam, nhu

cầu tiêu dùng năng lượng trong thời gian tới sẽ có sự tăng trưởng cao về nhu cầu đối với các sản phẩm dầu mỏ. Thực tế đó cho thấy việc xây dựng Nhà máy lọc dầu là rất cần thiết để không những đáp ứng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm ngày càng tăng của thị trường trong nước và tạo ra một ngành công nghiệp mới hoàn chỉnh với quy trình công nghệ cao mà còn đem lại hiệu quả về nhiều mặt như: chính trị, an ninh - quốc phòng, kinh tế - xã hội; góp phần tích cực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Sau nhiều năm tiến hành khảo sát, nghiên cứu, lựa chọn địa điểm, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định xây dựng Nhà máy lọc dầu đầu tiên của Việt Nam tại khu công nghiệp Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi. Luận chứng khả thi Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất do Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam thực hiện và trình Chính phủ tháng 3 năm 1997 đã được Hội đồng thẩm định Nhà nước xem xét và chấp thuận. Hiện nay, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, đang tích cực khẩn trương triển khai xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 theo phương án Việt Nam tự

đầu tư với mục tiêu cuối năm 2001 sẽ đưa Nhà máy vào vận hành.

Theo đề án đã được Chính phủ phê chuẩn, Nhà máy lọc dầu Dung Quất có công suất 6,5 triệu tấn/năm, sản xuất nhiên liệu để đáp ứng nhu cầu xăng dầu của thị trường trong nước và bước đầu chuẩn bị nguyên liệu cho phát triển công nghiệp hóa dầu.

Tác động và hiệu quả kinh tế

Việc xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 sẽ mang lại nhiều lợi ích kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh - quốc phòng.

Về kinh tế, từ chỗ Việt Nam phải xuất khẩu toàn bộ dầu thô và nhập khẩu các sản phẩm xăng dầu, sự ra đời của Nhà máy lọc dầu số 1 sẽ cho phép chế biến dầu thô trong nước, đáp ứng ổn định một phần cơ bản nhu cầu sản phẩm xăng dầu, giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn cung cấp từ nước ngoài, tạo sự ổn định về giá cả trong nước.

Nhà máy lọc dầu số 1 ra đời sẽ là tiền đề phát triển một ngành công nghiệp mới - công nghiệp

chế biến dầu khí, tạo ra sản phẩm có giá trị cao hơn với trình độ công nghệ và kỹ thuật tiên tiến, đồng thời tạo cơ sở cho phát triển công nghiệp hóa dầu - một lĩnh vực có khả năng sinh lợi cao và đáp ứng được nhu cầu về sản phẩm của thị trường nội địa.

Việc xây dựng và đưa vào vận hành Nhà máy lọc dầu số 1 sẽ tạo điều kiện cho phát triển kinh tế khu vực vì từ Nhà máy lọc dầu số 1 sẽ kéo theo sự phát triển của một loạt các ngành công nghiệp và dịch vụ khác như: sản xuất vật liệu xây dựng, gia công chế biến sản phẩm, hàng tiêu dùng, công nghiệp nhẹ, vận tải, du lịch, hàng không, dịch vụ... và do đó, về mặt xã hội, sẽ tạo điều kiện và việc làm cho hàng trăm ngàn người cho giai đoạn sau năm 2000.

Xét về mặt chính trị, an ninh - quốc phòng, Nhà máy lọc dầu số 1 của khu công nghiệp Dung Quất và Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - sẽ có những ảnh hưởng tích cực trong việc giải quyết hai nhiệm vụ chiến lược "Xây dựng đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam".

Đối với địa phương, việc xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 và phát triển khu công nghiệp Dung Quất sẽ tạo điều kiện để thành phố Đà Nẵng và hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi tham gia đóng góp trực tiếp vào các lĩnh vực hoạt động về cung cấp nhân công phục vụ xây dựng và vận hành, cung cấp vật liệu tại chỗ cho khu công nghiệp, phát triển ngành công nghiệp nhẹ, giao thông vận tải, du lịch, dịch vụ... tạo việc làm cho nhân dân địa phương.

Việc phát triển khu công nghiệp Dung Quất sẽ giúp cho địa phương thay đổi căn bản về cơ cấu phát triển kinh tế, tạo đà cho sự phát triển kinh tế các tỉnh miền Trung.

Các thông số chủ yếu của Nhà máy lọc dầu số 1

1. Tên dự án: Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất
2. Chủ đầu tư: Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam
3. Hình thức đầu tư: Việt Nam đầu tư.
4. Địa điểm xây dựng: Tại khu công nghiệp Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi. Nhà máy được bố trí

tại 2 xã Bình Trị và Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Tổng diện tích: 220 ha, trong đó:

- . Nhà máy chính: 110 ha
- . Khu bể chứa dầu thô: 42 ha
- . Khu bể chứa sản phẩm: 28 ha
- . Tuyến ống lấy nước biển và xả nước biển: 4 ha
- . Hành lang an toàn cho tuyến ống dẫn sản phẩm: 40 ha
- . Cảng xuất sản phẩm (đất và mặt biển) khoảng: 135 ha
- . Hệ thống cảng rót dầu không bến (SPM), đường ống ngầm dưới biển và khu vực vòng quay tàu khoảng: 336 ha

6. Công suất nhà máy: 6,5 triệu tấn dầu thô/năm (tương đương 130.000 thùng/ngày)

7. Nguồn cung cấp dầu thô: Dầu thô Việt Nam (dầu ngọt) hoặc dầu thô có tính chất tương đương.

8. Sản phẩm của nhà máy: Propylene, khí hóa lỏng (LPG), xăng không chì, dầu hỏa dân dụng, nhiên liệu phản lực, nhiên liệu diesel, nhiên liệu FO.

9. Công nghệ và thiết bị: áp dụng công nghệ chế biến sâu, hiện đại. Các phân xưởng chính của Nhà máy bao gồm:

- . Phân xưởng chưng cất dầu thô
- . Phân xưởng xử lý Naphth bằng hydro
- . Phân xưởng Reforming xúc tác liên tục
- Phân xưởng Cracking xúc tác cận dầu
- . Phân xưởng xử lý khí;
- . Phân xưởng thu hồi Propylene.

Công suất của các phân xưởng công nghệ được xác định dựa theo tính chất dầu thô Bạch Hổ, yêu cầu chất lượng và cơ cấu sản phẩm.

10. Các hạng mục phụ trợ: Khu bể chứa dầu thô, khu bể chứa sản phẩm, hệ thống đường ống dẫn dầu thô và sản phẩm, nhà máy điện 40MW, hệ thống cấp hơi, hệ thống cấp nước, thải nước, hệ thống cấp khí trợ, hệ thống nhiên liệu, hệ thống đước cháy, hệ thống thông tin, tín hiệu, nhà xưởng...

Các công trình biển:

1. Hệ thống cảng rót dầu không bến (SPM) nhập dầu thô bố trí tại vịnh Việt Thanh được thiết

kế để nhận tàu dầu có trọng tải từ 80.000 đến 100.000 DWT.

2. Cảng kín xuất sản phẩm bố trí tại vịnh Dung Quất với các bến cho các tàu có trọng tải từ 3.000 đến 5.000 DWT và từ 20.000 đến 25.000 DWT để xuất các chủng loại sản phẩm và bến cho các tàu dịch vụ phục vụ hoạt động của cảng và hệ thống SPM.

3. Cảng kín sản xuất sản phẩm được thiết kế có đê chắn sóng để đảm bảo hoạt động được liên tục và an toàn.

4. Bến phục vụ cho giai đoạn xây dựng và phục vụ công tác bảo dưỡng các công trình biển sau này.

Các công trình cơ sở hạ tầng chính ngoài hàng rào (Đầu tư bằng nguồn vốn khác).

1. Hệ thống đường bộ nối Quốc lộ 1A với nhà máy và cảng dầu

2. Hệ thống cung cấp nước ngọt cho giai đoạn xây dựng ($15.000\text{m}^3/\text{ngày}$) và cho giai đoạn vận hành ($33.000\text{m}^3/\text{ngày}$).

3. Hệ thống cung cấp điện.

4. Hệ thống thông tin liên lạc nối nhà máy lọc dầu với mạng thông tin quốc gia tại khu vực.

5. Nhà ở và cơ sở dịch vụ cho cán bộ công nhân viên vận hành nhà máy.

Tổng mức đầu tư: Tổng mức đầu tư tạm tính là 1.500 triệu USD.

Tiến độ thực hiện: Khởi công xây dựng đầu năm 1998; hoàn thành 2001.

Phương thức tổ chức quản lý thực hiện dự án:

. Đấu thầu để chọn nhà thầu cung cấp bản quyền công nghệ, nhà thầu thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và xây lắp công trình nhà máy, bao gồm cả chuyển giao công nghệ và đào tạo.

. Khi lập kế hoạch đấu thầu và tổ chức đấu thầu, phải xem xét khả năng sử dụng tối đa các loại vật liệu xây dựng được sản xuất trong nước, năng lực gia công chế tạo thiết bị và xây lắp trong nước.

TRẦN HIỂN

Phó Tổng giám đốc PetroVietnam

KHỞI CÔNG XÂY DỰNG NHÀ MÁY LỘC DẦU SỐ 1 DUNG QUẤT

Đúng 10 giờ ngày 8.1.1998, tại xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, thay mặt Chính phủ, Phó thủ tướng Ngô Xuân Lộc đã phát lệnh khởi công xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất. Thời điểm chờ đợi đã đến, cố vấn BCH Trung ương Đảng Võ Văn Kiệt, Phó thủ tướng Ngô Xuân Lộc đã bấm nút khởi công.

Dung Quất động thổ! Trong thời điểm hân hoan nức lòng này, nhớ đến những nhà khoa học, có mặt trong ngày trọng đại này, những người phác thảo những đường nét đầu tiên cho một Dung Quất tương lai.

Những người tiên phong

Hơn ai hết, chúng tôi rất vui mừng chờ đón ngày chính thức khởi công xây dựng nhà máy lọc

dầu số 1 tại Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi. Đây thực sự là bước đột phá, mở đầu cho một thời kỳ rực rỡ của miền Trung trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Đối với những người làm khoa học như chúng tôi thì đây là một phần thưởng xứng đáng.

Phó tiến sĩ Trương Đình Hiến đã không giấu nổi những xúc động khi tâm tình với chúng tôi như vậy. Ông và kỹ sư Bùi Quốc Nghĩa, là đồng tác giả công trình *"Nghiên cứu, khảo sát lập dự án chọn địa điểm xây dựng cảng biển nước sâu và khu công nghiệp Dung Quất"* hay gọi tắt là công trình *"Cảng biển nước sâu và KCN Dung Quất"*. Công trình này là cơ sở khoa học để mọi sự ở Dung Quất được tiến hành! Một cán bộ Phân viện Vật Lý thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia, đã khẳng định điều này. Ông còn giới thiệu thêm rằng: trước khi những nghiên cứu của PTS Trương Đình Hiến và KS. Bùi Quốc Nghĩa được UBND tỉnh Quảng Ngãi tiếp nhận và đệ trình Chính phủ, nhiều đoàn thăm dò khảo sát tìm kiếm một vị trí có khả năng xây dựng được cảng nước sâu, làm tiền đề cho việc đặt nhà máy lọc dầu, đã đến vùng

biển Quảng Ngãi này và Dung Quất là vị trí thứ 14 được khẳng định là... không thể xây dựng cảng! Rõ ràng là điều này đã không được ghi vào lịch sử hành trình, phát triển cảng Dung Quất, cũng như một điều có thực mà cũng chưa mấy người biết được đó là: hai tác giả chính của công trình này đã tự bỏ tiền túi của mình (khoảng 20 lượng vàng) để có những điều kiện vật chất và trang thiết bị tiến hành nghiên cứu. Ba năm sau, kể từ khi công trình được hoàn thành và giới thiệu rộng rãi đến các nhà lãnh đạo (1992), Hội đồng Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia mới chính thức trao tặng giải thưởng khoa học năm 1995 và số tiền thưởng 20 triệu đồng cho các tác giả...

Kỹ sư Bùi Quốc Nghĩa tâm sự: "Ngay khi bắt tay vào nghiên cứu Dung Quất, chúng tôi đã tin tưởng chắc chắn là ở đây, chứ không thể là nơi nào khác trở thành điểm tựa của sự phát triển trong tương lai của miền Trung!" Anh cho biết, anh năm nay mới tròn 40 tuổi, còn PTS. Trương Đình Hiến đã vào tuổi 56 - Cả hai đều là những đứa con của miền Trung, ông Hiến quê Hội An (Quảng Nam), và anh Nghĩa quê ở Bình Định. Một điều đáng mừng, là trong suốt thời gian hơn mười năm qua, kể từ khi cả hai về công tác tại Phòng Thủy hải văn công trình (thuộc Phân viện Vật lý TP. Hồ Chí Minh), hai người đã cộng tác với nhau thực hiện được nhiều đề tài và công trình nghiên cứu khoa học có giá trị phục vụ cho việc xây dựng các công trình trên sông, công trình trên biển và thềm lục địa. Đáng chú ý là các công trình nghiên cứu, khảo sát lập dự án chọn cảng biển nước sâu và Khu công nghiệp Dung Quất (Quảng Ngãi), Chân Mây (Thừa Thiên - Huế), mở rộng cảng nước sâu Qui Nhơn gắn liền với Khu công nghiệp - Thương mại - Dịch vụ Nhơn Hội (Qui Nhơn - Bình Định...).

Người ta cũng có thể đọc được nhiều công trình khác do PTS. Trương Đình Hiến, KS Bùi Quốc Nghĩa chủ trì và tham gia, có đầy đủ các dữ liệu thực tế đủ đáp ứng cho mọi yêu cầu của các nhà xây dựng hay đầu tư như: ngân hàng dữ liệu về điều tra thuộc bản điều kiện tự nhiên và tài nguyên môi trường Bình Định, Quảng Ngãi; các điều kiện khí tượng, thủy văn, động lực học khu vực TP.Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu và vùng ven biển - Điều tra cơ bản Bà Rịa - Vũng Tàu...

Thực là đáng tiếc, khi những bước chân đầu tiên và sự lao động cần cù âm thầm của các nhà khoa học ở một góc khuất lấp nào đó có thể bị lãng quên dù vô tình hay cố ý! Song, lễ khởi công Dung Quất vào ngày 8.1.1998 - cái ngày đáng nhớ này là một sự đáp lại có ý nghĩa lớn nhất đối với những nhà khoa học.

PHẠM HÙNG NGHỊ

(Thời báo kinh tế Việt Nam)

NHỮNG THÁCH THỨC KINH TẾ XÃ HỘI VÀ CƠ HỘI MỞ RA TỪ DỰ ÁN NHÀ MÁY LỘC DẦU DUNG QUẤT CHO VÙNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP MIỀN TRUNG VIỆT NAM

Tôi là một nhà nghiên cứu về vật lý và y học, và đồng tác giả với tôi trong báo cáo này là một luật sư. Do vậy, quý vị có thể tự hỏi tại sao chúng tôi lại quan tâm tới ngành dầu khí Việt Nam. Nói ngắn gọn, vì hai lẽ: một là, do quan hệ cá nhân mà tôi có được từ lâu với Chủ tịch ngành dầu khí Việt Nam, GS Hồ Sĩ Thoảng, người mà tôi đầu tiên tiếp xúc trong nhiều lần trở về thăm lại Việt Nam kể từ năm 1977 và đã vun trồng quan hệ cá nhân lẫn nghề nghiệp này trong suốt nhiệm kỳ mà ông giữ cương vị là Phó Viện trưởng Viện khoa học Việt Nam kiêm Chủ tịch Phân viện thành phố Hồ Chí Minh.

Khi giáo sư Hồ Sĩ Thoảng được đề cử làm Tổng Giám đốc PetroVietNam, chúng tôi lại tiếp tục các chương trình hợp tác một lĩnh vực mới liên quan đến ngành dầu khí. Vào khoảng thời gian này, tôi đã góp phần lập nên Quỹ Mỹ-Việt (US - Vietnam Foundation) với những mục tiêu hoạt động rộng lớn hơn cả Ủy ban hợp tác khoa học với Việt Nam. Tôi phải thú nhận rằng, tôi phải nghiên cứu không ít để có thể hiểu sâu hơn các thuật ngữ chung của ngành công nghiệp dầu khí. Vốn hiểu biết của tôi chỉ đóng khung trong những kinh nghiệm có được khi ứng dụng kỹ thuật chụp ảnh phóng xạ trong việc xem xét các lõi mẫu khoan được từ đáy đại dương để định vị và xác định nồng độ các thành phần dầu. Lí do thứ hai có liên quan đến hướng quan tâm nghiên cứu mới của tôi, tiếp theo sau việc học tập thêm của tôi để lấy một học vị tiến sĩ thuộc một ngành khoa học khác tại Đại học đường Northwestern, đó là, nghiên cứu về quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa của các xã hội nông nghiệp truyền thống, đặc biệt là các quốc gia vùng Đông Nam Á.

Vì vậy khi biết được quyết định của Chính phủ Việt Nam xây dựng một nhà máy lọc dầu quốc gia

dầu tiên tại Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi, niềm say mê của tôi trên cương vị là một học trò và là người nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế chính trị đã thực sự bùng sinh, và tôi đã đề nghị Giáo sư Hồ Sĩ Thoảng và Giáo sư Phan Kỳ Phùng, Giám đốc Đại học Đà Nẵng, tổ chức Hội thảo mang tầm vóc quốc tế này.

Dự án Dung Quất có phải là một quyết định kinh tế đúng đắn?

Không hồ nghi gì, dự án xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất này là một trong những, nếu không nói là một quyết định quan trọng, đầy thách thức, và táo bạo nhất mà Chính phủ Việt Nam đã đưa ra mặc cho những phản ứng mạnh mẽ từ cộng đồng đầu tư quốc tế bên ngoài. Quả nhiên, đối với tuyệt đại đa số nhà đầu tư nước ngoài, những người thường duy lý xét trên bình diện kinh tế vĩ mô và vi mô, và xuất phát từ quan điểm lợi nhuận tự thân khi chú trọng đến hiệu suất đầu tư nhanh, thì dự án Dung Quất, ít ra trên một đánh giá nhất thời, không phải là một mục tiêu đường lối được mọi người ủng hộ. Thế nhưng, chúng tôi tin rằng, trong sự đánh giá tính

đến lâu dài của đất nước Việt Nam, thì dự án này quả là đúng cảm (xét từ góc độ kinh tế) và rất hợp lý (xét trên bình diện xã hội).

Chúng tôi biết rằng, đã tiến hành việc khảo sát chi tiết tính khả thi và những báo cáo đã trình cho PetroVietNam và Chính phủ. Chúng tôi cũng cho rằng, không những các vấn đề khoa học, kỹ thuật, môi trường, và những vấn đề trọng yếu liên đới đã được giới hữu trách phân tích cẩn thận, mà còn tác động kinh tế xã hội của dự án đối với các tỉnh miền Trung Việt Nam cũng được đánh giá một cách khách quan.

Nhớ lại hồi tháng 6 năm ngoái, tôi tình cờ đọc được bài báo của Kathy Uihem viết về dự án xây dựng nhà máy lọc dầu Dung Quất xuất hiện trên tờ Chicago Tribune với nhan đề "Việt Nam kêu gọi đầu tư nước ngoài để xây dựng một vùng nghèo khó". Uihem đã đúng đắn nêu rõ là "giới doanh nghiệp nước ngoài thích đầu tư ở Hà Nội hay thành phố Hồ Chí Minh hơn, nơi có điều kiện cơ sở hạ tầng và lực lượng lao động có tay nghề tốt hơn". Chúng tôi ước gì những nhà đầu tư nước ngoài kia, cũng giống như một người trong chúng tôi, đã có

dịp đến thăm Hà Nội vào năm 1977, chỉ 2 năm sau chiến tranh, và đã có thể so sánh được Hà Nội vào những năm đó với Hà Nội vào năm 1997 này, và chính họ sẽ nhận ra sự khác biệt này. Với lối lập luận này, quả thiếu công bằng và đầy phiến diện khi không hình dung được cảng Dung Quất, cứ cho là vào năm 2007 đi, khi mà dự án Nhà máy lọc dầu, hi vọng là chắc chắn được triển khai và hoàn toàn đi vào hoạt động .Còn nếu cứ bám víu vào lối lập luận hồ nghi của những người phản bác, thì bao giờ miền Trung Việt Nam mới có thể đuổi kịp Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh trên khía cạnh kinh tế được? Quả Uilhem không nhầm lẫn khi dự báo được rằng ở đó "có một quyết tâm đang ngày càng lớn mạnh là đầu tư (nước ngoài) phải phục vụ cho những mục tiêu của đất nước Việt Nam".

Quả là chính dự án đồ sộ này đòi hỏi những nỗ lực to lớn của cả Chính phủ lẫn người dân Việt Nam để biến ước mơ về khu công nghiệp Dung Quất thành hiện thực. Nhưng với quyết tâm, việc hoạch định tốt, trình độ quản lý thích hợp, thì đất nước này, nói theo ngôn từ của đồng chí Võ Văn Kiệt, sẽ đánh thức "Nàng thiếu nữ đang say ngủ"

và cải biến nơi này thành một trung tâm kinh tế - khu công nghiệp đáng gờm trước ngưỡng cửa của thế kỷ XXI.

So sánh tổng sản lượng hàng năm của thành phố Hồ Chí Minh hay của Hà Nội với một tỉnh tiêu biểu của miền Trung Việt Nam ta có thể nhận ra một khoảng cách khá xa giữa các miền trong cùng một đất nước. Tính đến nay, hầu hết đầu tư từ nước ngoài đều tập trung ở hai thành phố này, và nếu như Chính phủ không quyết tâm rút ngắn sự chênh lệch về mặt kinh tế giữa người dân nông thôn và thành thị, thì chung cuộc Việt Nam sẽ bị phân hóa về mặt kinh tế và xã hội do sự phân phối của cải thiếu công bằng. Quả vậy Việt Nam cần có sự hỗ trợ kinh tế và đầu tư nước ngoài của quốc tế để đưa đất nước ra khỏi sự nghèo nàn. Tuy nhiên đất nước này cũng cần phải lựa chọn giữa hai con đường: hoặc nhường chỗ cho sự phồn vinh ngắn hạn của 20% thị dân; hoặc tạo ra sự phát triển kinh tế và nâng cao mức sống của phần đông số dân còn lại của đất nước. Giải pháp chọn lựa hẳn đã tường minh, và Dự án Dung Quất là một minh chứng hùng hồn.

Một số nhà kinh tế học lại lập luận rằng, những công trình lớn như Dung Quất sẽ thu hút tài nguyên lẫn những chương trình kinh tế tầm cỡ quốc gia làm thiệt thòi quá trình phát triển quy mô nhỏ ở nhiều vùng của đất nước. Lập luận này sẽ đúng nếu chỉ khi Việt Nam đã là một đất nước hoàn toàn phát triển nơi mà thu nhập bình quân đầu người đã tương đối quân bình trong các thành phần kinh tế khác nhau. Giới lãnh đạo Việt Nam có một thời đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng của "nông nghiệp, nông thôn và người nông dân trong công cuộc đổi mới của đất nước". Đồng chí Đỗ Mười trong một bài phát biểu tại phiên họp lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản khóa VII họp vào ngày 3 tháng 6 năm 1993 khẳng định rằng: "cần thiết phải gắn việc phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn với quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hóa của đất nước, xem đây là một nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng và chiến lược đặc biệt". Và dự án Dung Quất quả là một phản ánh cụ thể của đường lối này; quyền lợi của người nông dân, chiếm đến 80% dân số, là trọng tâm của Đảng và Chính phủ. Cơ cấu kinh tế - xã hội vùng nông thôn mới, "vùng quê mới" đang được

hình thành. Dự án Dung Quất, vì vậy, chính là bước đi dài, đầu tiên, đúng hướng.

Những thách thức về mặt kinh tế - xã hội

Nhiệm vụ bức bách tiên quyết chính là việc hoạch định, mà phải hoạch định đúng đắn, và hạch toán kinh phí đúng mực. Dự án cần phải tính đến các tỉnh miền Trung, và việc đóng góp của các tỉnh cũng cần nhấn mạnh. Mặc dù Dung Quất là vùng đất thuộc tỉnh Quảng Ngãi, nhưng dự án Dung Quất là công trình của cả nước sẽ gây lợi cho hầu hết, nếu không nói là tất cả các tỉnh miền Trung.

Vì dự án là kết quả của việc nghiên cứu tính khả thi đã được Chính phủ chấp thuận, nên giai đoạn quan trọng tiếp theo sẽ là huy động nguồn vốn cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng. Hiển nhiên, do vùng này chưa được phát triển nhiều, nên mọi việc sẽ phải khởi đầu bằng số không. Trong khi Nhà nước sẽ sở hữu Nhà máy lọc dầu và khu công nghiệp Dung Quất trong dự kiến, thì người ta lại mong muốn kêu gọi tư nhân trong và ngoài nước đóng góp tài chính. Chủ yếu, cần phải tranh thủ

những khoản vay và tài trợ quốc tế cho yếu tố cơ sở hạ tầng, còn phần lớn của gánh nặng tài chính sẽ do người Việt Nam chung vai gánh vác. Huy động tài chính trong thành phần tư nhân không có nghĩa là Nhà nước từ bỏ việc kiểm soát công trình. Nhiều hình thức hợp tác giữa nhà nước - tư nhân cũng có thể đảm bảo thành công. Có lẽ ai cũng có thể nhìn vào bài học thành công của Indonesia với chiến lược đàm phán thành đạt của nó đã phát triển được khái niệm "Thỏa thuận san sẻ trong sản xuất".

Một thách thức nối tiếp chính là khả năng quy tụ các chuyên gia và lực lượng công nhân lành nghề. Việc huy động nguồn nhân lực cần phải, rộng khắp cả trong và ngoài nước.

Tạo dựng một thành phố Dung Quất cho khoảng chừng vài vạn công nhân cư trú, là phương án lâu dài khuếch trương khu công nghiệp và phát triển cư dân địa phương với quan điểm phục vụ sẽ phải được nghiên cứu cẩn thận. Cần phải xem xét nghiêm túc những mâu thuẫn cố hữu giữa vùng nông thôn và thành thị, và phải tìm ra giải pháp để tránh được sự va chạm giữa công nhân công

ng nghiệp Dung Quất và người dân nông thôn. Mong rằng Chính phủ sẽ đảm bảo được quyền lợi của người nông dân từ dự án này.

Chúng tôi cũng muốn bàn thêm về tinh thần hợp tác giữa cơ cấu kỹ thuật cao của nhà máy lọc dầu hiện đại Dung Quất với truyền thống nông nghiệp còn lạc hậu của xã hội nông thôn miền Trung Việt Nam, bao gồm cả vùng Tây Nguyên. Vì rằng, vai trò của khu công nghiệp mới Dung Quất không chỉ là nâng cao, khuếch trương ngành dầu khí vì quyền lợi của cả dân tộc, mà vai trò quan trọng không kém của nó chính là phục vụ với tư cách là nhân tố tiên phong trong quá trình phát triển kinh tế của các tỉnh trong miền. Vì thế, hiện đại hóa kỹ nghệ và truyền thống nông nghiệp phải cùng nhau tạo nên một bầu không khí đoàn kết mà trong đó, quyền lợi chung, lợi ích có nhau là tinh thần hợp tác mang tính chủ đạo.

Câu hỏi cùng nêu ra từ hai phía, một bên là lãnh đạo và công nhân khu công nghiệp Dung Quất, và một bên là chính quyền và lực lượng nông dân miền Trung, là: "Tại sao nhà máy lọc dầu đầu tiên của Việt Nam lại đặt trên địa bàn

Dung Quất?". Câu trả lời rõ ràng là do mục đích hai mặt vừa đẩy mạnh hoạt động công nghiệp dầu khí, vừa phát triển và khuếch trương nền kinh tế đa thành phần của miền Trung Việt Nam lẫn cao nguyên trung phần. Do vậy, vùng đất dựa trên nông nghiệp của miền Trung có thể được xem như là nền tảng hay cơ sở hạ tầng, và khu dầu khí Dung Quất là kiến trúc thượng tầng của lâu đài kinh tế xã hội của Việt Nam. Nói một cách giản đơn, lợi ích của quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa của đất nước sẽ đến tận tầng lớp công chúng bên dưới trong khu vực nếu như tất cả các dự án đều thực thi hoàn toàn thành công.

Chúng tôi chưa đủ thẩm quyền để có thể trao đổi bất luận một đề tài khoa học kỹ thuật nào liên quan đến dự án Dung Quất, hoặc bất kỳ vấn đề gì quan hệ đến quá trình khai thác dầu khí cả. Tuy vậy một trong những quan tâm của chúng tôi là những tác động môi trường của việc phát triển khu công nghiệp mới. Chúng tôi nghĩ rằng những khảo sát chi tiết đã được thực hiện và đã có những kết luận rút ra về khả năng ô nhiễm môi sinh trong không khí, đất đai, và vùng biển lân cận. Những

vấn đề này cần phải được xem xét trên cơ sở lâu dài, và cần phải đề ra những giải pháp cho bất kỳ những rủi ro nào, vì rằng hậu quả có thể ảnh hưởng đến nhiều thế hệ tương lai.

Khi dự án diễn ra trong thực tế, thì giai đoạn đầu sẽ phải bao gồm việc xây dựng cơ sở hạ tầng. Hiển nhiên, công nhân thiếu tay nghề sẽ phải tuyển từ lớp dân nông thôn để phục vụ cho dự án. Vào cuối giai đoạn này, các công nhân được tuyển gọi theo thời vụ, dự kiến là huy động từ nông dân sẽ không còn cần thiết nữa. Khoản khích lệ kinh tế lâm thời này sẽ phải bị kết thúc và điều đó sẽ tạo ra tình trạng thất nghiệp nghiêm trọng mà trong đó, đến lượt mình, nó có thể đem lại khó khăn về mặt xã hội và sự bất an trong nhóm người thiếu đặc ân này. Ở đây chúng ta chưa bàn đến vấn đề nguy cơ thiếu hụt lực lượng lao động nông nghiệp cũng như hiện tượng tắc nghẽn trong việc phát triển vùng đất canh tác mới. Hơn nữa, bất luận một thay đổi mất cân đối nào trong sự nối kết kinh tế giữa nông thôn và thành thị cũng sẽ biến thành phố công nghiệp mới của Dung Quất thành một cực từ trường thu hút không ít lực lượng lao

động từ các vùng quê lân cận, và điều đó sẽ tồn tại như một phương thức giả tạo khiến cho người dân nông thôn đổ xô vào các khu vực đó.

Tâm cơ của dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất rất đồ sộ. Như đã đề xuất, nếu như quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa của vùng đất nông nghiệp miền Trung được xây dựng trên nền tảng nông thôn, thì cần phải hiểu rõ đặc điểm kinh tế - xã hội truyền thống, đặc thù của xã hội nông nghiệp. Người nông dân Việt Nam qua bao đời vốn đã gắn chặt với đạo đức, chuẩn mực và kỳ vọng của xã hội, mà điều này đôi khi xa lạ với người dân. Vì lẽ đó, trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế tồi tệ, dân làng thường rủ áo ra đi khỏi quê cha đất tổ để tìm kế mưu sinh trong các khu đô thị vốn đã quá đông dân. Lực hút gượng gạo những đối tượng lao động thiếu tay nghề này, những người không có được khả năng khẳng định phần của mình trong mức phần vinh kinh tế cũng như không thể hội nhập vào môi trường văn hóa xã hội của chốn đô thị, sẽ làm tăng thêm sự mâu thuẫn giữa người dân thành phố và vùng nông thôn lẫn các khu đô thị mới nảy sinh.

Quả là một thách thức cho các nhà hoạch định phải phác thảo ra một chương trình thuyết phục vừa đáp ứng quyền lợi kinh tế thông qua các quá trình hiện đại hóa, vừa thỏa mãn những yêu cầu phát triển mà không hề né tránh những tập tục văn hóa xã hội ở thôn quê. Đây không phải là một nhiệm vụ giản đơn, vì nó đòi hỏi việc lập kế hoạch lần thực thi đẩy mạnh quá trình hiện đại hóa không làm thay đổi tận gốc nền văn hóa xã hội của người dân thôn quê, một chiến lược làm cho sinh hoạt ở nông thôn hội nhập vào quá trình công nghiệp hóa mà không triệt tiêu tấm áo xã hội lẫn niềm tự hào truyền thống của chính họ. Nói khác đi, việc lồng ghép cơ chế cách tân kỹ nghệ nhằm khuyến khích phát triển kinh tế, và cải thiện điều kiện sống ở vùng nông thôn cần phải được thực hiện trên một tinh thần hợp tác, thể hiện mục tiêu đã định rõ vì lợi ích chung của cả dân tộc lẫn khu vực địa phương. Với suy nghĩ này, không nên duy ý chí để mong đợi ở một vài khía cạnh, giới cư dân doanh nhân thành phố di chuyển về nông thôn, để từ đó điều hòa sự đổi thay các quan niệm lẫn tập quán của người dân thành phố và của người dân thôn quê.

Vấn đề sẽ trở nên khó khăn hơn nếu quá trình kể trên diễn ra khắp vùng Tây Nguyên như Kon Tum, Gia Lai, Buôn Mê Thuột. Cao nguyên và Tây Nguyên, dải đất vùng Tây của Việt Nam cùng người dân ở đó đóng vai trò quan trọng mang tính chiến lược đối với cả nước trong thời chiến cũng như thời bình. Người dân Tây Nguyên đã cùng chia sẻ những khổ đau với những người dân miền xuôi trong suốt thời kỳ thuộc địa, và đã đóng góp rất có ý nghĩa trong suốt chiều dài của lịch sử dân tộc Việt Nam ở những thời khắc nghiệt ngã nhất. Họ rất xứng đáng được hưởng những phần thưởng kinh tế và xã hội chính đáng trong thời bình. Hi vọng rằng dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất sẽ đảm bảo sự phát sinh một cách đồng đều giữa các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên.

Tây Nguyên vốn trù phú về tài nguyên thiên nhiên và có tiềm năng lớn cho việc phát triển kinh tế đa thành phần. Một trong những trở ngại chính yếu là sự thiếu hụt đội ngũ công nhân lành nghề, và cơ sở hạ tầng cần thiết. Điều cần nhất là làm sao cho vùng cao tham gia vào các dự án hiệp tác kinh tế với các tỉnh miền Trung. Thách thức không

nhỏ ở đây chính là nâng cao mức sống của các cộng đồng thiểu số, tạo ra nhiều cơ hội giáo dục, chăm sóc y tế tốt hơn mà không phải đụng chạm đến phong tục tập quán của người dân này, và từ đó, có thể dẫn đến những bất ổn về mặt xã hội.

Thời cơ kinh tế - xã hội

Ngay từ ngày đầu triển khai dự án Dung Quất, sẽ có nhiều cơ hội lớn lao về kinh tế - xã hội mở ra cho thị xã Quảng Ngãi cũng như các tỉnh miền Trung. Như đã lưu ý, đường lối chủ trương chính của việc phát triển Dung Quất thành một trung tâm kinh tế công nghiệp lớn của Việt Nam là nhằm giảm đi sự tụt hậu về mặt kinh tế - xã hội của miền Trung Việt Nam, và sau hết, là thu ngắn sự chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người giữa vùng này và các vùng khác.

Chính ngay cơ hội đầu tiên là việc sử dụng nguồn lao động thừa. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ khu công nghiệp dầu khí và sau hết sử dụng cho việc sản xuất ra các mặt hàng vệ tinh khác sẽ góp phần làm giảm đi tình trạng thất nghiệp trong khu vực, và tỉ lệ thất nghiệp bán

phần. Cơ hội đào tạo lực lượng lao động có sẵn trở thành đội ngũ công nhân có tay nghề cho Dung Quất, và trong một tương lai gần sử dụng cho vùng công nghiệp liên đới cũng như các hình thức doanh nghiệp mở rộng khác sẽ là một đóng góp to lớn chẳng những cho khu vực mà còn cho cả nước nữa. Các doanh nghiệp dịch vụ và phân phối những sản phẩm hàng hóa từ khu công nghiệp sẽ gắn nền kinh tế tỉnh thành với nền kinh tế của cả nước, và kinh tế thế giới bên ngoài thông qua con đường thương mại quốc tế.

Thời kỳ tiếp theo sẽ là quá trình hỗ trợ, chủ yếu là hỗ trợ cho thành phần dịch vụ - cho khu công nghiệp. Vào thời điểm này, cần có lực lượng công nhân kỹ thuật bậc cao và để thỏa mãn nhu cầu cán bộ kỹ thuật lành nghề, khu vực sẽ cần phải nắm bắt cơ hội nâng cao trình độ kỹ thuật, không chỉ ở cấp tỉnh, và còn ngay cả ở cấp huyện nữa. Cơ hội đào tạo nối tiếp gắn liền với việc đào tạo ở cấp chuyên nghiệp cao nhất, bao gồm việc đào tạo ra các cán bộ có trình độ kỹ sư, nhà khoa học, và các cán bộ quản lý do các trường đại học vùng cung cấp. Chẳng hạn như Đại học Đà Nẵng

đã thành lập ngành Hóa dầu cách đây hai năm để đón bắt nhu cầu cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học trong lĩnh vực công nghệ hóa dầu nói chung, và khu vực cận Dung Quất nói riêng.

Vì dự án Dung Quất đã trở thành chất xúc tác hữu hiệu đối với các thành phần kinh tế công nghiệp khác, nên sẽ xuất hiện ngày càng nhiều yêu cầu về lao động và công nhân chuyên nghiệp để duy trì các cơ sở hoạt động tạo lập và mở rộng cần thiết trong các hành lang dịch vụ khác như bưu chính viễn thông, giao thông vận tải và sản xuất.

Điều này không có nghĩa là toàn bộ miền Trung Việt Nam sẽ được hiện đại hóa đơn thuần theo hướng công nghệ hóa. Chúng ta chớ quên rằng miền Trung, cơ bản mà nói, là một vùng đất nghiêng về canh tác và sản xuất nông nghiệp song song với các thành phần kinh tế nhỏ như đánh bắt thủy sản và chăn nuôi. Tưởng khỏi phải nhắc lại tầm quan trọng của nông nghiệp và đóng góp của quần chúng nông dân trong sự tồn tại của nền kinh tế quốc dân trong giai đoạn gian khó cũng như trong thời bình. Ở Việt Nam, cũng giống như

hầu hết các quốc gia khác trên thế giới, nông nghiệp là một trong những thành phần kinh tế quan trọng. Người nông dân Việt Nam có truyền thống lao động cần cù, và khi đứng trước những khủng hoảng của nước nhà, họ thường có những đóng góp to lớn và thiết thực. Chúng ta thử nhớ lại, chỉ sau một thời gian ngắn khi Chính phủ thi hành chính sách cải cách kinh tế, thu nhập bình quân từ sản xuất lúa gạo tăng lên một cách đáng kể, đủ để đáp ứng lương thực trong nước và biến Việt Nam thành một nước đứng thứ ba trên thế giới về xuất khẩu gạo sau Mỹ và Thái Lan

Tuy nhiên đời sống của người dân thôn quê vẫn còn khó khăn. Ai trong chúng ta đã là học sinh, sinh viên xuất thân từ nông thôn đều nhận ra rằng lịch sử văn hóa dân tộc đều phân rõ những đặc trưng kinh tế - xã hội của các xã hội nông dân qua từng thời kỳ. Do vậy, đối với các nhà phát triển Dung Quất, điều quan trọng là phải thấy hết vai trò quan trọng mang tính khu vực trong quá trình tích cực đẩy mạnh và gắn sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nền kinh tế nông thôn với những ưu tiên công nghiệp hóa và hiện đại hóa của đất nước.

Thật là lạc quan, nếu không nói là kỳ vọng, rằng ảnh hưởng sâu rộng của Nhà máy lọc dầu và khu công nghiệp hóa dầu Dung Quất sẽ thay đổi cảnh quan kinh tế xã hội của miền Trung Việt Nam. Nhằm gặt hái được thành quả công nghiệp ấy, cần phải thiết lập các ưu tiên liên quan đến các thành quả cơ hội. Một khi chương trình đã hoạch định kỹ lưỡng, và chiến lược sâu rộng đã được các nhà đường lối Trung ương quyết định, thì bất kỳ những thay đổi phát sinh trong tiến trình đều tạo nên những ảnh hưởng tiêu cực, phản tác dụng cả. Do vậy, cần phải đảm bảo có được sự cam kết quyết tâm cao từ chính quyền Trung ương trước khi thực hiện bất kỳ động tác nào, thậm chí kể từ giây phút đặt viên đá đầu tiên. Đã có nhiều những tấm gương quốc tế từ Đông sang Tây trong các công trình công nghiệp và hiện đại hóa đã bỏ lửng nửa chừng do nguyên nhân này hay nguyên nhân khác.

Chúng tôi hy vọng đây là thời điểm để có thể sơ bộ bàn luận về những cơ hội đầu tư và làm ăn với nước ngoài. Có một dạo chúng tôi nhìn nhận rằng, muốn đuổi kịp kinh tế với các nước láng

giềng đã phát triển, Việt Nam cần phải dựa nhiều vào hỗ trợ và đầu tư quốc tế. Từ khi Nhà nước Việt Nam đã thực hiện chính sách đổi mới, hàng tỉ đô la đã được đầu tư hoặc đã dành riêng cho đầu tư trực tiếp ở các khu vực khác nhau từ các thành phần doanh nghiệp, thương mại, công nghiệp nước ngoài. Người ta đã và đang ví Việt Nam như "Con hổ" châu Á đầy tiềm năng về kinh tế khi đất nước này hội nhập vào nền kinh tế thị trường. Hẳn phải có nhiều lí do giải thích cho sự lạc quan quốc tế chủ yếu bắt nguồn từ lợi thế cạnh tranh, vị trí địa lí trung tâm, thị trường tiêu thụ khổng lồ, lực lượng lao động rẻ và dễ đào tạo. Điều này không có nghĩa là không hề tồn tại những vấn đề gây vướng mắc cho sự lớn mạnh kinh tế của Việt Nam, mà nhiều trong các vấn đề này thường nảy sinh trong nội tại đất nước.

Tuy vậy, không phải tất cả những khó khăn này đều nảy sinh từ bên trong đất nước. Nhân tố bên ngoài cũng góp phần tạo cho vấn đề đầu tư tại Việt Nam. Bằng chứng cho thấy những dự án trọng điểm đã không thành công do thiếu cảm thông trong công việc và thực tiễn không phù

hợp với đạo lý. Với thành phần doanh nghiệp quốc tế mong muốn thu lợi nhanh và rút nhanh, thì Việt Nam không phải là mảnh đất hoạt động thích hợp.

Việt Nam cần sự cam kết lâu dài với các đối tác doanh nghiệp nước ngoài để xây dựng lại đất nước và tồn tại trong thế cạnh tranh với thị trường quốc tế. Vì thế, các nhà đầu tư thế giới cần phải phát triển một triết lý hợp lẽ và nhân bản khi làm ăn với đất nước đã bị tàn phá bởi chiến tranh. Vấn đề chúng tôi muốn đề xuất là việc tiến đầu tư và tái đầu tư nguồn vốn và tài của để giúp đỡ Việt Nam trong giai đoạn phục hồi ban đầu, góp phần phát triển giáo dục và chăm sóc y tế, đem lại những hỗ trợ dưới hình thức khoản vay tư nhân hay tín dụng khi cần thiết. Chẳng hạn, các công ty ô-tô muốn xây dựng nhà máy chế tạo xe hơi ở đất nước này nên hợp tác trong việc nghiên cứu và phát triển hệ thống hậu cần ở cả nông thôn và thành thị cũng như việc đào tạo các nhà khoa học lẫn các kỹ sư trong những ngành giao thông vận tải then chốt. Điều này cũng sẽ áp dụng cho các thành phần công nghiệp khác như dầu khí, điện tử, truyền thông, chăm sóc y tế.

và các ngành công nghiệp cao cấp và tập trung nguồn vốn cao khác.

Đề nghị của chúng tôi không phải là trước đây chưa ai đề cập đến, vì chúng tôi rút ra kinh nghiệm này từ sự liên hệ đến tổ chức phi lợi nhuận của chúng tôi, đó là Tổ chức Mỹ - Việt Nam. Trong suốt vài năm qua, tổ chức này đã quan hệ chặt chẽ với Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, PetroVietNam, một công ty kỹ thuật cao của Mỹ trong lĩnh vực lọc dầu nhằm thiết lập một Viện Nghiên cứu và Đào tạo ở Hà Nội cho ngành kỹ thuật lọc dầu và hóa dầu. UOP - tên gọi của tổ chức này không còn xa lạ với cộng đồng quốc tế về dầu khí và chúng tôi rất tự hào khi được gắn liền với UOP và những hỗ trợ của nó nhằm phát triển cơ hội học vấn dành cho người Việt Nam trong lĩnh vực dầu khí này. Một số nhà khoa học và kỹ sư Việt Nam đã được UOP cấp học bổng để học tập ở nhiều nơi tại Mỹ với những thời hạn khác nhau, và nhiều nhà khoa học, kỹ thuật, và quản lý cấp cao của UOP cũng đã đóng góp nhiều thời gian lẫn kinh phí ở Việt Nam ở những hội thảo khoa học kỹ thuật và các mục đích nghiên cứu hợp tác khác.

Quả nhiên niềm hi vọng của UOP là cuối cùng có thể tổ chức được việc chuyển giao kỹ thuật với Việt Nam, nhưng tất cả những dự án tiếp sức này đã khởi sự được một thời gian, và thậm chí tính đến thời điểm này, UOP vẫn không tiếp nhận bất kỳ những cam kết hay đàm phán doanh nghiệp nào từ phía Việt Nam.

Chúng tôi tin rằng các nhà đầu tư nước ngoài kiên trì với Việt Nam và những người có chương trình lâu dài sẽ thu đạt những phần thưởng xứng đáng vào những mùa gặt. Không còn con đường nào khác, Việt Nam sẽ tạo nên sự tiến bộ thực sự trên con đường công nghiệp hóa và hiện hóa đất nước cũng như sự tăng trưởng kinh tế vào cuối thế kỷ này.

Chúng tôi đã điếm qua một số thách thức và cơ hội kinh tế xã hội quan trọng của dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất trên vùng đất nông nghiệp miền Trung Việt Nam. Quả nhiên, mục tiêu to lớn của việc làm này là xóa bỏ nghèo nàn trên quê hương miền Trung. Nếu như nghèo đói được quan niệm như là một hình thức nô lệ hay gông cùm của loài người, thì chẳng thể một đất nước nào lại chấp

nhận nó, và Việt Nam. một đất nước tự hào về "bốn nghìn năm văn hiến" sẽ không thể là ngoại lệ. Trong suy nghĩ tương tự, nếu phần vinh được xem là một hình thức của tự do (từ mong ước), thì bất kỳ một nỗ lực và chủ trương hiện thực nào của dân tộc nhằm hàn gắn khoảng cách về kinh tế giữa người giàu và người nghèo cũng được nhìn nhận là đúng đắn. Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, khi người ta xem đất đai là nguồn kinh tế chủ yếu, thì vị anh hùng dân tộc vua Lê Thái Tổ, sau khi đánh đuổi quân xâm lược, đã tuyên bố nguyên tắc "Quân Điền" nhằm giảm đi sự khác biệt về sở hữu ruộng đất của dân tộc.

Xét trong viễn cảnh dựng xây đất nước hiện đại, mỗi khi được phát triển hoàn toàn, Dung Quất sẽ trở thành một trung tâm kinh tế, khoa học và kỹ thuật lớn của Việt Nam, một điểm giao lưu quan trọng của nhiều thành phần công nghiệp và doanh nghiệp quốc tế, không những cho khu vực Đông Nam Á, châu Á mà còn cho cả toàn thế giới nữa. Cuối cùng, Dung Quất sẽ hoạt động với tư cách là cơ sở và nền tảng cho việc khuếch trương ngành công nghiệp dầu khí và sẽ mở ra nhiều

triển vọng cho các thành phần dịch vụ và công nghiệp vệ tinh cho miền Trung và cả Việt Nam. Như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, chúng tôi xin cầu chúc Dự án Dung Quất *"thành công, thành công, đại thành công"*.

GSTS. LÊ VĂN

(Bài tham luận trong Hội thảo Quốc tế
về Dung Quất, tổ chức tại Đà Nẵng
từ 31.3 - 2.4. 1997)

TƯƠNG LAI DẦU KHÍ VIỆT NAM

Đã từ lâu dầu mỏ và khí thiên nhiên đóng vai trò hết sức quan trọng trong cuộc sống của loài người. Có thể nói, nền kinh tế thế giới thế kỷ XX đã phát triển cùng với sự đóng góp ngày càng to lớn của dầu mỏ và từ giữa thế kỷ, thêm cả khí thiên nhiên. Theo thống kê, năm 1997 tổng cộng tất cả các dạng năng lượng mà thế giới đã sử dụng, nếu quy ra dầu, tương đương với 8,07 tỷ tấn dầu, trong đó dầu mỏ chiếm 39,6%, khí thiên nhiên chiếm 22,4%, than đá chiếm 27,3%, điện nguyên tử chiếm 7,5%, thủy điện chiếm 2,7%, còn các dạng năng lượng khác chiếm tỷ lệ không đáng kể.

Vậy dầu và khí sẽ đóng vai trò như thế nào trong thế kỷ XXI? Trữ lượng xác minh của thế giới (vào thời điểm 1997) là 145 tỷ tấn dầu và 155 nghìn tỷ mét khối khí (tương đương 155 tỷ tấn

dầu) xấp xỉ 45 lần lượng dầu và 65 lần lượng khí được sử dụng trong năm 1997. Tuy nhiên, điều chắc chắn là trữ lượng dầu và khí vẫn còn tiếp tục được phát hiện trong những năm sắp tới.

Ngành dầu khí Việt Nam còn rất non trẻ, Năm 1986, nước ta bắt đầu khai thác dầu thô từ mỏ Bạch Hổ với sản lượng rất khiêm tốn là 40 nghìn tấn. Từ đó đến nay sản lượng hàng năm liên tục tăng và năm 1998 đạt trên 12,6 triệu tấn cùng với khoảng một tỷ mét khối khí đồng hành (tương đương một triệu tấn dầu) được đưa vào bờ phục vụ cho phát điện. Với việc ký kết và triển khai trên 30 hợp đồng với các công ty dầu khí quốc tế trong những năm qua, chúng ta đã tìm ra được một loạt các mỏ dầu và mỏ khí; một phần trong đó đã được đưa vào khai thác. Sau các mỏ Bạch Hổ và Rồng thuộc khu vực hoạt động của Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Vietsovpetro (ký kết 1981), đến nay đã có thêm 4 mỏ dầu đi vào hoạt động, đó là các mỏ: Đại Hùng ở lô 05-1a (1994). Bun-ga Kéc-oa thuộc vùng chồng lấn giữa Việt Nam và Malaixia (1997), mỏ Rạng Đông ở lô 15-2 (8-1998) và mỏ Hồng Ngọc ở lô 01 và 02 (10-1998). Sản lượng khai thác

ở các mỏ mới này còn ở mức khiêm tốn nhưng sẽ tiếp tục tăng trong những năm tiếp theo. Bên cạnh đó một số mỏ khí ở vùng biển Đông Nam (Nam Côn Sơn) đang được chuẩn bị đưa vào khai thác mà trước hết là các mỏ Lan Đỏ - Lan Tây và lô 06-1 với trữ lượng xác minh gần 60 tỷ mét khối, nghĩa là có khả năng cung cấp mỗi năm từ 2 đến 3 tỷ mét khối khí. Trữ lượng khí ở vùng Nam Côn Sơn có thể cho phép khai thác vào những năm sau 2000 mỗi năm sáu, bảy tỷ mét khối, chính vì vậy dự án xây dựng đường ống dẫn khí từ khu vực này vào bờ cũng đang được gấp rút triển khai để cung cấp khí cho các nhà máy điện ở khu vực Phú Mỹ cũng như các hộ tiêu thụ khác trong khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh và các vùng phụ cận.

Ở vùng biển Tây - Nam (khu vực chồng lấn với Malaixia và vùng tiếp giáp, vùng tiếp giáp với vùng biển Thái-Lan ngoài mỏ Bun-ga Kéc-oa, đã phát hiện một số mỏ chứa dầu và khí, hứa hẹn là những vùng sản xuất dầu và khí đáng kể trong tương lai. Những số liệu ban đầu đã cho phép khẳng định ở các vùng này hằng năm, ngoài dầu

thô, có thể khai thác và đưa vào bờ sử dụng hàng tỷ mét khối khí.

Như vậy, ngoài các mỏ dầu đã và sẽ đi vào khai thác với sản lượng ngày càng tăng, chúng ta đã phát hiện nhiều mỏ khí ở cả hai vùng biển Đông - Nam và Tây - Nam đất nước, hứa hẹn một nền công nghiệp khí đầy triển vọng. Hiện nay PetroVietNam đang hoàn thành việc xây dựng Nhà máy xử lý khí đồng hành Bạch Hổ để sản xuất khí hóa lỏng và phân ngưng tụ tại Dinh Cố (Bà Rịa - Vũng Tàu) công suất 250-300 nghìn tấn/năm. Công trình đã hoàn thành một phần: hiện nay hằng ngày đã sản xuất được hàng trăm tấn, phân ngưng tụ cung cấp cho các mục tiêu sử dụng trong nước. Đến khoảng giữa năm 1999, toàn bộ các phân xưởng của nhà máy, kể cả kho, cảng sẽ được xây dựng xong và lúc đó Việt Nam sẽ có nhà máy đầu tiên sản xuất khí hóa lỏng mà lâu nay phải nhập khẩu hoàn toàn. Việc đưa nhà máy khí hóa lỏng vào hoạt động sẽ mở ra một thời kỳ mới cho việc cung cấp nhiên liệu, bởi vì trong tất cả các nhiên liệu hữu cơ thì khí đốt là nhiên liệu ít gây ô nhiễm môi trường nhất. Riêng đối với các khí

được khai thác từ các mỏ của Việt Nam cho đến nay chưa có nơi nào mà khí chứa hàm lượng lưu huỳnh và ni-tơ cao như ở nhiều nơi trên thế giới. Đó cũng là một lợi thế rất lớn của các khí được sản xuất tại Việt Nam.

Công nghiệp chế biến khí sẽ còn được mở rộng trong những năm sau 2000 bởi vì, như đã nói ở trên, hằng năm lượng khí thiên nhiên được khai thác và đưa vào bờ sử dụng là rất lớn mà từ khí đó cũng sẽ tách ra được một lượng đáng kể các sản phẩm hóa lỏng. Ngoài ra một phần khí khô cũng như khí hóa lỏng còn được chuyển hóa và chế biến để nhận được các hóa chất làm cơ sở cho ngành công nghiệp hóa dầu. Chúng ta có thể hy vọng lĩnh vực này sẽ được phát triển vào nửa cuối của thập kỷ thứ nhất thế kỷ sau, cũng có nghĩa là công nghiệp hóa dầu đi từ khí thiên nhiên và khí đồng hành sẽ được phát triển mạnh vào lúc đó.

Nhìn chung, tiềm năng dầu và khí của Việt Nam mới được khảo sát một phần. Không kể Xí nghiệp liên doanh Dầu khí với Liên Xô (trước đây) này là Liên bang Nga Vietsovpetro, đầu tư nước ngoài vào công tác tìm kiếm thăm dò dầu khí ở

Việt Nam cho đến nay đạt khoảng 2,6 tỷ USD. Đó là con số không nhỏ, mặc dù so với diện tích rộng lớn và tiềm năng địa chất được đánh giá thì đó là một khoản kinh phí còn rất nhỏ để có thể có một đánh giá gần đúng trữ lượng dầu khí thực tế. Cũng cần lưu ý rằng, tỷ lệ các giếng khoan thành công (tức có gặp dầu hoặc khí) ở Việt Nam chúng ta đạt trên 20% là một con số rất đáng lạc quan.

Với việc triển khai tích cực các hoạt động tìm kiếm thăm dò, PetroVietnam đang chuẩn bị cơ sở cho việc tăng sản lượng dầu khí vượt quá con số 20 triệu tấn dầu và khí quy đổi đặt ra cho năm 2000. Mức độ và tốc độ tăng trưởng của việc khai thác dầu khí sau năm 2000 phụ thuộc rất nhiều vào kết quả của công tác tìm kiếm thăm dò đang và sẽ được khẩn trương tiến hành.

Năm 1998 cũng đánh dấu những mốc quan trọng cho công trình Nhà máy lọc dầu Dung Quất có công suất 6,5 triệu tấn/năm và vốn đầu tư 1,3 tỷ USD. Tại hiện trường, việc giải phóng mặt bằng, đền bù, di dân.v.v. đã hoàn thành. Một số công trình phụ trợ, trước hết là đường vào khu công nghiệp Dung Quất, đang được xây dựng tích cực.

Năm 1999 sẽ là năm dồn dập công việc khảo sát thiết kế và đấu thầu quốc tế bảo đảm tiến độ hoàn thành nhà máy sau ba năm kể từ khi ký hợp đồng các gói thầu.

Để phục vụ cho các hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, tàng trữ, chế biến và phân phối sản phẩm dầu khí, PetroVietNam đã tổ chức một hệ thống cung cấp các dịch vụ hết sức đa dạng bao gồm: kho tàng, vận tải, thiết kế, xây dựng, sửa chữa, gia công, cung cấp hóa phẩm, dịch vụ sinh hoạt, khảo sát và đánh giá tác động môi trường, xử lý số liệu, các dịch vụ khoa học kỹ thuật, v.v. Hằng năm, doanh thu từ các khu vực dịch vụ tăng lên với tỷ lệ 15-20%; năm 1998 ước đạt 150 triệu đô-la. Đã có một số hoạt động cung cấp dịch vụ cho các nhà thầu dầu khí ngoài phạm vi Việt Nam và được đánh giá tốt.

Kết thúc năm 1998 đầy khó khăn, PetroVietNam đã đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao, đặc biệt là đưa sản lượng khai thác dầu thô lên trên 12,6 triệu tấn (so với 10,4 triệu tấn năm 1997) một cách an toàn và vững chắc. Năm 1999 sẽ còn rất khó khăn nhưng

PetroVietNam quyết tâm đưa lượng dầu lên 14,5 triệu tấn và sản lượng khí lên 1.450 tỷ mét khối. Mục tiêu năm 2000 đạt sản lượng dầu và khí quy đổi 20 triệu tấn/năm. Với việc ra đời Liên doanh lọc dầu Việt-Nga, lịch trình xây dựng Nhà máy lọc dầu đầu tiên ở Việt Nam có thể coi là đã được ấn định một cách chắc chắn.

Thế kỷ 21 đang chờ đón ngành dầu khí Việt Nam với những công trình và thành tựu mới xứng đáng với vai trò và vị trí của nó trong nền kinh tế quốc dân.

HỒ SĨ THOẢNG

CHIA NHAU CỬ KHOAI ĐỂ LÀM ĐẠI NGHIỆP

(Bút ký)

Một buổi chiều cuối tháng Mười năm 1994, chúng tôi đi thăm khu di tích Sơn Mỹ. Khi trở về, xe đi dọc bờ sông Trà Khúc, ai nấy đều yên lặng. Dường như mọi người đều không muốn nói ra thành lời những xúc động quặn thắt trái tim khi vừa được tận mắt nhìn thấy những chứng tích tội ác của giặc Mỹ trong những năm xa xưa ấy. Từng bờ khe nhỏ, từng nắm mồ rả rác, nơi hàng trăm đồng bào ta bị giết hại bằng lưỡi lê, bằng súng đạn, bằng lửa thiêu... cứ hiện lên, hiện lên.

Buổi hoàng hôn cuối mùa thu tỏa xuống đôi bờ sông Trà, xe chúng tôi men dưới núi Thiên Ấn, và cầu Trà Khúc đã hiện ra kia. Lòng tôi lại nôn nao nhớ về một kỷ niệm. Cũng vào một buổi chiều tà

thế này, khi đi tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, tốp phóng viên chiến trường chúng tôi đến bờ sông này. Lúc ấy chúng tôi xúc động xiết bao khi trong bóng hoàng hôn đang phủ xuống bờ sông, nổi lên những guồng xe nước đang từ từ quay. Hình ảnh những guồng xe nước sống trong ký ức bao người, biểu trưng cho một nếp sống thanh bình êm ả, lại cũng biểu trưng cho một nếp sống thôn dã xa xưa. Cũng như ngày ấy, lúc này đây, trong tâm trí tôi lại ngân lên câu hát thân quen của nhạc sĩ Trương Quang Lục viết về miền Quảng Ngãi mến thương:

*Núi Ấn sông Trà mai này sẽ về ta
Sông núi anh hùng sáng ngời trong lòng ta!*

Bây giờ thì, núi Ấn sông Trà đã thực sự về ta. Và cái hào khí anh hùng của núi, của sông, của con người Quảng Ngãi càng ngời sáng thêm khi chúng tôi vừa được tham dự cuộc hội thảo về truyền thống của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ 50 năm về trước. Còn đêm nay, đêm cuối cùng của tháng Mười, chúng tôi đến hội trường Tỉnh ủy Quảng Ngãi để dự một cuộc họp quan trọng. Đó là buổi

báo cáo kết quả xét duyệt của Thủ tướng Chính phủ về đề án khu cảng nước sâu - khu công nghiệp phức hợp Dung Quất. Hội trường Tỉnh ủy Quảng Ngãi tối hôm đó có một không khí nào nức khác thường. Ai nấy đều chờ đón được nghe thật chi tiết về ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, về những nét cụ thể của cái đề án tràn đầy niềm hy vọng cho tỉnh nhà. Một cuộc đổi đời bắt đầu từ đây! Ấy là ý nghĩ chung của mọi người... Người thuyết trình tối hôm ấy là anh Phạm Hữu Tôn, Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Anh vừa từ Hà Nội bay vào Đà Nẵng rồi đi ô tô về tới Quảng Ngãi trưa nay. Cuộc họp về Dung Quất do Thủ tướng chủ trì diễn ra ngày 30.10 thì tối nay 31.10 anh đã có mặt ở quê nhà để thông báo với cán bộ và đồng bào niềm vui còn sót dẻo đối với quê hương. Bằng giọng nói sôi nổi và lời cuốn, anh Tôn phác họa cho mọi người tối hôm ấy biết là Dung Quất đã chính thức được Thủ tướng chọn làm khu cảng nước sâu và địa điểm xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 của đất nước. Anh Tôn kể lại mấy sự kiện chính: Tháng 6.1994, tỉnh Quảng Ngãi đã trình dự án Dung Quất cho Chính phủ. Ngày 19.9, Thủ tướng

Võ Văn Kiệt (hiện nay là cố vấn Ban chấp hành Trung ương Đảng) vào kiểm tra, đi thị sát vùng biển bằng tàu. Ngày 21.9, Thủ tướng chủ trì cuộc họp tại Hà Nội nghe lại dự án. Thủ tướng quyết định xây dựng tại miền Trung từ Huế vào Quảng Ngãi một liên hợp cảng biển. Phó Thủ tướng Phan Văn Khải (hiện này là Thủ tướng) tiếp tục đi vào Dung Quất và các vùng cảng biển miền Trung để kiểm tra và Bộ trưởng Bộ Xây dựng vào tận nơi chỉ đạo làm dự án. Sau 7 ngày, Đoàn quy hoạch đưa ra 3 phương án. Ngày 28.10, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ngô Xuân Lộc ký quyết định trình lên Chính phủ 3 phương án nói trên. Chiều ngày 30.10. Chính phủ họp dưới sự chủ trì của Thủ tướng và chính thức kết luận: phê duyệt phương án 1 là phương án tập trung. Đây là phương án sẽ xây dựng ở vùng vịnh Dung Quất vừa là cảng biển nước sâu, vừa là khu công nghiệp lọc dầu - hóa dầu - và phát triển thêm các ngành công nghiệp khác như luyện cán thép - khu công nghiệp nhẹ - công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm v.v...

Mọi người náo nức hình dung về tương lai, theo từng lời thông báo của anh Tôn. "Những công

trình sẽ được xây dựng như: cảng biển nước sâu, khu trung chuyển container với công suất 3 triệu container/năm; sẽ có nhà máy đóng tàu, sửa chữa tàu - khu công nghiệp lọc dầu, hóa dầu sẽ ở xã Bình Trị, Bình Thuận, sân bay Chu Lai sẽ được xây dựng thành sân bay quốc tế; sẽ xây dựng thành phố mới Vạn Tường ở xã Bình Hải bắt đầu với 20 đến 30 vạn dân - thị trấn Châu Ổ sẽ trở thành một nhà ga xe lửa lớn nhất miền Trung v.v... và v.v..."

Với niềm náo nức ở một tương lai đầy hứa hẹn của Quảng Ngãi, chúng tôi nhiều lần tìm gặp các anh lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi để tìm hiểu rõ thêm về "cội nguồn" của dự án hấp dẫn này. Mãi tới mùa hè năm 1995, chúng tôi mới bất ngờ gặp được tác giả ban đầu của đề án. Đó là anh Trương Đình Hiến, Phó Tiến sĩ, làm việc ở Phòng Thủy hải văn công trình thuộc Phân viện vật lý tại thành phố Hồ Chí Minh.

Mùa hè ở miền Trung, nắng gay gắt. Làm việc xong với Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Võ Đức Huy, chúng tôi đề nghị cho làm việc với bộ phận nghiên cứu về Dung Quất. Anh Huy cười cười và

nói: "Ngay cạnh đây thôi. Bên cạnh phòng tôi đó!". Khi chúng tôi bước vào, hai người đàn ông đang bận rộn, người thì đứng bên chiếc bàn đầy ngập giấy tờ, biểu đồ, người thì đứng bên chiếc máy vi tính đang in một tài liệu gì đó. Nghe chúng tôi giới thiệu, người đàn ông tóc hoa râm đứng bên bàn giấy niềm nở mời chúng tôi ngồi và giản dị đi ngay vào câu chuyện. Đó là Phó tiến sĩ Trương Đình Hiền và người cộng sự là kỹ sư Bùi Quốc Nghĩa. "Các anh các chị hẳn đã biết về ý nghĩa ra đời của công trình Dung Quất" - Anh Trương Đình Hiền bắt đầu câu chuyện, và đứng lên chỉ vào tấm bản đồ lớn treo trên tường - Công trình Dung Quất ra đời là sự đòi hỏi tất yếu của xu thế hội nhập vào tiến trình khu vực hóa và quốc tế hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Để có khả năng hòa nhập, giao lưu và phát triển tốt đẹp, một trong những huyết mạch có tiềm năng lớn và mang ý nghĩa quyết định đó là đường hàng hải và hệ thống cảng của nó; mà đặc biệt là các cảng biển nước sâu có khả năng đón nhận các tàu có trọng tải lớn, với sức chứa khổng lồ của các kho bãi dịch vụ, công suất bốc dỡ lớn, đảm bảo cho nhiệm vụ

trung chuyển quốc tế và khu vực, bảo đảm cho việc xuất nhập các sản phẩm, nguyên liệu của hệ thống các khu công nghiệp, cũng như các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp của các vùng rộng lớn trong nước và khu vực. Thời gian qua và hiện nay, các nước phát triển và nhiều nước đang phát triển như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Hà Lan, Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan v.v... đều chú ý phát huy hết các khả năng của hệ thống cảng biển và kinh tế vùng duyên hải. Các nước mới phát triển ở châu Á, đều đặc biệt chú trọng việc bố trí có tính chiến lược các khu vực đại công nghiệp gắn liền với sự phát triển kinh tế vùng duyên hải và sự yểm trợ hùng hậu của hệ thống cảng biển ở mỗi nước. Trong xu thế như vậy, Việt Nam ta cũng có đủ các điều kiện để phát triển hệ thống cảng biển nhằm tạo ra thế chiến lược cho phát triển kinh tế - xã hội của nước nhà. Riêng địa bàn miền Trung, hệ thống các cảng biển rải đều khắp các tỉnh, là một lợi thế cơ bản cần được chú ý trong thế chiến lược phát triển chung. Đây là cửa ngõ thuận lợi nối với thế giới và khu vực qua đường biển của các vùng Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc

Campuchia. Đông Bắc Thái Lan và Myanma. Lợi thế này nếu được chú ý đầu tư và khai thác đúng sẽ tạo ra một bước phát triển đột phá, tác động lan tỏa đến các ngành kinh tế trong vùng đặc biệt là thông qua sự phát triển mạnh các ngành dịch vụ chế xuất và trung chuyển hàng hóa cho các vùng sâu trong nội địa và các nước láng giềng". Anh Trương Đình Hiền dừng lại, chỉ lên bản đồ lớn phía tường đối diện. Những con đường lớn như đường 9, đường 19, đường 24, đường 14b... lúc bấy giờ hiện lên trên bản đồ, và đều chạy về vùng biển, tôi có cảm tưởng như lúc ở Huế, đứng trên vùng lũng Khải Định, trên đồi Vọng Cảnh nhìn thấy những dải núi đổ về vùng lũng tầm như thế rồng chầu.

"Là những nhà khoa học có nhiệm vụ nghiên cứu đề xuất việc phát triển các tiềm năng của đất nước, sau khi phân tích và đánh giá như trên, tháng 2 năm 1992, chúng tôi đã phác thảo một kế hoạch định hướng cho việc tập trung nghiên cứu, tìm kiếm các cảng biển nước sâu và đặc biệt chú ý đến khu vực miền Trung. Sau gần một năm nghiên cứu vị trí địa lý và tính toán các điều kiện

động lực học dọc bờ biển khu V cũ, chúng tôi đã phát hiện vịnh Dung Quất thuộc Đông Bắc tỉnh Quảng Ngãi có đầy đủ các điều kiện để xây dựng một cảng biển nước sâu và khu công nghiệp cỡ lớn, vì đây là một vịnh sâu, kín gió, có mặt bằng rộng lớn, có nguồn nước dồi dào, tiếp giáp với các trục đường giao thông quan trọng, án ngữ vị trí chiến lược của miền Trung, của đất nước và khu vực. Tháng 9 năm 1992, Đoàn cán bộ khoa học của Phân viện vật lý chúng tôi từ thành phố Hồ Chí Minh ra, đã làm việc với Sở Khoa học, công nghệ và môi trường tỉnh Quảng Ngãi. Chúng tôi đã thông báo về công trình Dung Quất và thông tin này đã được chuyển tới Tỉnh ủy, ủy ban nhân dân tỉnh. Để đảm bảo tính khoa học và chính xác, chúng tôi đề nghị tỉnh Quảng Ngãi cho phép đi khảo sát kỹ hiện trường, mà danh từ chuyên môn gọi là "tiến nhập hiện trường". Đề nghị này được đồng chí Phạm Hữu Tôn, ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân Tỉnh chấp nhận. Sáng 11.9.1992, tôi cùng kỹ sư Bùi Quốc Nghĩa lên đường đi về Dung Quất, với sự giúp đỡ của anh Võ Tuấn Nhân, cử nhân sử học, làm việc ở Ban khoa học kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi..."

Sau lần gặp đầu tiên ở thị xã Quảng Ngãi, tôi còn gặp anh Hiến, anh Nghĩa 3 lần nữa, và lần nào các anh cũng đều say mê thông báo thêm những điều mới trong tiến trình phát triển hệ thống cảng biển ở miền Trung. Lần gặp ở Quảng Ngãi anh Hiến có nói qua với tôi về việc bắt đầu nghiên cứu cảng biển nước sâu Chân Mây ở Thừa Thiên - Huế. Sau nửa năm gặp lại ở thành phố Hồ Chí Minh, tại phòng làm việc ở phố Trần Đình Xu (Quận 1), các anh vui mừng đưa tôi xem cả một tập tài liệu dày về đề án Chân Mây. Trong chuyến công tác tại Thừa Thiên - Huế của Phó Thủ tướng Phan Văn Khải (hiện nay là Thủ tướng) Phó Thủ tướng đã nghe chính anh Hiến, anh Nghĩa trực tiếp thuyết trình chi tiết về đề án Chân Mây. Khi gặp nhau ở văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) trong cuộc họp do Thủ tướng Võ Văn Kiệt chủ trì, chúng tôi đã bắt tay chúc mừng anh Hiến, anh Nghĩa sau lời kết luận chính thức của Thủ tướng khẳng định Dung Quất là địa điểm xây dựng nhà máy lọc dầu số 1. Còn gì sung sướng hơn cho những người làm công tác khoa học khi công trình nghiên cứu của mình được

chấp nhận! Không biết bao nhiêu gian nan trở ngại phải vượt qua để cho công trình khoa học được ra đời, được đệ trình lên những cấp có thẩm quyền và được xét duyệt. Trong lần gặp nhau ở thành phố Hồ Chí Minh và ở thị xã Quảng Ngãi, các anh đã kể lại một trong những trở lực lớn của đề án Dung Quất là cuộc đấu tranh gay gắt giữa những nhà nghiên cứu Việt Nam với một tập đoàn lớn của nước ngoài về địa điểm xây dựng nhà máy lọc dầu. Đây là một cuộc đấu trí lớn, nếu không có bản lĩnh và không đủ trình độ, không đủ luận cứ khoa học thì ta không thể bảo vệ được địa điểm Dung Quất như hiện nay. Tiếc rằng, lúc này chưa phải là lúc nói đến cuộc đấu trí đó.

"Và, trên bước đường làm Dung Quất - Chân Mây còn biết bao khó khăn khác nữa..."

Anh Trương Đình Hiền bỗng trầm ngâm, khác với vẻ sôi nổi hàng ngày. Đó là trong lần gặp thứ năm giữa tôi và các anh ở Huế vào một ngày cuối đông năm Bính Tý. Giữa tiết Tiểu hàn và Đại Hàn là một khoảng thời gian nắng đẹp. Hôm đồng chí Trần Đức Lương đi thăm, khảo sát vịnh Chân Mây và làm việc với tỉnh Thừa Thiên - Huế, trời và

biển đẹp lạ lùng. Nắng cuối mùa đông rải vàng ấm áp cả vùng vịnh biển và suốt dọc đường từ đèo Hải Vân về núi Ngự - sông Hương. Trong buổi trưa lộng lẫy ven bờ sông Hương, chúng tôi ngồi trò chuyện ở nhà khách số 5 Lê Lợi. Vườn cây nhiều hoa đang trổ bông, thoảng đưa hương quyến vào làn không khí đã có khí vị của mùa xuân mới đang về.

"Anh có biết vì sao tôi ra Chân Mây, tha thiết với công trình Chân Mây không? Tôi đến Chân Mây dĩ nhiên là với tư cách một nhà khoa học được mời nghiên cứu. Nhưng xin tâm sự với anh một lý do riêng. Nơi đây, vùng đất Thừa Thiên - Huế này, chính là nơi ông bà thân sinh của tôi đã sống và học hành trong thời niên thiếu, cách nay đã bảy mươi năm. Ba tôi học ở Quốc học, còn mẹ tôi học trường Đồng Khánh, nay là trường Hai Bà Trưng. Tôi nghĩ rằng: nơi này đã để lại cho mình lắm công ơn mà mình phải ghi nhớ, mình phải trả ơn. Mảnh đất này, những bậc tiền nhân đã nuôi dạy cha mẹ mình từ thời niên thiếu. Và cha mẹ mình đã chịu ơn từ mảnh đất này, rồi mới sinh thành và dạy dỗ mình từ thời ấu thơ..."

Nghe anh Hiến tâm sự như vậy, tôi hiểu rằng cõi lòng anh đang trở về với những kỷ niệm xa xưa trên mảnh đất nghèo miền Trung này. Tôi trân trọng những giây phút như vậy ở mỗi con người. Vâng! Cha mẹ anh, anh chị em của anh, cả gia đình anh, cũng như bao nhiêu gia đình ở miền Trung này, trong cái thuở xa xưa "cả đất nước đói nghèo trong rơm rạ" ấy, đều phải bươn chải, phải vật lộn để kiếm sống, để mưu sinh. Bây giờ, cả đất nước đã có bao biến đổi. Nhưng nạn đói nghèo vẫn chưa phải đã hết. Ở miền Trung tỉ lệ nghèo đói lại chiếm nhiều hơn, và vì thế nguy cơ tụt hậu của miền Trung về kinh tế - xã hội so với cả nước là một điều bất khoản, nhức nhối với một ai có tấm lòng. Phải làm gì đây để miền Trung đi lên? Đó không chỉ là sự day dứt của những đồng bào, cán bộ miền Trung nói riêng, mà chính là điều quan tâm của Đảng, của Nhà nước, của đồng bào cả nước. Muốn miền Trung vươn lên, không thể giữ mãi cách nhìn cũ, cách đánh giá một chiều luôn cho rằng miền Trung là nơi thiên nhiên khắc nghiệt và do đó cảnh lạc hậu đói nghèo là điều tất nhiên! Không! Không thể nhìn nhận miền Trung

như vậy được. Rất may là chính những nhà lãnh đạo đất nước đã tâm đắc với những ưu thế của miền Trung, trăn trở để tìm cho miền Trung một hướng đi phù hợp. Một may mắn là trong nhiều lần Thủ tướng Võ Văn Kiệt (hiện nay là cố vấn Ban chấp hành Trung ương Đảng) làm việc với các tỉnh miền Trung tôi đều được dự. Và tôi nhớ mãi kỷ niệm sâu sắc khi Thủ tướng phân tích về vùng trọng điểm kinh tế miền Trung, giải thích rõ vì sao Chính phủ quyết định chọn địa điểm nhà máy lọc dầu số 1 ở Dung Quất. Đó là chiều ngày 2.8.1995 ở Hội trường ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ), khi làm việc với lãnh đạo các tỉnh duyên hải miền Trung. Với giọng nói chắc khỏe nhưng điềm đạm, trầm tĩnh, Thủ tướng phân tích: "Từ lâu, Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã bàn về khu trọng điểm kinh tế miền Trung. Khi xác định vùng kinh tế từ Huế đến Nhà Trang trọng điểm chỉ có Quảng Nam - Đà Nẵng thì thấy chưa ổn.

- Thế hệ chúng ta thì được, nhưng thế hệ trẻ ngồi đây và nhiều thế hệ tiếp theo thì không được. Đại hội VIII xác định vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có ranh giới từ Huế đến Nha Trang. Xác

định như thế, nhưng cũng chưa rõ nét lắm. Đến khi tìm ra Dung Quất, thì tôi thấy như may mắn trời cho. Nếu ta xây dựng được cảng biển nước sâu, nhà máy lọc dầu và khu công nghiệp ở Dung Quất thì đẹp lắm, miền Trung có lợi thế lắm. Phía Bắc khu công nghiệp này là cố đô Huế thông với đường số 9, phía Nam vùng trọng điểm này là Nha Trang - Cam Ranh, phía Tây là Tây Nguyên trù phú. Vì sao tôi nói Dung Quất là một may mắn trời cho? Phải nhìn lại cả quá trình chúng ta đi tìm địa điểm nhà máy lọc dầu, mới hiểu được điều đó. Trước đây nhiều năm, chúng ta phác họa cần có 2, 3 khu lọc dầu. Sau đó thấy nên chỉ có 2: phía Nam một, phía Bắc một. Nhưng rồi Bộ Chính trị thấy cần phải tập trung lại. Thời còn Liên Xô, chúng ta đã có ý định cùng với họ chọn Thành Tuy Hạ làm địa điểm. Nhưng rồi chúng ta phát hiện ra là nhà máy lọc dầu cần đặt ở ven biển, nên đã đề nghị lấy Long Sơn (Vũng Tàu). Hãng TOTAL của Pháp bám vào Long Sơn và đã làm những đề án khá công phu. Thế nhưng ở đó không có cảng biển nước sâu. Long Sơn bị gạt bỏ. Lại có ý kiến nêu ra vùng Vân Phong (Khánh Hòa), TOTAL đã ra khảo sát.

Và tôi đã về xem xét Văn Phong. Đây là một vùng có thể xây dựng cảng biển nước sâu, nhưng đồng thời nó lại là một vùng lý tưởng cho du lịch sinh thái. Nếu xây dựng khu công nghiệp lọc hóa dầu ở đây thì chúng ta mất một vùng du lịch hấp dẫn. Lúc đó, đã có nhiều địa điểm được nêu ra để xem xét như Dung Quất - Hòn La - Nghi Sơn - Vũng Rô. Hòn La đã được dự kiến cho tương lai phục vụ cho khai thác mỏ sắt. Vũng Rô rất tốt, nhưng xung quanh toàn là đá, không thể xây dựng thêm gì nữa. Bấy giờ, Dung Quất được đưa ra bàn bạc. Nước ngoài thì tính cái gì lợi nhất theo quan điểm kinh tế riêng biệt thì họ làm. Chúng ta phải tính vừa lợi nhất, và có tính lâu dài về nhiều mặt. Chúng tôi so hết các nơi với Dung Quất, kể cả Liên Chiểu. Liên Chiểu cũng có cảng sâu, nhưng trong tương lai, Liên Chiểu cũng sẽ bị sức ép như Long Sơn - đó là sức ép của khu công nghiệp phía Nam. Dung Quất lợi thế hơn. Đây là một vùng có mặt bằng rộng, có thể giải tỏa để xây dựng khu công nghiệp qui mô lớn. Lợi thế này ít vùng có được như vùng này. Thí dụ như ở Hà Nội, muốn phát triển hoàn chỉnh, chúng ta phải xốt xa bỏ đi trên 6.000

ha lúa. Khi Chính phủ chấp nhận phương án mở rộng Hà Nội như vậy, chúng tôi đã chỉ thị cho Bộ Nông nghiệp phải khai hoang gấp rút 6.000 ha ở vùng Đồng Tháp Mười để bù lại. Trong khi đó, Dung Quất là một vùng đất cát khô cằn chỉ có khoai lang và hành mọc khốn khổ trên những vùng cát biển bồi lên. Về nguồn nước thì ở đây thật dồi dào, chẳng bù cho khu công nghiệp phía Nam như Vũng Tàu, cả nước cho tiêu dùng, nước cho công nghiệp đều rất gay gắt. Khi đã xây dựng cảng biển nước sâu - nhà máy lọc dầu - hình thành một khu công nghiệp liên hoàn ở Dung Quất, thì Vạn Tường sẽ được xây dựng thành một thành phố dịch vụ cho khu công nghiệp này. Xây dựng thành phố Vạn Tường, phải chú ý làm nổi bật sự hy sinh của đồng bào, đồng chí chúng ta ở địa điểm lừng danh này. Và cả vùng công nghiệp này sẽ nối dài ra phía Bắc, mà trực tiếp là Núi Thành - Kỳ Hà của Quảng Nam - một vùng rất đẹp. Kỳ Hà sẽ là một thành phố gắn liền với sân bay Chu Lai; đồng thời ở đây lại có cảng dịch vụ du lịch nhẹ nhàng. Hai thành phố Vạn Tường - Núi Thành ở hai bên sân bay Chu Lai và tạo nên khu công nghiệp rộng lớn

của Quảng Nam - Quảng Ngãi, có thể gọi là khu công nghiệp Lương Quảng - và hai thành phố sẽ là hai thành phố Cộng Sản - cái tên đó thật là đầy ý nghĩa!".

Nghe những lời thật sôi nổi và hào hứng của Thủ tướng, tôi lại nhớ đến cái đêm cuối tháng 10-1994 ở văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Bảy giờ một không khí náo nức tràn trề, khi mọi người nghe những thông tin về viễn cảnh quê hương. Và, ai đó thốt lên rằng: "Đúng là một ĐẠI NGHIỆP!". Sau này, khi tiếp chuyện tôi, chính anh Trương Đình Hiến cũng nhiều lần nói rằng: "Những đề án DUNG QUẤT, CHÂN MÂY và sự phát triển của miền Trung là một ĐẠI NGHIỆP- Muốn làm nên đại nghiệp đó, phải có một quá trình, phải có sức mạnh của toàn dân. Bước khởi đầu của ĐẠI NGHIỆP đó là biết bao gian nan, biết bao kỷ niệm sâu xa. Tôi xin kể anh nghe một vài kỷ niệm của nhóm nghiên cứu chúng tôi:

Trên con đường làm Dung Quất, nhiều sự việc làm chúng tôi cảm động. Những sự việc đó xuất hiện trong người dân. Kỷ niệm thứ nhất là khi chúng tôi đi xuống Vạn Tường, gặp một bà cụ.

Chúng tôi muốn tìm hỏi để gặp một chiến sĩ Vạn Tường, thì bà cụ chảy nước mắt. Bà cụ đang gánh hàng đi chợ. Tôi nhìn vào hai đầu gánh để xem cụ gánh cái gì, trông nghèo khổ thế này không biết là cụ có gì ăn không? Thì thấy mỗi đầu gánh có vài chục trái bắp xanh. Tôi hỏi cụ gánh đi đâu? Thì cụ nói gánh đi bán. Mà bán cái này thì đông được một ký gạo. Tôi nhìn con đường cát dài ngoằn ngoèo và hỏi đường đi khảo sát thì cụ vui vẻ chỉ đường và dẫn chúng tôi đi một quãng xa. Khi tôi hỏi về các chiến sĩ Vạn Tường, thì cụ nói: Cụ có một đứa con tham gia đánh ở Vạn Tường và đã chết rồi. Cụ ở xã Bình Hải, thôn Vạn Tường, cái chỗ mà chúng ta định xây dựng thành phố Vạn Tường nay mai. Kỷ niệm thứ hai là tôi gặp một ông Trung tá quân đội đã từng ở trong Bộ chỉ huy đánh Vạn Tường về hưu ở đúng thôn Vạn Tường đó. Ông bị thương ở bàn tay, mất hai ngón. Ông có một đứa con học lớp 8, vì khổ quá không đủ ăn nên phải nghỉ. Tôi hỏi: Bây giờ bác làm gì?". Ông ta chỉ cái thuyền thúng và nói: "còn một cái thúng - thúng con - thúng cha đó". Cả gia tài ông chỉ có một cái thuyền thúng đó thôi - một mình ông thì già rồi, cái tay bị thương

làm ăn không nổi nữa, phải để đứa con cùng đi theo. Ông bày cho con dùng cái thúng đó để câu mực, câu cá, làm ăn. Kỷ niệm thứ ba là trên đường đi khảo sát có những buổi trưa không có ăn, vì đâu có chuẩn bị kịp, thành ra bị đói. Một buổi trưa họ chúng tôi gặp một ông già treo vông nằm ở dưới rặng phi lao bên cạnh một cái chòi tranh. Chúng tôi dừng lại và hỏi cụ, lúc đó trông cụ thanh thản lắm. Chúng tôi hỏi ra thì cụ là dũng sĩ diệt Mỹ. Khi hỏi ở đây có quán xá, có gì ăn không thì cụ nói: Không có đâu! Và cụ đi nấu một nồi khoai, một nồi khoai luộc rồi mời chúng tôi cùng ăn!

Như vậy, họ là những người đánh xong trận mạc, nước nhà thái bình thịnh trị, người thì giàu có lên, kẻ thì đi nước ngoài, đi đâu đó, người làm việc này việc nọ, nhưng họ trở về cuộc sống với làng quê thanh bình và họ chỉ được hưởng độc lập tự do thôi chứ còn cái mái nhà tranh thì vẫn nguyên như xưa. Và khi gặp mình thì họ vẫn sẵn sàng chia cho mình từng củ khoai để làm sự nghiệp Dung Quất. Tôi nghĩ là phải nói cho đúng rằng bây giờ người dân và chúng tôi những nhà khoa học, chia cho nhau củ khoai để làm sự nghiệp

Dung Quất. Tôi nghĩ là phải nói cho đúng rằng bây giờ người dân và chúng tôi những nhà khoa học, chia cho nhau củ khoai để làm ĐẠI NGHIỆP mà ngày nay nhiều nước như Nhật Bản, Pháp, các nước ASEAN đều phải kính trọng công trình Dung Quất. Hay là, khi tiền đề CHÂN MÂY chúng tôi đi khảo sát gặp những người dân nghèo, nhưng khi chúng tôi cần làm việc thì họ làm cho chúng tôi không lấy công. Từ những chiến sĩ bộ đội biên phòng, coi chúng như người nhà, giúp đỡ từng li từng tí, chia nhau từng chỗ trải chiếu, từng mảnh giường nằm. Nhiều người dân sẵn sàng chèo thuyền cũng không lấy tiền. Với tấm lòng và sự giác ngộ của người dân như vậy, chúng tôi thấy rằng cái ĐẠI NGHIỆP này nếu được phát động toàn dân thì sẽ thắng. Nó cũng giống như cuộc kháng chiến vậy. Đó là người dân, còn đối với các Đảng bộ và chính quyền địa phương thì khỏi phải nói rồi. Như khi ở Chân Mây chúng tôi đi khảo sát thì được Bí thư huyện ủy Phú Lộc, chính quyền huyện Phú Lộc và mấy xã đem quà đến tận nơi cho đội khảo sát giống như là đi ủy lạo các chiến sĩ ở tiền phương. Những tình cảm đó, những sự cổ vũ

đó, cho rằng: trong nhân dân, sự vĩ đại của cuộc kháng chiến, của sự nghiệp giải phóng dân tộc vẫn còn nguyên vẹn để chúng ta đi vào công nghiệp hóa - hiện đại hóa ngày nay. Nếu mình biết phát huy cái hòa khí của dân, đồng thời mình xứng đáng với cái đó thì mình làm được sự nghiệp. Cái gốc của nó là dân, mình tin ở dân, dựa vào dân là làm được! Anh chắc cũng biết là người dân người ta say mê sự nghiệp này như thế nào. Một ông đánh giày ở thị xã Quảng Ngãi, khi anh em tôi đi sửa đôi giày, thì họ nhận ra bọn tôi, vì họ xem trên tivi họ nhớ mặt bọn tôi là người làm Dung Quất. Họ không lấy tiền. Họ nói: Ồ không, biết các anh làm Dung Quất chúng tôi không lấy tiền. Cả mấy ông thợ sửa kính cũng vậy, họ không lấy tiền. Rồi một hôm chúng tôi đi trên khu Bình Nguyên - ngay chỗ Dốc Sỏi đó, chúng tôi gặp những nông dân trong đó có nhiều thanh niên. Họ đi trồng rừng theo chương trình 327. Người họ đen nhẻm, cháy nắng, cầm những cây rựa, đi chân đất. Nhưng khi gặp anh em chúng tôi đi trên đường đó họ biết là anh em làm Dung Quất. Họ vui mừng lắm và chuyện trò. Anh biết không, họ vĩ đại ở chỗ

này. Chính họ nói với chúng tôi: Đây là việc rất lớn. Bởi vậy nên nó cũng phải có thời gian. Phải có thời gian chuyển biến từng bước để tiến lên, chứ không phải là đòi hỏi làm ngay một lúc mà được. Mà phải quyết tâm... Chúng tôi nghĩ chính những con người đi chân đất, cháy nắng như vậy mà họ nhìn thấy cái ĐẠI NGHIỆP, họ lượng định được con đường đi và thời gian của nó. Chúng tôi thấy những người dân bình thường như vậy họ lại có những cách nhìn rất chí lý và rất đầy đủ. Một ví dụ khác là khi chúng tôi đi khảo sát lên miền ngược thì gặp mấy đồng bào dân tộc ở Trà Bồng, ta hay gọi là người Thượng đó. Họ biết chúng tôi là đi làm Dung Quất vì Dung Quất có liên quan đến hồ nước trên Trà Bồng, cho nên chúng tôi đi khảo sát ở trên đó. Họ mừng lắm, đãi chúng tôi tiệc rượu chí cốt và coi chúng tôi như người nhà, coi cái sự nghiệp này gắn bó với họ. Họ quý mến chúng tôi lắm. Chúng tôi nghĩ: Người dân bình thường từ miền xuôi cho đến miền thượng họ đều hưởng ứng công việc - một cái sự nghiệp to lớn của Chính phủ như là việc thiết thân đến họ. Và họ cũng nhìn xa trông rộng không kém gì những nhà lãnh đạo. Mà

ở họ, mình còn đọc được cả những tấm lòng, họ mất cả cuộc đời, cả tuổi thanh xuân, già rồi, chỉ ăn nổi khoai, họ chia cho mình một nửa. Họ còn tự đi nấu lên mời mình ăn. Những việc như vậy cho chúng tôi thấy là: miền Trung này tuy là khắc khổ, nhưng người dân có bản lĩnh, có tấm lòng và chịu hy sinh. Nếu biết động viên, biết sử dụng tinh thần đó thì chúng ta vượt qua được tất cả. Đặc biệt cán bộ mình mà luôn luôn nhớ đến họ và học tập những tinh thần đó thì mình đạt được. Đây không phải câu nói giáo điều đâu anh. Tôi là nhà khoa học thuần túy, chẳng phải là nhà lãnh đạo, nhà chính trị, nhưng đối với tôi đó là những điều có tính chân lý, không có nó thì không thành công.

*

* *

Đối với Dung Quất, tôi có hai cái cảm nghĩ. Cái cảm nghĩ thứ nhất là khi đến vùng đất này thì thấy nó là cái vùng đất tỏa ra cái hào hoang, làm cho mình rục rỏ, sáng lên trong lòng. Mình ham mê nó và mình tới đó một lần rồi, tới lần thứ hai

thì mình thấy như người thân. Tôi có viết một bài thơ ngắn gọn;

*Chào Dung Quất một chiều trở lại
Nỗi ân tình còn mãi trào dâng
Trời cao biển đẹp tuyệt trần
Tiềm năng ẩn hiện một vầng hào quang*

Rõ ràng tiềm năng của nó tỏa ra hào quang. Đây là do trời phú cho Dung Quất một thiên nhiên như thế. Cái hào quang ở đây là cả một cảnh thiên nhiên rất đẹp, có một vị trí chiến lược, cả vai trò quan trọng của nó được đặt trong bối cảnh mở cửa của đất nước. Còn nói về tương lai của Dung Quất thì lúc đó tôi đã viết một bài tiếp: ý đồ xây dựng Dung Quất của mình là có thành phố Vạn Tường, có cảng Dung Quất, triển vọng của nó thế nào? Tôi có viết 4 câu thời kỳ đổi mới Dung Quất:

*Dung Quất lung linh ánh hào quang
Vạn Tường hiển hách buổi huy hoàng
Rộn ràng bước tới thời hưng thịnh
Nhà máy, công trường, phố dọc ngang.*

Và tôi sẽ chắc năm nay, năm 1997, cái cảnh đó sẽ đến. Nhà máy lọc dầu, công trường thi công, đường đang mở và đô thị sẽ mọc lên. Chắc là trong thế hệ chúng ta cũng được nhìn thấy chứ không đến nỗi là không nhìn thấy. Còn mối quan hệ giữa Dung Quất của Quảng Ngãi với Chu Lai của Quảng Nam, tuy ở hai tỉnh nhưng quan hệ của nó rất đẹp. Nó thật "xứng đôi vừa lứa". Bên này thì có thành phố Vạn Tường, tượng trưng cho một anh hùng. Dung Quất như một nàng công chúa. Bên kia Chu Lai thì có Núi Thành như một anh hùng, còn sân bay Chu Lai cũng như một nàng tiên có nhiều hấp dẫn. Hai vùng này đi lên sánh vai với nhau tạo nên một khu công nghiệp liên hoàn. Tôi viết bài "Tương đồng" để nói về cảm tình đó, có câu:

*Đẹp thay đôi bạn đồng hành
Vạn Tường-Dung Quất, Núi Thành-Chu Lai*

Còn Chân Mây, khi tôi đến lần đầu tiên là tháng 11.1994, tức 2 tháng sau khi Thủ tướng phê duyệt Dung Quất, thì Chân Mây bắt đầu vào cuộc. Tỉnh Thừa Thiên - Huế mời anh em, chúng tôi ra,

cùng nhau đi xuống Chân Mây. Ngày đó anh Phan Văn Đường, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, anh Thông, Trưởng đồn Biên phòng, đón chúng tôi ở ngã ba đi về Chân Mây, cùng với một số bộ đội biên phòng đi thị sát, khảo sát trước khi Ủy ban nhân dân Thừa Thiên - Huế họp bàn. Ở vùng Chân Mây có mũi Chân Mây Tây và Chân Mây Đông. Hai dải núi này chạy ra biển, cảm thấy như nó nhìn nhau. Đằng sau đó là dãy Bạch Mã hùng vĩ. Tôi cảm nhận đó là một vùng đất đẹp, đáng lẽ nó phải giàu có tự bao giờ rồi. Tôi cảm giác như là nhiều thế hệ cứ nhìn nhau và nhìn về con Bạch Mã mà vẫn chưa nhảy được lên lưng, để mà phóng nó đi, đưa cái vùng đất này cùng đất nước tiến lên. Anh Phan Văn Đường sau khi dẫn tôi khảo sát trở về có hỏi: "Anh có phát biểu gì về Chân Mây khi anh đã đi?". Tôi nói: "Chúng tôi đã có nghiên cứu, nhưng để có thể phát biểu thành luận cứ khoa học thì phải có khảo sát thêm, so sánh thêm. Điều đó chúng tôi sẽ đưa ra. Nhưng có thể nói cảm nghĩ ban đầu của tôi trong 4 câu thơ diễn tả sự vĩ đại và tấm lòng của người dân, cũng như cái hùng vĩ của thiên nhiên khu vực này. Đó là:

*Chân Mây Tây nhìn Chân Mây Đông
Bao thế hệ cùng trông Bạch Mã
Giờ mở cửa - nước nhà rộn rã
Lên ngựa thôi! Tất cả từ đây.*

Ý tôi muốn nói rằng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Huế và cuộc đổi đời là phải ở chỗ này.

Bây giờ thì, sau khi nghiên cứu của tổ chức JICA (Nhật Bản), họ kết luận Chân Mây, là một siêu dự án, là cảng quốc tế thương mại, là cửa ngõ đi ra phía Đông - Nam Á, là khu công nghiệp, khu du lịch. Thành phố Chân Mây có thể liên kết Huế - Đà Nẵng. Qua nghiên cứu của JICA (Nhật Bản) và nghiên cứu của anh em chúng tôi, qua sự đánh giá của rất nhiều đoàn nước ngoài, tôi nghĩ nội dung của 4 câu thơ đó cũng đã rõ dần. Điều quan trọng là, Chính phủ cũng đã phê duyệt định hướng đô thị Chân Mây với tính chất là một thành phố cảng - thành phố công nghiệp - thành phố thương mại quốc tế - thành phố du lịch. Tôi cho đây là một dấu ấn lịch sử. Điều đó chứng tỏ ngày mà Chân Mây bước lên con ngựa trắng Bạch Mã đã tới. Theo

tôi thì trong năm 1997 này con ngựa trắng Bạch Mã Chân Mây của Thừa Thiên - Huế sẽ bắt đầu tung vó. Sau cả bao nhiêu ngàn năm nằm ngủ, bây giờ con ngựa Bạch Mã đã tìm được một kỵ sĩ tốt, đó là kỵ sĩ Chân Mây. Con ngựa trắng tìm được kỵ sĩ Chân Mây, sẽ tung vó, và Thừa Thiên - Huế chắc là sẽ cất cánh!

Việc đánh thức tiềm năng Chân Mây lại còn gặp thời cơ - đó là lúc Quảng Trị đang mở đường 9, từ đó nối vào Huế - Chân Mây. Có Chân Mây thì đường 9 mới có giá trị. Nhưng có đường 9 thì Chân Mây cũng mới có giá trị lớn. Mỗi quan hệ đó là quan hệ hữu cơ. Nó chứng minh rằng: chúng ta sân liền sân, nhà liền nhà, không có gì ngăn cách hết - cùng một hơi thở - cùng một nhịp đập. Thành ra, các tỉnh miền Trung phải liên kết lại. Quảng Trị mà không có Chân Mây thì đường 9 không có giá trị gì lắm. Còn Chân Mây mà không có đường 9 thì lấy đâu mà thành cửa ngõ lớn nhất miền Trung này và trở thành khu thương mại quốc tế. Đây chỉ là một ví dụ điển hình về mối quan hệ chặt chẽ giữa các tỉnh miền Trung. Một ví dụ khác là giữa Quảng Nam - Đà Nẵng và Thừa Thiên -

Huế. Ví dụ khi đường hầm đèo Hải Vân làm xong, thì mối quan hệ qua lại giữa Đà Nẵng với Chân Mây - giữa Huế với Đà Nẵng trở thành "thịt với da, tim óc nối liền" như Tố Hữu đã viết.

Có một điều, với tư cách là một công dân, một trí thức tôi muốn bày tỏ, đó là thế hệ chúng tôi đã chịu nhiều đau khổ và trả giá, vì lứa tuổi ngoại ngũ tuần như chúng tôi đã nếm mùi chiến tranh đã chứng kiến rất nhiều, gian khổ nhiều, suy nghĩ nhiều về một con đường ra cho đất nước như thế nào, và cũng có nhiều mơ ước. Do đó khi nói đến hai đề án lớn Dung Quất - Chân Mây - đã nói đến người dân mà không nói đến vai trò của Chính phủ thì là một thiếu sót không chấp nhận được. Có thể nói Đảng, Nhà nước ta, Chính phủ ta mở ra một con đường đổi mới cực kỳ vĩ đại và quan trọng. Nhờ có đường lối đó mà các nhà khoa học chúng tôi mới có những công trình.

Mình có được khát khao như vậy lại cũng chính nhờ Đảng và Nhà nước dạy cho mình từ nhỏ. Phải biết ơn người đi trước, biết ơn tiền nhân, những người đã hy sinh, biết ơn nền độc lập - tự do này, biết là khi mình bưng bát cơm ngon này là

nhờ ai, biết nhục khi nước Việt Nam này, dân Việt Nam này giàu truyền thống như thế này mà lại kém hơn các nước lân bang. Những điều này trong các thế hệ sắp tới nếu không được dạy dỗ, rèn dũa thì không thể tiến lên được. Vì tôi nghĩ, thời nào thì cái đó cũng là giá trị vĩnh hằng. Giá trị vĩnh hằng là ở chỗ lòng yêu nước - cái đạo lý và lòng nhân bản; cái quả cảm của con người. Khi mà tôi gặp ông già ở Vạn Tường, ông cũng có tâm tư, thắc mắc với chính quyền dữ lắm. Ông ta bảo rằng: họ coi tôi chẳng ra gì, họ thế này thế kia, họ cho chúng tôi là kém. Lúc đó tôi trả lời với ông già thế này: "Thưa bác. Tôi là một nhà khoa học, cũng là con em gia đình cách mạng, phải trả giá nhiều. Ở đây chúng tôi nghĩ rằng: Kỹ thuật ngày nay nó gấp một vạn lần cái thời ông Trần Hưng Đạo. Nhưng, lòng quả cảm, sự thông minh, cái nhân bản, cái đạo lý chịu hy sinh rất anh hùng của ông Trần Hưng Đạo thì cho đến ngày nay học còn chưa được. Và đó là giá trị vĩnh hằng. Bởi vậy những gì mà bác đã chịu hy sinh trên trận Vạn Tường này để đem lại độc lập tự do, chúng tôi đây cũng như con cháu học mãi cũng chưa chắc đã can trường

được như bác đầu. Muôn đời phải nhớ lấy và cái điều này sẽ không mất". Ông già nói rằng: "Mày nói vậy tao nghe được. Cả cuộc đời chiến đấu chỉ cần được chừng đó thôi!". Tôi nghĩ rằng: điều đó có nghĩa là những người chiến đấu như ông già dũng sĩ Vạn Tường kia họ cũng chẳng đòi hỏi gì, ngoài cái đòi hỏi là phải tôn trọng một giá trị vĩnh hằng. Con cháu phải biết tôn trọng tiền nhân và lòng quả cảm thì đời nào, thời nào cũng phải học tập, phải trau dồi, phải rèn luyện mới đạt được. Anh em chúng tôi coi đó là giá trị vĩnh hằng. Mình phấn đấu làm cái gì cũng xoay xung quanh cái giá trị VĨNH HẰNG này mới tốt được!".

Trên đây là những kỷ niệm và suy nghĩ của anh Trương Đình Hiến tâm sự với tôi trong buổi trưa mùa đông nắng vàng rực rỡ của xứ Huế bên bờ sông Hương thân thương. Các anh vừa cùng đồng chí Trần Đức Lương đi làm việc, thăm và khảo sát suốt dải duyên hải miền Trung, qua Dung Quất - Liên Chiểu - Chân Mây, ra Huế và trên đường ra với đường 9 - Cửa Việt của Quảng Trị, cửa ngõ lớn của miền Trung thông sang với vùng Đại Mê Kông sau này. Chuyến khảo sát đầu

năm 1997 này hẳn sẽ thúc đẩy nhanh tiến độ để
Dung Quất - Chân Mây vào cuộc, như lời thơ
mộc mạc mà anh Trương Đình Hiến gửi gắm
niềm tin:

*Giờ mở cửa - nước nhà rộn rã
Lên ngựa thôi - Tất cả từ đây!*

NGUYỄN TRƯỞNG ĐÀN

CẢM NGHĨ VÀ NHỚ LẠI

"15 kỹ sư và cán bộ kỹ thuật năm ấy không biết ai còn ai mất, ai đang làm việc, ai đã về hưu?" Tôi thăm tự hỏi vậy sau khi đọc mẫu tin trên trang 8 báo Nhân Dân số ra ngày 30-12-1998 cho biết Chính phủ ta đã trao giấy phép đầu tư cho Công ty Liên doanh Nga, xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 tại Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi. Đây là liên doanh giữa PetroVietNam và hãng arube/nheII (I.B Nga) với số vốn pháp định 800 triệu USD, trong đó PetroVietNam góp 50%. Nhà máy lọc dầu này có công suất 6,5 triệu tấn dầu thô năm, nguyên liệu chính là dầu ngọt Việt Nam và sẽ cho ta các sản phẩm chính là xăng, dầu DO, FO, LPG. propylene v.v... Mẫu tin không đầy 150 từ vừa báo điều mừng vừa gọi lên bao cảm nghĩ tự hào về đất nước.

Bởi vì trong mỗi chúng ta, hẳn nhiều người còn nhớ, cách đây chưa lâu, chỉ vì thiếu xăng dầu mà biết bao người con của Tổ quốc đã ngã xuống để tạo điều kiện cho súng đạn, lương thực của hậu phương lớn miền Bắc được đưa kịp thời vào tiền tuyến lớn miền Nam trong giai đoạn thử thách cao độ nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Nhắc đến thời kỳ đó, trong tai tôi như vẫn còn nghe câu nói của khẩu đội trưởng Ba ở đơn vị pháo đặt trên bờ biển Cửa Tùng - Vĩnh Linh trong trận đánh tàu chiến Mỹ NiuDơRi. Tàu chúng ông công ông đi vào bờ bắn phá, mắt thường trông thấy rõ mồn một, thấy cả nòng đại bác 406 ly chúng đặt trên đó. Nhưng khi có lệnh bắn, các chiến sĩ ta chỉ bắn được tám phát đạn rồi lặng lẽ hạ nòng pháo xuống, phủ kín lá ngụy trang. Tôi vội hỏi Khẩu đội trưởng Ba:

- Sao không bắn nữa! Đã trúng tàu giặc đâu?

Khẩu đội trưởng Ba vốn hay cười, hay hát, lúc đó nói như muốn khóc:

- Ước quá, nhà báo ơi!

Thấy giặc lù lù đó mà đành chịu. Vì xe chở

đạn hết xăng còn nằm ngoài Dốc Sỏi (Quảng Bình) chưa chuyển vào kịp.

Ít lâu sau, ở chiến trường Quảng Trị, đơn vị X sắp đến giờ hành quân vào trận đánh, nhưng không may một đoạn đường bị bom địch băm nát, mấy xe chở 40 phuy xăng cho đơn vị đánh phải nằm lại, không kịp vượt lên. Cán bộ, chiến sĩ của đơn vị liền xung phong đi gùi xăng lên để có xăng cho xe kéo pháp vào trận. Họ dùng ba lô "con cóc", trong lót kín lớp ni lông, rồi rót xăng vào, buộc tròn căng như cái trống. Cứ thế họ gùi dưới tầm bom địch ném. Đến khi chuyển hết 40 phuy xăng lên địa điểm thì đã có ba mươi đồng chí hy sinh trên đường vận chuyển.

Trước tình hình cực kỳ gian khổ, quyết liệt ấy được Bộ Chính trị gợi ý, Bộ quốc phòng cùng bàn với Bộ Vật tư đi đến quyết định: đặt đường ống dẫn xăng dầu đi qua vùng "cán xoong" khu Bốn. Đại tá Phan Tử Quang, Cục trưởng Cục xăng dầu quân đội, liền dẫn một số cán bộ, chiến sĩ và 15 kỹ sư, cán bộ kỹ thuật nghiệp vụ của trường Đại học Bách Khoa, trường Đại học Mỏ địa chất và Tổng Công ty xăng dầu vào vùng "cán xoong" trực tiếp

khảo sát, chọn tuyến ống, mở đường. Tuyến đường ống dẫn dầu đầu tiên đó đặt từ dưới chân núi Đại Huệ, qua hai huyện Nam Đàn (Nghệ An), Đức Thọ (Hà Tĩnh), và không ngờ mang ý nghĩa đẹp làm sao là nó lại đi theo con đường mà cách đây 187 năm, đại quân của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ - Quang Trung đã hành quân thần tốc qua đây ra đánh giặc Thanh. Sau 62 ngày thi công khẩn trương, gian khổ, dưới tầm bom giặc, ngày 15-7-1969, từ tuyến ống đầu tiên này, xăng được bơm từ kho chìm Nam Thanh vào ống chảy qua "tam giác lửa" (Đại Sơn - Truong Bồn - Linh Cảm) đến tận Khe Lam, dài 50 ki-lô-mét. Mỗi ngày ở tuyến ống đầu tiên này, vận chuyển khối lượng xăng bằng 48 chiếc xe vận tải. Từ đó đường ống ngày càng vươn dài. Đúng phút giao thừa Tết Quý Dậu (16-2-1969), lúc tiếng nói ấm áp của Bác Hồ muôn vàn kính yêu qua làn sóng điện của Đài tiếng nói Việt Nam "Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào. Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn!" vừa dứt, cũng là lúc mở van cho mạch xăng chảy tiếp từ quê Bác, vượt đèo Mụ Giạ cao gần 1000 mét sang tới Na Tông! đi xa thêm 230 ki-lô-

mét. Rồi hai năm sau, mạch xăng dầu lại từ quê Bắc nổi ra điểm gốc Hà Nội, tỏa xuống Hải Phòng, Quảng Ninh, lên Lạng Sơn. Tuyến đường ống gốc này của toàn bộ hệ thống đường ống dài hơn 300 ki-lô-mét, phải vượt qua chín con sông, ở đồng bằng Bắc Bộ: Yên Lập, Uông Bí, Đá Bạch, Hồng, Hàn, Kinh Môn, Kinh Thầy, Thái Bình, Đình Đào. Đến cuối tháng 12-1974, chuẩn bị cho chiến dịch đại thắng mùa xuân năm 1975, ống dẫn xăng dầu đã đặt tới phần đất Nam Bộ, tại Bù Gia Mập. Đây là đoạn ống cuối cùng của cả hệ thống đường ống dẫn xăng dầu nối liền Bắc-Nam dài 4848 ki-lô-mét phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trên đường theo đoàn quân vào chiến dịch đại thắng mùa xuân năm 1975, khi dừng lại ở Đà Nẵng, tôi có dịp được chứng kiến cuộc hỏi cung "chớp nhoáng" giữa chiến sĩ ta với một sĩ quan không quân nguy bị quân ta bắt ở sân bay Đà Nẵng. Người sĩ quan này khai rằng: "Trước khi tháo chạy, chuẩn tướng tư lệnh trưởng lữ đoàn không quân Đà Nẵng, Nguyễn Đức Khánh động viên hơn ba trăm sĩ quan không quân ở đây cố

gắng tử thủ. Vì nếu cộng sản có đánh vào Đà Nẵng cũng phải sau ba tháng nữa, không phải vì thiếu người, xe tăng, súng đạn, mà chính là vì thiếu nguồn tiếp xăng, nhớt".

Vào đến Quy Nhơn, tôi lại được nghe mấy nhân viên tiếp nhớt dưới thời Mỹ - Ngụy kể lại: "Sau khi thấy Cách mạng giải phóng nhanh gọn Buôn-Mê-Thuột, chúng đoán chắc thế nào "Việt Cộng" cũng sẽ tiến công khắp cả miền Nam, cho nên chúng đã vội ra lệnh cho những chiếc tàu lớn có sức tải 20 nghìn tấn đang rẽ sóng chở xăng dầu từ Singapore, Philippin... không được vào cập cảng miền Nam rót cho kho lớn Nhà Bè như hàng tháng trước đó, mà phải đổi hướng đi hoặc lớn vốn chập chờn ngoài biển xa để xem tình hình ra sao đã!"

Chúng đã tính nhầm. Ta đã toàn thắng. Một trong những yếu tố quyết định, cho toàn thắng đó là bảo đảm tiếp tế đủ xăng dầu cho hơn hai vạn xe, pháo vào trận trong 55 ngày đêm chiến dịch đại thắng mùa xuân. Rõ ràng không có những năm tháng chiến đấu cực kỳ gian khổ, anh dũng ấy thì làm sao ngày nay có cả lãnh hải mệnh mông của

Tổ quốc độc lập mà trên đó, ở biển phía Nam đang sừng sững hàng chục giàn khoan khai thác dầu ngày đêm hoạt động không mệt mỏi. Kết thúc năm kế hoạch 1998 đã lấy lên cho đất nước hơn 12 triệu tấn dầu thô, dự kiến năm 1999 sẽ lấy lên số dầu và khí quy đổi thành 20 triệu tấn. Vậy mà thỉnh thoảng lại có người dây đó cổ tình thò ra quan điểm lệch lạc, xuyên tạc, phủ nhận lịch sử, lãng lờ đi những kỳ công hiển hách của cha ông, đem lời lẽ phù họa với kẻ xấu bên ngoài nhằm lôi cuốn lớp trẻ sinh sau chiến tranh chạy theo đồng tiền ích kỷ thực dụng để quên hết truyền thống lịch sử văn hóa của bao thế hệ đi trước. Cơ sở cho niềm tin đã rõ, chỉ ba mùa xuân nữa, nhà máy lọc dầu ở Dung Quất bằng nguyên liệu chính là dầu ngọt Việt Nam sẽ bước vào hoạt động cho ra đời 5 loại sản phẩm chính: xăng, dầu DO, FO, LPD, propylene. Ước mơ lâu nay của nhân dân ta là "đất nước mình có dầu của mình dùng". Mùa xuân Kỷ Mão này là một cái mốc khẳng định, biến ước mơ thành hiện thực, vì nhà máy lọc dầu Dung Quất đang bước vào giai đoạn xây dựng nền móng. Và mong đừng ai quên là trong những giọt xăng dầu

mang nhãn hiệu Việt Nam ấy dù chứa ngày càng nhiều hàm lượng chất xám, kỹ thuật hiện đại, vẫn có cả nhịp thở - tiếng gọi - ước mơ của bao lớp người đi trước mở đường cho đất nước giành được độc lập.

HỒNG KHANH

NHỮNG MỐC THỜI GIAN CỦA DỰ ÁN CẢNG BIỂN NƯỚC SÂU VÀ KHU CÔNG NGHIỆP DUNG QUẤT

1) Tháng 2 năm 1992, sau khi phân tích tình hình phát triển kinh tế của khu vực và vị trí chiến lược của các tỉnh miền Trung trong giai đoạn sắp tới, Phó tiến sĩ (PTS) Trương Đình Hiến và kỹ sư (KS) Bùi Quốc Nghĩa (Phòng thủy hải văn công trình thuộc phân viện khoa học Việt Nam - nay là Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ Quốc Gia) đã soạn thảo và triển khai chương trình nghiên cứu và lựa chọn các khu vực có thể làm cảng biển ở khu vực miền Trung và đã tiến hành nghiên cứu 12 vị trí: Qui Nhơn, Đề Gi, An Dũ, Tam Quan (Bình Định), Sa Huỳnh, Trà Câu, Cửa Đại, Sa Kỳ, Dung Quất (Quảng Ngãi), Kỳ Hà,

Vịnh Đà Nẵng (Quảng Nam - Đà Nẵng), Chân Mây (Thừa Thiên - Huế).

2) Tháng 9 năm 1992, tác giả PTS Trương Đình Hiến và KS Bùi Quốc Nghĩa đã hoàn thành dự án chọn địa điểm cảng biển nước sâu Dung Quất.

3) Ngày 10 tháng 9 năm 1992, PTS Trương Đình Hiến và KS Bùi Quốc Nghĩa đến báo cáo và giới thiệu dự án với Ban Khoa học kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi và xin đi thực địa để kiểm tra hiện trường tại Dung Quất.

4) Chiều 11 tháng 9 năm 1992, tác giả dự án PTS Trương Đình Hiến và KS Bùi Quốc Nghĩa đã báo cáo với đại diện UBND tỉnh Quảng Ngãi.

5) Giữa tháng 10 năm 1992, tác giả đã gửi hai bản báo cáo dự án chọn địa điểm cảng biển nước sâu Dung Quất đến UBND tỉnh Quảng Ngãi và Ban Khoa học kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi.

6) Tháng 11 năm 1992, đại diện UBND tỉnh Quảng Ngãi, Ban Khoa học kỹ thuật và Sở giao thông Vận tải tỉnh Quảng Ngãi đã vào thành phố Hồ Chí Minh để nghe tác giả PTS Trương Đình Hiến báo cáo dự án.

7) Ngày 12 tháng 12 năm 1992, Phân viện Khoa học Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh đã mời đại diện UBND tỉnh Quảng Ngãi, đại diện Công ty VELK Trading, đại diện công ty Sampe (Nhật Bản) nghe tác giả Trương Đình Hiến trình bày dự án Dung Quất tại thành phố Hồ Chí Minh.

8) Ngày 18 tháng 12 năm 1992, UBND tỉnh Quảng Ngãi gửi báo cáo dự án Dung Quất và tờ trình lên Văn phòng Chính phủ.

9) Ngày 10 tháng 1 năm 1993, tác giả Trương Đình Hiến báo cáo dự án cảng biển nước sâu Dung Quất với Phó Thủ tướng Phan Văn Khải tại hội trường UBND tỉnh Quảng Ngãi.

10) Ngày 19 tháng 9 năm 1994, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã về thị sát khu vực dự án cảng biển nước sâu và khu công nghiệp Dung Quất.

11) Ngày 11 tháng 4 năm 1996, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 207/TTg về việc "Phê duyệt quy hoạch chung khu công nghiệp Dung Quất".

12) Ngày 5 tháng 12 năm 1997, tại kỳ họp thứ hai - Quốc hội khóa 10 (từ ngày 21/11/1997 -

12/12/1997) đã thông qua Nghị quyết số 07/1997/QH10 về dự án nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất là công trình quan trọng Quốc gia.

13) 10 giờ ngày 8/1/1998 - Động thổ - khởi công xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 - Dung Quất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Một số vấn đề lịch sử kinh tế Việt Nam - Lê Quốc Sử. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Năm 1998.

- Đất nước Việt Nam qua các đời - Đào Duy Anh. Nhà xuất bản Thuận Hóa năm 1994.

- Quảng Ngãi: Đất nước - Con người - Văn hóa. Sở Văn hóa Thông tin Quảng Ngãi - năm 1997.

- Lịch sử đảng bộ huyện Bình Sơn - 1930 - 1975. Nhà xuất bản Tổng hợp Nghĩa Bình - 1988.

- Dung Quất hành trình vào thế kỷ 21. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - 1998.

- Khu Công nghiệp Dung Quất. Ban quản lý Khu Công nghiệp Dung Quất - 1998.

MỤC LỤC

	Trang
• Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chung khu công nghiệp Dung Quất.	5
• Nghị Quyết về dự án nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất	9
• Lời giới thiệu	13

Phần I:

DUNG QUẤT ANH HÙNG

• Vị trí, hoàn cảnh địa lý tự nhiên vùng Dung Quất.	17
• Dung Quất: vùng đất - con người và truyền thống.	24
• Một số số liệu	53

Phần II:

DUNG QUẤT BƯỚC VÀO THẾ KỶ 21

• Một số hình ảnh lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ đi thị sát Dung Quất.	55
• Những dự án chủ yếu sẽ được triển khai xây dựng ở khu công nghiệp Dung Quất từ nay đến năm 2000.	57

• Một quyết định sáng suốt, đẩy tính khoa học và cách mạng để miền Trung cất cánh vào thế kỷ 21.	69
• Vai trò chiến lược của cảng biển nước sâu và khu công nghiệp Dung Quất trong mối liên hệ vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và khu vực.	80
• Nhà máy lọc dầu Dung Quất - chiến lược lựa chọn địa điểm	92
• Dự án nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất.	106
• Khởi công xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 Dung Quất	115
• Một số hình ảnh về quá trình khởi công xây dựng Dung Quất	
• Những thách thức kinh tế - xã hội và cơ hội mở ra từ dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất cho vùng đất nông nghiệp miền Trung	120
• Tương lai dầu khí Việt Nam	146
• Chia nhau củ khoai để làm đại nghiệp	154
• Cảm nghĩ và nhớ lại	187
• Những mốc thời gian	195
• Tài liệu tham khảo	199
• Mục lục	200

DUNG QUẤT ANH HÙNG
BƯỚC VÀO THẾ KỶ 21

Cao Minh ~ Nguyễn Trường Đàm
(Biên soạn và tuyển chọn)

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
Chịu trách nhiệm xuất bản :
BÙI VĂN NGỢI

Biên tập : ĐẶNG QUANG VINH
VĂN SONG
Trình bày & sửa bản in : VĂN SONG
Bìa : ĐINH TẤN LÊ

In : 1000 cuốn, khổ 13x19 cm, Số xuất bản: 21/365/CXB-QLXB
In tại : Cty in Bao bì và Xuất nhập khẩu tổng hợp
Nộp lưu chiếu : Tháng 9 – 1999

DUNG QUẤT

anh hùng
bước vào
thế kỷ 21



GIÁ : 20.000 đồng